

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**HÀ THỊ BÍCH NGỌC**

**PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA  
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO  
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ  
THÀNH PHỐ BẮC KẠN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**HÀ THỊ BÍCH NGỌC**

**PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA  
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO  
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ  
THÀNH PHỐ BẮC KẠN**

**Ngành: Giáo dục học**

**Mã số: 8.14.01.14**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Ngọc**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở thành phố Bắc Kạn*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi, những số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực, chưa hề được sử dụng và công bố ở bất kỳ một công trình nghiên cứu nào khác.

*Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018*

**Tác giả**

*Hà Thị Bích Ngọc*

## LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành và lòng kính trọng, em xin gửi đến lãnh đạo trường Đại học sư phạm Thái Nguyên, các thầy, cô giáo trong và ngoài Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên đã giảng dạy và hướng dẫn em trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, em xin trân trọng cảm ơn **TS. Nguyễn Thị Ngọc** người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tận tình để em hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và tạo điều kiện của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Bắc Kạn, các trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Bắc Kạn, cảm ơn các thầy cô giáo đã tận tình giúp đỡ và cung cấp số liệu, đóng góp ý kiến về việc điều tra nghiên cứu và hoàn thành luận văn thuận lợi.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tác giả xin trân trọng tiếp thu những ý kiến, góp ý xây dựng của các nhà khoa học, các thầy cô giáo và đồng nghiệp để tiếp tục hoàn thiện luận văn.

*Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018*

**Tác giả**

***Hà Thị Bích Ngọc***

## MỤC LỤC

Lời cam đoan .....	i
Lời cảm ơn .....	ii
Mục lục .....	iii
Danh mục các từ viết tắt .....	iv
Danh mục các bảng .....	v
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu .....	2
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu .....	2
4. Giả thuyết khoa học .....	2
5. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	2
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu .....	2
7. Phương pháp nghiên cứu .....	3
8. Cấu trúc của luận văn .....	3
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH THCS</b> .....	<b>4</b>
1.1. Tổng quan lịch sử vấn đề nghiên cứu .....	4
1.1.1. Nghiên cứu ở nước ngoài .....	4
1.1.2. Nghiên cứu trong nước .....	6
1.2. Khái niệm công cụ .....	10
1.2.1. Giao tiếp .....	10
1.2.2. Kỹ năng giao tiếp .....	12
1.2.3. Phát triển kỹ năng giao tiếp .....	14
1.2.4. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo .....	15
1.2.5. Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo .....	17
1.3. Lý luận về phát triển KNGT cho học sinh ở các trường THCS .....	18
1.3.1. Đặc điểm phát triển KNGT cho học sinh THCS .....	18

1.3.2. Vai trò của KNGT cho HS THCS .....	18
1.3.3. Nguyên tắc phát triển KNGT cho HSTHCS .....	21
1.3.4. Các nhiệm vụ phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh.....	22
1.3.5. Nội dung phát triển KNGT cho học sinh THCS .....	22
1.3.6. Các con đường phát triển KNGT cho học sinh THCS .....	25
1.4. Những vấn đề cơ bản về phát triển KNGT thông qua HĐTNST của HS THCS .....	28
1.4.1. Đặc điểm nhân cách của học sinh THCS.....	28
1.4.2. Mục tiêu phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS.....	31
1.4.3. Nội dung các HĐTNST có ưu thế phát triển KNGT cho HS THCS.....	31
1.4.4. Hình thức tổ chức các HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS.....	33
1.4.5. Phương pháp phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS.....	36
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KNGT của HS THCS qua HĐTNST .....	39
1.5.1. Nhận thức cán bộ quản lý, cán bộ GV về việc phát triển KNGT cho HS .....	39
1.5.2. Trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên .....	40
1.5.3. Nhận thức của học sinh.....	41
1.5.4. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và các lực lượng xã hội .....	41
Tiểu kết chương 1 .....	42
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ BẮC KẠN.....</b>	<b>43</b>
2.1. Vài nét về các trường THCS thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn .....	43
2.1.1. Đặc điểm về vị trí địa lý, đặc điểm dân số và tình hình phát triển kinh tế tỉnh Bắc Kạn.....	43
2.1.2. Đặc điểm các trường THCS trên địa bàn Thành phố Bắc Kạn .....	44
2.1.3. Đặc điểm đội ngũ giáo viên các trường THCS Thành phố Bắc Kạn .....	45
2.1.4. Đặc điểm học sinh các trường THCS Thành phố Bắc Kạn.....	46
2.2. Khái quát về khảo sát thực trạng phát triển KNGT thông qua HĐTNST .....	48
cho HS THCS thành phố Bắc Kạn .....	48
2.2.1. Mục đích khảo sát.....	48

2.2.2. Nội dung khảo sát .....	48
2.2.3. Đối tượng khảo sát.....	48
2.2.4. Phương pháp khảo sát và xử lý kết quả khảo sát.....	48
2.3. Kết quả khảo sát thực trạng phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS thành phố Bắc Kạn .....	49
2.3.1. Thực trạng nhận thức phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS..	49
2.3.2. Thực trạng tổ chức các HĐTNST tại các trường THCS thành phố Bắc Kạn nhằm phát triển KNGT cho HS .....	53
2.3.3. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS.....	65
2.3.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNST cho HS THCS.....	66
2.4. Nguyên nhân thực trạng.....	70
Tiểu kết chương 2 .....	71
<b>Chương 3: BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ BẮC KẠN.....</b>	<b>72</b>
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp.....	72
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích .....	72
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn.....	73
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học.....	73
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi .....	74
3.2. Một số biện pháp đề xuất để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS thành phố Bắc Kạn .....	74
3.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS .....	74
3.2.2. Biện pháp 2: Hoàn thiện danh mục các HĐTNST có ưu thế phát triển KNGT cho HS .....	76
3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng qui trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS thông qua HĐTNST.....	78

3.2.4. Biện pháp 4: Thiết kế tài liệu hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT. ....	84
3.2.5. Biện pháp 5: Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS .....	88
3.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh các trường THCS.....	90
3.2.7. Biện pháp 7: Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST .....	92
3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp .....	96
3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi các biện pháp đã xây dựng .....	96
3.4.1. Mục đích khảo nghiệm .....	96
3.4.2. Quá trình khảo nghiệm .....	96
3.4.3. Kết quả khảo nghiệm .....	97
Tiểu kết chương 3 .....	100
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b> .....	101
1. Kết luận.....	101
2. Khuyến nghị.....	102
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	105



## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>VIẾT ĐẦY ĐỦ</b>
1	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
2	GD	Giáo dục
3	GV	Giáo viên
4	HĐGDNGLL	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp
5	HĐTNST	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
6	HS	Học sinh
7	KNGT	Kỹ năng giao tiếp
8	THCS	Trung học cơ sở

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Thực trạng nhận thức của GV về khái niệm kỹ năng giao tiếp.....	49
Bảng 2.2: Thực trạng nhận thức của GV về khái niệm HĐTNST .....	50
Bảng 2.3: Đánh giá của GV về tầm quan trọng của phát triển KNGT thông qua Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.....	51
Bảng 2.4: Nhận thức của GV về các con đường phát triển KNGT .....	52
Bảng 2.5: Thực trạng tổ chức các HĐTNST cho HS THCS .....	54
Bảng 2.6: Đánh giá của Giáo viên về tần suất và mức độ hứng thú của HS khi tham gia các HĐTNST do nhà trường tổ chức .....	55
Bảng 2.7: Đánh giá của GV về những kỹ năng được nhà trường tổ chức để phát triển KNGT cho HSTHC thông qua HĐTNST .....	56
Bảng 2.8: Đánh giá của HS về những kỹ năng được nhà trường tổ chức để phát triển KNGT cho HSTHC thông qua HĐTNST .....	58
Bảng 2.9: Đánh giá của GV về thực trạng sử dụng phương pháp để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HSTHCS .....	60
Bảng 2.10: Đánh giá của HS về thực trạng sử dụng phương pháp để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HSTHCS .....	61
Bảng 2.11: Đánh giá của GV về thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS.....	63
Bảng 2.12: Đánh giá của HS về thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS.....	64
Bảng 2.13: Thực trạng KNGT của HSTHCS .....	65
Bảng 2.14: Đánh giá của GV về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và KNGT của HS THCS thông qua HĐTNST .....	66
Bảng 2.15: Đánh giá của HS về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp KNGT của HS THCS thông qua HĐTNST .....	67
Bảng 2.16: Đánh giá của GV về các tiêu chí cần thay đổi để phát triển KNGT cho HS THCS.....	68
Bảng 2.17: Đánh giá của HS về các tiêu chí cần thay đổi để phát triển KNGT cho HS THCS.....	70
Bảng 3.1: Ý kiến của GV về tính cần thiết của các biện pháp .....	97
Bảng 3.2: Ý kiến của GV về tính khả thi của các biện pháp .....	99

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Giao tiếp là một nhu cầu cơ bản của con người, có vai trò quan trọng trong hoạt động sống của con người, định hướng hoạt động của con người, làm cho quá trình tham gia các hoạt động sống của con người có hiệu quả cao. Trong sự phát triển của xã hội hiện đại đã làm nảy sinh hàng loạt những vấn đề khó khăn mà trước đây con người chưa từng gặp, chưa từng ứng phó, chưa từng trải nghiệm. Để vượt qua những khó khăn đó đòi hỏi mỗi con người cần có những kỹ năng sống cần thiết như KNGT, kỹ năng giải quyết tình huống... Đặc biệt, KNGT là một trong những kỹ năng cơ bản, quan trọng mà bất cứ ai, làm bất cứ ngành nghề gì đều cần được trang bị, cần phải có.

Giao tiếp là một trong hai hoạt động chủ đạo của HS THCS, có vai trò to lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách của các em trong độ tuổi này. Hình thành và GD kỹ năng sống nói chung và KNGT nói riêng cho HS THCS đã và đang là một vấn đề đáng quan tâm trong các nhà trường phổ thông góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục con người hoàn thiện. Nhất là với HS THCS - lứa tuổi có những biến đổi to lớn cả về mặt tâm lý, và sinh lý. Sự phát triển nhân cách của mỗi người theo hướng tích cực hay tiêu cực một phần lớn được quyết định ở sự giáo dục trẻ trong độ tuổi HS THCS.

Ở bậc THCS, HĐTNST nhằm hình thành lối sống tích cực, biết cách hoàn thiện bản thân, biết tổ chức cuộc sống cá nhân biết làm việc có kế hoạch, tinh thần hợp tác, có trách nhiệm, có ý thức công dân... và tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Bằng hoạt động trải nghiệm của bản thân, mỗi HS vừa là người tham gia, vừa là người kiến thiết và tổ chức các hoạt động cho chính mình nên HS không những biết cách tích cực hoá bản thân, khám phá bản thân, điều chỉnh bản thân mà còn biết cách tổ chức hoạt động, tổ chức cuộc sống và biết làm việc có kế hoạch, có trách nhiệm. Ở lứa tuổi này, giao tiếp là một hoạt động đặc biệt giúp các em rèn kỹ năng sống cho bản thân. Qua hoạt động giao tiếp giúp các em nhận thức được người khác và bản thân mình, từng bước phát triển các kỹ năng cần thiết như: so sánh, phân tích, khái quát hành vi của mình và của người khác, trên cơ sở đó từng bước tự điều chỉnh hành vi, hoạt động để hoàn thiện nhân cách bản thân. Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: ***“Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải***

*nghiệm sáng tạo cho học sinh Trung học cơ sở thành phố Bắc Kạn”* làm đề tài nghiên cứu.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng về KNGT của HS THCS tại thành phố Bắc Kạn thông qua các HĐTNST, đề tài đề xuất một số biện pháp để góp phần phát triển KNGT cho HS THCS thành phố Bắc Kạn.

## **3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

**3.1. Đối tượng nghiên cứu:** Biện pháp phát triển KNGT cho HS THCS thành phố Bắc Kạn thông qua HĐTNST.

### **3.2. Khách thể nghiên cứu**

- Khách thể nghiên cứu: Quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn.

- Khách thể Điều tra: gồm 150 học sinh và 45 giáo viên

## **4. Giả thuyết khoa học**

Giao tiếp là một trong những kỹ năng sống đặc biệt quan trọng đối với HS do vậy việc phát triển KNGT là một nhiệm vụ giáo dục mà nhà trường luôn coi trọng. Thực tiễn cho thấy kỹ năng giao tiếp của HS THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn còn nhiều hạn chế chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Nếu xây dựng được các biện pháp để phát triển KNGT cho HS THCS mang tính đồng bộ, gắn kết giữa việc dạy học và GD để phát triển KNGT cho HS, tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm sẽ giúp cho các KNGT của học sinh ngày càng hoàn thiện.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển Kỹ năng giao tiếp thông qua các HĐTNST cho HS THCS.

5.2. Khảo sát thực trạng phát triển Kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNST cho HS THCS THCS

5.3. Đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển Kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNST cho HS THCS.

## **6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

### **6.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu**

Trong đề tài này tác giả nghiên cứu việc phát triển các KNGT thông qua HĐTNST cho HS các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**6.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu.** Chúng tôi tiến hành khảo sát tại 03 trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn: trường THCS Bắc Kạn; Trường THCS Đức Xuân; Trường THCS Huyền Tung.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận**

Chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các văn bản, tài liệu liên quan đến vấn đề giao tiếp và KNGT của học sinh THCS thành phố Bắc Kạn qua HĐTNST để xây dựng khung lý thuyết cho đề tài.

### **7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp quan sát: Quan sát các biểu hiện về KNGT của HS thông qua việc tổ chức các hoạt động chung cho HS.

- Phương pháp phỏng vấn: Trò chuyện với HS và GV để tìm hiểu thông tin về KNGT của HS, cũng như việc tổ chức các HĐTNST cho HS

- Phương pháp điều tra viết: Sử dụng bảng hỏi để tìm hiểu mức độ nhận thức của HS về KNGT, các yếu tố ảnh hưởng đến KNGT...

### **7.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học để xử lý số liệu đã thu thập, phân tích, so sánh và rút ra nhận xét.**

## **8. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài các phần: Mở đầu, Danh mục viết tắt, Mục lục, Kết luận, Khuyến nghị, Danh mục tài liệu thảo, Phụ lục, đề tài gồm có 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh THCS.

**Chương 2:** Thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh THCS thành phố Bắc Kạn.

**Chương 3:** Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh THCS thành phố Bắc Kạn

## Chương 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH THCS

### 1.1. Tổng quan lịch sử vấn đề nghiên cứu

#### 1.1.1. Nghiên cứu ở nước ngoài

Trong lịch sử nhiều nhà khoa học đã nghiên cứu về giao tiếp, vai trò của giao tiếp đối với sự hình thành, phát triển nhân cách con người nói chung và nhân cách HS nói riêng. Đầu thế kỷ XX, dựa trên tư tưởng triết học Mác Xít, các nhà Tâm lý học nổi tiếng của Liên Xô (cũ) như L.X.Vuwgotxki, X.L.Rubinxtein... đã đề cập đến vấn đề giao tiếp của trẻ em ở các lứa tuổi khác nhau.

Hoạt động dạy - học đã được nghiên cứu một cách có hệ thống trong quá trình phát triển của khoa học GD, trong khi đó HĐTNST dường như ít được quan tâm. Đầu tiên phải kể đến Lý thuyết học qua trải nghiệm của David A.Kolb. Trong lý thuyết học từ trải nghiệm, Kolb cũng chỉ ra rằng "*Học từ trải nghiệm là quá trình học theo đó kiến thức, năng lực được tạo ra thông qua việc chuyển hóa kinh nghiệm. Học từ trải nghiệm gần giống với học thông qua làm nhưng khác ở chỗ là nó gắn với kinh nghiệm và cảm xúc cá nhân*". Lý thuyết "Học từ trải nghiệm" là cách tiếp cận về phương pháp học đối với các lĩnh vực nhận thức. Nếu như mục đích của việc dạy học chủ yếu là hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực và hành động khoa học cho mỗi cá nhân thì mục đích hoạt động giáo dục là hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, sự đam mê, các giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung khác cần có ở con người trong xã hội hiện đại. Để phát triển sự hiểu biết khoa học, chúng ta có thể tác động vào nhận thức của người học, nhưng để phát triển và hình thành phẩm chất thì người học phải được trải nghiệm. Như vậy, trong lý thuyết của Kolb, trải nghiệm sẽ làm cho việc học trở nên hiệu quả bởi trải nghiệm ở đây là sự trải nghiệm có định hướng, có dẫn dắt chứ không phải sự trải nghiệm tự do, thiếu định hướng [20].

A.S.Makarenco (1888-1939) Ông đã vận dụng sáng tạo lý luận Mác Xít vào thực tế để rút ra những kinh nghiệm làm phong phú cho lý luận GD xã hội chủ nghĩa nói riêng và GD nhân loại nói chung. Theo ông một trong những logic của quá trình sư phạm là "*Quá trình tổ chức hợp lý hoạt động của HS tham gia vào cách mạng xã*

*hội, lao động sản xuất, các hoạt động tập thể như vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, văn hóa nghệ thuật” [19]*

Trong cuốn sách “Giáo dục học” tập 3, tác giả T.A.Illina đã nêu “*Công tác GD ngoại khóa bổ sung và làm sâu thêm công tác GD nội khóa, trước tiên là phương tiện để phát hiện đầy đủ tài năng và năng lực của trẻ em, làm thức tỉnh hứng thú và thiên hướng của HS đối với một hoạt động nào đó; đó là một hình thức tổ chức giải trí của HS và là cơ sở để tổ chức việc thực hiện về hành vi đạo đức, để xây dựng kinh nghiệm của hành vi này.*” [21].

Trên thế giới, việc tổ chức các HĐTNST cho HS các cấp học không còn là hình thức mới mẻ và xa lạ. Trong khi tại Việt Nam hoạt động này diễn ra còn khá nhỏ lẻ và chủ yếu tại các Trường học ở những thành phố lớn. Hình thức Trải nghiệm sáng tạo ở mỗi một quốc gia lại có những nét riêng biệt, có thể điểm qua một số HĐTNST ở các quốc gia tiêu biểu như sau:

*Singapore*: Hội đồng nghệ thuật quốc gia có chương trình GD nghệ thuật, cung cấp, tài trợ cho nhà trường phổ thông toàn bộ chương trình của các nhóm nghệ thuật, những kinh nghiệm sáng tạo nghệ thuật...

*Hà Lan (Netherlands)*: Thiết lập trang mạng nhằm trợ giúp những HS có những sáng tạo làm quen với nghề nghiệp. HS gửi hồ sơ sáng tạo (dự án) của mình vào trang mạng này, thu thập thêm những hiểu biết từ đây; mỗi HS nhận được khoản tiền nhỏ để thực hiện dự án của mình.

*Vương quốc Anh*: Cung cấp hàng loạt tình huống, bối cảnh đa dạng, phong phú cho HS và đòi hỏi phát triển, ứng dụng nhiều tri thức, kỹ năng trong chương trình, cho phép HS sáng tạo và tư duy; giải quyết vấn đề làm theo nhiều cách thức khác nhau nhằm đạt kết quả tốt hơn; cung cấp cho HS các cơ hội sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm...

*CHLB Đức*: Từ cấp Tiểu học đã nhấn mạnh đến vị trí của các kỹ năng cá biệt, trong đó có phát triển kỹ năng sáng tạo cho trẻ; phát triển khả năng học độc lập; tư duy phê phán và học từ kinh nghiệm của chính mình.

*Nhật Bản*: Nuôi dưỡng cho trẻ năng lực ứng phó với sự thay đổi của xã hội, hình thành một cơ sở vững mạnh để khuyến khích trẻ sáng tạo.

*Hàn Quốc*: Mục tiêu HĐTNST hướng đến con người được giáo dục, có sức khỏe, độc lập và sáng tạo. Cấp Tiểu học và cấp THCS nhấn mạnh cảm xúc và ý tưởng sáng tạo, Trung học phổ thông phát triển công dân toàn cầu có suy nghĩ sáng tạo.

### **1.1.2. Nghiên cứu trong nước**

#### **\* Về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp**

Từ năm 2004, Bộ GD&ĐT đưa HĐGDNGLL vào kế hoạch dạy học và GD trong toàn bộ các trường phổ thông, có vị trí quan trọng như một môn học. Vì vậy vấn đề để tổ chức HĐGDNGLL cho HS các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông đã được giới nghiên cứu quan tâm.

Đặc biệt, bắt đầu có những nghiên cứu về HĐGDNGLL xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu giáo khoa cho từng cấp học và các sáng kiến kinh nghiệm. Điển hình là sự đóng góp của các tác giả Đặng Vũ Hoạt, Hà Nhật Thăng, Nguyễn Dục Quang, Bùi Sỹ Tụng, Lê Thanh Sử [13] [14] [15],... đã tập trung làm sáng tỏ các vấn đề: vị trí, mục tiêu, nội dung, các hình thức tổ chức của HĐGDNGLL. Ngoài ra, các nghiên cứu của các tác giả: Phạm Hoàng Gia, Phạm Lăng, Nguyễn Lê Đắc,... các luận án của Lê Trung Tấn, Nguyễn Thị Thành, Huỳnh Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Việt Hà, Trần Anh Dũng, Nguyễn Bá Tước... về HĐGDNGLL cũng đã đóng góp về mặt lý luận và đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục của HĐGDNGLL trong trường phổ thông.

Tuy nhiên trên thực tế, việc triển khai HĐGDNGLL hiện nay còn tồn tại những vấn đề bất cập, liên quan đến phương pháp, cách thức tổ chức, kỹ năng tổ chức của giáo viên, kỹ năng tự quản, tự tổ chức hoạt động của HS... Chính vì vậy, cùng với Dự thảo Chương trình giáo dục mới sau năm 2015, Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn triển khai “*Hoạt động trải nghiệm sáng tạo*”. Thực chất đây là một giải pháp quan trọng để đổi mới và giúp HĐGDNGLL trong các trường phổ thông đem lại hiệu quả giáo dục cao hơn, dưới một phương thức khác, một tên gọi khác đó là HĐTNST.

#### **\* Về Phát triển kỹ năng giao tiếp**

Ở Việt Nam, vấn đề giao tiếp và phát triển KNGT cho HS đã được một số nhà nghiên cứu và nhà GD quan tâm. Những năm gần đây, một số công trình đã đề cập đến vai trò giao tiếp trong GD ở nhà trường phổ thông

- Tác giả Đặng Xuân Hoài và các nhà nghiên cứu thuộc Viện khoa học GD (1983) nghiên cứu: Sự hình thành động cơ xã hội của học sinh cấp II. III đã khẳng định “*Giao lưu là điều kiện tất yếu tạo nên sự hiểu biết lẫn nhau, sự ăn ý, sự thông cảm, sự phối hợp hành động, sự phân công trách nhiệm*”

- Tác giả Đỗ Thị Hạnh nghiên cứu “*Nhu cầu kết bạn của thiếu niên*” đã chỉ ra rằng nhu cầu giao tiếp với bạn cùng tuổi ở thiếu niên phát triển mạnh là cơ sở để hình



thành và phát triển quan hệ bạn bè trong và ngoài nhà trường phù hợp với điều kiện nhà trường phù hợp với đặc điểm sinh lý lứa tuổi.

- Tác giả Phùng Thị Hằng, trong luận án tiến sĩ: “Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh THPT dân tộc Tày, Nùng” đã chỉ ra rằng, giao tiếp của học sinh THPT dân tộc Tày, Nùng tiếng mẹ đẻ là phương tiện giao tiếp thường ngày của các em, nó có ảnh hưởng đến quá trình sử dụng tiếng Việt của học sinh trong các tình huống giao tiếp. Để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh THPT người dân tộc thiểu số thì một trong các hình thức, biện pháp rất hiệu quả là tổ chức các hoạt động học tập, hoạt động ngoài giờ lên lớp đa dạng, linh hoạt, sinh động phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.[9]

- Ngoài các nghiên cứu về giao tiếp nói chung nhiều tác giả cũng đã đi sâu nghiên cứu về các KNGT: tác giả Trần Trọng Thủy trong công trình nghiên cứu về giao tiếp đã đưa ra các KNGT sau: Biết cách ứng xử tế nhị; biết im lặng đúng lúc; biết tự kiểm chế; biết lắng nghe...; tác giả Lê Thị Bùng đã đề cập đến cách ứng xử khéo léo tế nhị khi tiếp xúc, ứng xử học đường, ứng xử trong quan hệ bạn bè, nơi làm việc... Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu về KNGT của các học viên và sinh viên các trường đại học sư phạm Thái Nguyên và Đại học Sư phạm Hà Nội.

#### **\* Về hoạt động trải nghiệm sáng tạo**

Tại Việt Nam, việc đổi mới nhà trường mà vấn đề cốt lõi là phát triển năng lực học sinh bắt đầu được tiến hành từ tháng 6/2006 với giúp đỡ của các chuyên gia người Nhật là Eisuke Saito, Atsushi Tsukui, Masaaki Sato. Trường đầu tiên tiến hành thí điểm đổi mới là trường THCS Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau gần 10 năm tiến hành đổi mới, trường THCS Bích Sơn đã thu được những thành công bước đầu đáng ghi nhận, là động lực để áp dụng cho các trường THCS khác trong cả nước.

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc trong báo cáo nghiên cứu khoa học năm 2015 tại Hội nghị Công tác xã hội trường học đã nêu rõ tính cấp thiết trong việc quản lý hoạt động ngoại khóa trải nghiệm sáng tạo theo hướng phát triển năng lực cho học sinh phổ thông. Tác giả đi sâu vào phân tích việc xây dựng nội dung hoạt động ngoại khóa gắn với giáo dục kỹ năng sống, gắn với trải nghiệm sáng tạo để phát huy năng lực của học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở bậc phổ thông.

Đổi mới giáo dục, đào tạo cần bắt đầu từ đổi mới quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học... Điều này không phải đến Đại hội XII, Đảng ta mới xác định như vậy. Vấn đề là ở chỗ: Trong những năm qua, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng; nay chúng ta cần nhận thức đúng hơn và thực hiện hiệu quả hơn. Lâu nay, ở nước ta, các trường chủ yếu trang bị kiến thức cho người học, lấy nó và dựa vào nó để phát triển năng lực. Nhiều năm qua, chúng ta đã nhận ra sự bất cập, hạn chế của việc này, nên đã chuyển hướng sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Tuy nhiên, do thiếu tính đồng bộ và nhận thức chưa thống nhất, nên việc dạy và học vẫn theo cách cũ: Trang bị kiến thức là chính, phát triển phẩm chất và năng lực là phụ. Từ khi có Nghị quyết số 29, Hội nghị Trung ương 8, khóa XI, trong xã hội ta, về nhận thức đã có sự thay đổi nhất định, dần đi đến thống nhất về sự cần thiết phải chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Để “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực” đạt hiệu quả cao, chúng ta phải đồng thời thực hiện nhiều giải pháp. Một giải pháp quan trọng được nêu trong dự thảo, đó là: Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Trên cơ sở xác định đúng, trúng mục tiêu đổi mới giáo dục, đào tạo, công khai mục tiêu, chuẩn “đầu vào”, “đầu ra” của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo, thì việc tiếp theo là đổi mới chương trình khung các môn học và nội dung của nó theo hướng phát triển mạnh năng lực và phẩm chất người học, bảo đảm hài hòa đức, trí, thể, mỹ; thực hiện tốt phương châm mới: Dạy người, dạy chữ và dạy nghề (trước đây là dạy chữ, dạy người, dạy nghề).

Lần đầu tiên ở Việt Nam, trong dự thảo “*Chương trình tổng thể GD phổ thông*” (công bố ngày 05.8.2015), Bộ GD&ĐT đã có những hướng dẫn về “*Hoạt động trải nghiệm sáng tạo*” với mục đích thay thế cho HĐGDNGLL ở trường phổ thông. Theo đó, nội dung của HĐTNST nhấn mạnh mục đích tăng cường khả năng

thực hành cho HS, học đi đôi với hành. Mỗi HS phải được hành động với kinh nghiệm cá nhân, đưa ra các sáng kiến trải nghiệm từ thực tế, không ngừng sáng tạo, nuôi dưỡng tính sáng tạo, ham học hỏi của bản thân. [4].

Phụ lục 2 về HĐTNSST kèm theo “Định hướng xây dựng chương trình tổng thể giáo dục phổ thông” do Bộ GD&ĐT ban hành năm 2014 đã chỉ rõ : *HĐTNSST được hầu hết các nước phát triển quan tâm, nhất là các nước tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học; chú ý giáo dục nhân văn, giáo dục sáng tạo, giáo dục phẩm chất và kỹ năng sống...*

Hiện nay, Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo các cấp từ Sở, Phòng GD&ĐT tới các nhà trường thực hiện nghiêm túc, sáng tạo việc tổ chức thực hiện HĐTNSST thông qua những HDGDNGLL. Một số văn bản, nghị quyết, thông tư... gần đây của Bộ GD&ĐT về vấn đề này như:

- Hướng dẫn số 791/HD-BGDĐT, ngày 25 tháng 6 năm 2013 v/v hướng dẫn phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông.

- Phụ lục 4 về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo kèm theo “*Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông*” do Bộ GD&ĐT ban hành tháng 8 năm 2015.

- Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm của Bộ GD&ĐT dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018.

Qua đó cho thấy những chỉ đạo của ngành GD&ĐT đã khẳng định về vị trí, vai trò, nội dung và mục tiêu của HĐTNSST. Các cơ sở GD phải coi đó là “*kim chỉ nam*” để tổ chức tốt các HĐTNSST.

Qua tìm hiểu của tác giả: Trong những năm gần đây HĐTNSST đã được các tác giả, và cơ sở giáo dục quan tâm và đưa vào thực hiện như:

- Nguyễn Thị Liên (chủ biên), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.

- Sở GD&ĐT thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản số 1098/GDĐT-TrH ngày 19 tháng 4 năm 2016 v/v triển khai các HĐTNSST tại các trường THCS năm 2016.

- Năm học 2017-2018, trường THCS thị trấn Tây Sơn đã xây dựng kế hoạch số 13/KH-NCT ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tổ chức HĐTNSST trong nhà trường, năm học 2017-2018 với nội dung cơ bản là gắn kiến thức với thực tế địa phương, đảm bảo cho HS được trải nghiệm qua thực tế để đúc kết được kiến thức...

Qua tìm hiểu tác giả thấy chưa có công trình, đề tài nghiên cứu nào chuyên sâu về việc tổ chức các HĐTNST để phát triển KNGT cho HS THCS. Chính vì vậy trong điều kiện công tác của bản thân, tôi chọn vấn đề **“Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở thành phố Bắc Kạn”** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **1.2. Khái niệm công cụ**

### **1.2.1. Giao tiếp**

Tuỳ theo góc độ xem xét, vấn đề giao tiếp được phân tích theo các các quan điểm khoa học khác nhau, trên các lĩnh vực xã hội học, kinh tế học, tâm lý học. Và hoạt động giao tiếp không chỉ được phân chia thành nhiều cấp độ khác nhau mà nó còn được phân thành nhiều lĩnh vực: nơi công cộng, ở cơ quan, trong nhà trường, trong gia đình... Khi bàn về vấn đề giao tiếp, các nhà tâm lý học đã đưa ra những định nghĩa khác nhau. Platon (428-374 TCN), Socrate (460-348TCN) đã đưa ra những khái niệm về giao tiếp, các tác giả trên coi đối thoại là sự giao lưu trí tuệ của những người biết suy nghĩ. C.Mác và Ph.Ăngghen hiểu giao tiếp như là *"một quá trình thống nhất, hợp tác, tác động qua lại giữa người với người"*. Như vậy, khái niệm giao tiếp được khai thác dưới góc độ là một quá trình hợp tác giữa con người với con người. Nhà tâm lý học người Anh M.Acgain đã khẳng định *“Giao tiếp là quá trình hai mặt của sự thông báo, thành lập sự tiếp xúc, trao đổi thông tin”*. Lúc này, khái niệm giao tiếp được khai thác với chức năng trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa con người với con người trong xã hội.

Trong nghiên cứu về giao tiếp, P.Oathavut, G.Bivans, D.Giactson là các nhà Tâm lý học Pháp đã coi *“Giao tiếp là một tổ hợp hành vi hay nói cách khác, giao tiếp là một quá trình xã hội thường xuyên diễn ra giữa con người với nhau, quá trình này tích hợp nhiều loại hành vi, hành vi ngôn ngữ, hành vi phi ngôn ngữ*. Các nhà tâm lý học Liên Xô (cũ) đã có những định nghĩa khác nhau về giao tiếp. Đại diện cho các nhà tâm lý học Liên Xô là A.A. Leongchiev. Theo A.A. Leongchiev, giao tiếp là các biểu hiện ở mối quan hệ giữa người với người; sự tiếp xúc về tâm lý; có sự trao đổi thông tin, tình cảm và điều chỉnh lẫn nhau. Ông định nghĩa: *"Giao tiếp là một hệ thống những quá trình có mục đích và động cơ bảo đảm sự tương tác giữa người này với người khác, trong hoạt động tập thể thực hiện các quan hệ xã hội và nhân cách, các quan hệ tâm lý và sử dụng phương tiện đặc thù..."*. Theo định nghĩa trên, khái niệm giao tiếp được khai thác dưới góc độ là một quá trình có mục đích, động cơ, nội

dung và có phương tiện. Ở Việt Nam, vấn đề giao tiếp đã nhận được sự quan tâm rất nhiều của các nhà Tâm lý học và GD học, nó được khai thác dưới nhiều góc độ khác nhau như giao tiếp thông thường ở các lứa tuổi, giao tiếp công vụ.

Tác giả Ngô Công Hoàn [10] cho rằng: "*Giao tiếp là hình thức đặc trưng của xã hội loài người, qua đó con người có sự tiếp xúc về tâm lý nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp*". Khái niệm giao tiếp ở đây đã được khai thác trong mối quan hệ giữa con người với con người với những mục đích khác nhau. Tác giả Trần Trọng Thủy quan niệm: "*Giao tiếp của con người là một quá trình có chủ định hay không có chủ định, có ý thức hay không có ý thức mà trong đó, các cảm xúc và tư tưởng được biểu đạt trong các thông điệp bằng phi ngôn ngữ*". Khái niệm giao tiếp của tác giả được khai thác là một quá trình có chủ định hoặc không chủ định, thực hiện bằng lời hoặc không bằng lời, có thể kiểm soát được và có thể không kiểm soát được bằng ý thức con người. Tiếp cận dưới góc độ mối quan hệ liên nhân cách của con người, tác giả Nguyễn Quang Uẩn viết: "*Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau. Hay nói cách khác đi, giao tiếp xác lập và vận hành các quan hệ người - người, hiện thực hóa các quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác*". Ở đây, tác giả đã xem giao tiếp như điều kiện của sự tồn tại và phát triển của con người. Thông qua giao tiếp, các mối quan hệ liên nhân cách của con người được phát triển. Trong thực tế, các nhà nghiên cứu đã nhìn nhận về giao tiếp và có những định nghĩa khác nhau về giao tiếp. Mỗi tác giả khai thác khái niệm giao tiếp dưới các góc độ khác nhau. Tuy nhiên, thông qua những định nghĩa, các tác giả đều đã nêu ra những dấu hiệu cơ bản của giao tiếp. Những dấu hiệu cơ bản đó là:

- Giao tiếp là một hiện tượng đặc thù của con người, chỉ có ở con người, chỉ được diễn ra trong xã hội loài người.

- Giao tiếp dựa trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người. - Giao tiếp thể hiện thông qua sự trao đổi thông tin, sự hiểu biết, rung cảm và ảnh hưởng lẫn nhau.

- Giao tiếp chứa đựng những nội dung của xã hội, được thực hiện trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể và chịu sự quy định của các yếu tố văn hóa, xã hội.

Từ những dấu hiệu chung của giao tiếp, chúng tôi coi khái niệm sau đây về giao tiếp là khái niệm công cụ trong nghiên cứu: *Giao tiếp là hình thức đặc trưng của xã*

*hội loài người, qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, tư tưởng, tình cảm. Giao tiếp là nhu cầu tất yếu, đặc trưng của xã hội loài người, giao tiếp được tiến hành bằng nhiều hình thức có ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ, khả năng giao tiếp của mỗi người phụ thuộc vào kỹ năng giao tiếp và vốn tri thức, vốn kinh nghiệm sống của họ..*

### **1.2.2. Kỹ năng giao tiếp**

#### **1.2.2.1. Kỹ năng**

Khi nhìn nhận về kỹ năng, các nhà tâm lý học có những quan niệm khác nhau về kỹ năng, với những cách quan niệm khác nhau của các nhà Tâm lý học, chúng tôi hiểu kỹ năng là mặt kỹ thuật của thao tác hành động hay hoạt động nhưng lại liên quan trực tiếp tới năng lực của cá nhân. Và con người muốn thực hiện được hành động nào đó thì cá nhân phải có tri thức hiểu biết, có các điều kiện về thực hiện hành động đó.

Các nhà Giáo dục Việt Nam quan niệm kỹ năng như là khả năng của con người thực hiện có kết quả hành động tương ứng với mục đích và điều kiện trong đó hành động xảy ra. Một số tác giả khác lại quan niệm, kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một số thao tác hay một loạt các thao tác phức hợp của hành động bằng cách lựa chọn và vận dụng tri thức vào quy trình đúng đắn. Theo Lê Văn Hồng, kỹ năng là "khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một nhiệm vụ mới". Còn tác giả Nguyễn Văn Đồng [8] cho rằng: "kỹ năng là năng lực vận dụng những tri thức đã được lĩnh hội để thực hiện có hiệu quả một hoạt động tương ứng trong những điều kiện cụ thể", hay tác giả Nguyễn Quang Uẩn [17] cho rằng: "*kỹ năng là năng lực của con người biết vận hành các thao tác của một hành động theo đúng quy trình*". Từ những khái niệm của những nhà nghiên cứu trên cho thấy những điểm chung trong quan niệm về kỹ năng:

- Tri thức là cơ sở, là nền tảng để hình thành kỹ năng. Tri thức ở đây bao gồm tri thức về cách thức hành động và tri thức về đối tượng hành động.
- Kỹ năng là sự chuyển hoá tri thức thành năng lực hành động của cá nhân.
- Kỹ năng luôn gắn với một hành động hoặc một hoạt động nhất định nhằm đạt được mục đích đã đặt ra.

Như vậy, kỹ năng được xem xét theo nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, những quan niệm ấy không hề mâu thuẫn nhau mà chỉ khác nhau ở chỗ mở rộng hay thu hẹp thành phần kỹ năng mà thôi. Từ sự phân tích trên, chúng tôi hiểu kỹ năng như sau: *Kỹ năng là năng lực thực hiện một hành động hay một hoạt động nào đó bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, cách thức hành động, thao tác đúng đắn để đạt được mục đích đề ra.*

### 1.2.2.2. Kỹ năng giao tiếp

Nghiên cứu về KNGT mỗi nhà nghiên cứu nhìn nhận, khai thác nó dưới góc độ nghiên cứu của mình. Nghiên cứu về KNGT, tác giả Hoàng Anh [1] quan niệm về KNGT là năng lực của con người biểu hiện trong quá trình giao tiếp. Đó là các khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ... là hệ thống các thao tác cử chỉ, điệu bộ hành vi được chủ thể giao tiếp phối hợp hài hòa. Trong thực tế, KNGT của con người không chỉ phụ thuộc vào phương tiện mà nó phụ thuộc khá nhiều vào vốn sống, vốn kinh nghiệm, phụ thuộc vào những nét văn hóa đặc trưng vùng miền mà người đó sinh sống, có khi còn chịu ảnh hưởng của sự GD, quản lý của gia đình.

Dưới góc độ nhìn nhận khả năng tri giác những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến bên trong của hiện tượng...tác giả Ngô Công Hoàn [10] đã coi KNGT "*là khả năng tri giác hiểu được những biểu hiện bên ngoài cũng như những diễn biến bên trong của các hiện tượng, trạng thái, phẩm chất tâm lý của đối tượng giao tiếp*". Như vậy, ta thấy rằng: KNGT của mỗi người bao hàm cả khả năng vận dụng vốn tri thức, vốn kinh nghiệm của bản thân chủ thể giao tiếp, khả năng điều khiển đối tượng giao tiếp. Quan niệm KNGT là nhóm những KNGT, Tác giả Nguyễn Bá Minh [12] coi "*kỹ năng giao tiếp là nhóm kỹ năng bao gồm các hành động liên quan đến việc hình thành mối quan hệ hợp tác giữa chủ thể và đối tượng giao tiếp, giữa đối tượng giao tiếp với nhau*". Ở đây, KNGT được hiểu là nhóm kỹ năng hỗ trợ cho người giao tiếp nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động giao tiếp trong xã hội. Trong xã hội và trong hoạt động giao tiếp của con người, KNGT chính là khả năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng biểu cảm của con người, với sự phối hợp hài hòa giữa lời nói và cử chỉ của chủ thể và đối tượng giao tiếp.

Từ những quan niệm khác nhau về giao tiếp, KNGT chúng tôi hiểu giao tiếp là một hiện tượng tâm lý rất phức tạp về nhiều mặt và nhiều cấp độ khác nhau, là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Để giao tiếp có hiệu quả đòi hỏi mỗi người phải có KNGT. Đó là toàn bộ thao tác, cử chỉ... trong hoạt động giao tiếp. Tác giả chọn khái niệm về KNGT sau làm khái niệm công cụ trong nghiên cứu: KNGT là năng lực tiến hành các thao tác, hành động, kể cả năng lực thể hiện xúc cảm, thái độ nhằm giúp chủ thể giao tiếp trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm với đối tượng giao tiếp.

Như vậy, có thể hiểu: *Kỹ năng giao tiếp là toàn bộ những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ được phối hợp hài hòa, hợp lý của cá nhân nhằm điều khiển, điều chỉnh đối tượng giao tiếp để thực hiện mục tiêu của chủ thể giao tiếp.*

KNGT của con người trong xã hội bao gồm kỹ năng lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ, kỹ năng nhận và truyền thông tin, kỹ năng biểu đạt thái độ và cử chỉ hành vi phi ngôn ngữ, kỹ năng tự nhận thức về bản thân, kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác, kỹ năng thương lượng và xử lý tình huống, kỹ năng hợp tác, kỹ năng chào hỏi, nói lời cảm ơn xin lỗi, kỹ năng thiết lập mối quan hệ ...

HS THCS cần phải thực hiện có hiệu quả các KNGT trong nhà trường, gia đình và xã hội nhằm thực hiện các mục đích học tập, vui chơi, rèn luyện để phát triển nhân cách. Nói cách khác, KNGT của HS THCS được hình thành và phát triển trong một môi trường rộng lớn và quan hệ chặt chẽ với nhau là: Nhà trường, gia đình và xã hội.

### **1.2.3. Phát triển kỹ năng giao tiếp**

Phát triển KNGT là một quá trình làm biến đổi cả về lượng và chất những KNGT - đó là một quá trình tác động từ bên ngoài làm biến đổi những yếu tố tâm lý - KNGT của cá nhân. Thuật ngữ “Phát triển kỹ năng giao tiếp” có thể được nhìn nhận từ những khía cạnh khác nhau

Trước hết, có thể hiểu phát triển KNGT là một quá trình mà chủ thể giao tiếp chủ động làm biến đổi những KNGT của mình thông qua các phương thức hoạt động khác nhau. Trong quá trình này chủ thể giao tiếp ý thức được sâu sắc tầm quan trọng của những KNGT và can thiệp một cách có chủ ý vào sự phát triển của các KNGT.

Thứ hai, thuật ngữ phát triển KNGT có thể được nhìn nhận là một quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch của một chủ thể này (nhà giáo dục) vào một chủ thể khác - chủ thể cần được phát triển KNGT (đối tượng giáo dục). Trong quá trình này, đối tượng GD có thể tham gia các hoạt động do nhà GD tổ chức với những mục đích và tính tích cực khác nhau, song thông qua những hoạt động đó những KNGT của họ được phát triển đúng hướng.

Hai quá trình đó có phần khác nhau về hình thức, song đều là những quá trình tác động từ bên ngoài làm thay đổi những yếu tố bên trong, và động lực nằm chính trong quá trình hoạt động của chủ thể sở hữu những KNGT cần được hình thành. Quá trình phát triển KNGT cũng tuân theo quy luật của sự phát triển: từ những biến đổi về lượng dẫn tới những biến đổi về chất; từ thấp đến cao; từ đơn giản đến phức tạp.



Quá trình phát triển KNGT với tư cách là một quá trình giáo dục, trước hết cần tập trung vào phát triển những nhóm kỹ năng cốt lõi: kỹ năng định hướng giao tiếp; kỹ năng phán đoán đối tượng giao tiếp; kỹ năng thu nhận, khai thác thông tin từ đối tượng giao tiếp; kỹ năng sử dụng ngôn từ; kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; kỹ năng điều khiển các yếu tố tâm lý của bản thân. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển KNGT cho đối tượng GD, Nhà GD cần chú ý đầy đủ và toàn diện tới sự phát triển của những KNGT, tránh tình trạng quá tập trung vào việc phát triển kỹ năng này mà không chú ý hoặc coi nhẹ việc phát triển những kỹ năng khác, đồng thời chú ý đến những đặc điểm tâm lý lứa tuổi để có những tác động phù hợp.

#### **1.2.4. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo**

\* Hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động có động cơ, có đối tượng để chiếm lĩnh, được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của học sinh, được thực hiện trong thực tế, được sự định hướng, hướng dẫn của nhà trường. Đối tượng để trải nghiệm nằm trong thực tiễn. Qua trải nghiệm thực tiễn, người học có được kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định.

\* Hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Trải nghiệm hiểu đơn giản nhất là những gì con người đã từng kinh qua thực tế, từng biết, từng chịu. Theo các nhà khoa học giáo dục, trải nghiệm chính là những tồn tại khách quan tác động vào giác quan con người, tạo ra cảm giác, tri giác, biểu tượng, con người cảm thấy có tác động đó và cảm nhận nó một cách rõ nét, để lại ấn lượng sâu đậm, rút ra bài học, vận dụng vào thực tiễn đời sống, hình thành nên các thái độ giá trị.

Sáng tạo là một đặc trưng nổi bật nhất của tâm lý người. Sáng tạo không phải là một hoạt động “rập khuôn” có sẵn hay lặp lại một cách máy móc. Mà đó là việc tạo ra những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống của con người và xã hội. Quá trình sáng tạo là quá trình diễn ra từ ý nghĩ (ý tưởng) cho đến lúc tạo ra kết quả sáng tạo (sản phẩm). Đó là sự chuẩn bị, suy nghĩ, nảy sinh ý tưởng mới, là sự huy động cao độ toàn bộ sức mạnh trí tuệ của chủ thể sáng tạo.

Để xác định được khái niệm “hoạt động trải nghiệm sáng tạo”, cần xuất phát từ các thuật ngữ "hoạt động", “trải nghiệm”, “sáng tạo” và mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau. Tuy nhiên, nó cũng không phải là phép cộng đơn giản của ba thuật ngữ trên, bởi trong hoạt động đã có yếu tố trải nghiệm và sáng tạo. Chỉ có những hoạt

động giáo dục có mục đích, có tổ chức nhằm hình thành phẩm chất và năng lực cho người học, dành cho đối tượng học sinh đảm bảo ba yếu tố Hoạt động - Trải nghiệm - Sáng tạo, mới được gọi là hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Theo dự thảo chương trình GD Phổ thông HĐTNSĐ là hoạt động GD trong đó từng HS được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong nhà trường hoặc trong xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, các kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm riêng của cá nhân. Trải nghiệm sáng tạo là hoạt động được coi trọng trong từng môn học, đồng thời trong kế hoạch GD cũng bố trí các HĐTNSĐ riêng, mỗi hoạt động này mang tính tổng hợp của nhiều lĩnh vực giáo dục, kiến thức, kỹ năng khác nhau.

Theo Đinh Thị Kim Thoa định nghĩa: *HĐTNSĐ là hoạt động GD thông qua sự trải nghiệm và sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm và dần chuyển hóa thành năng lực.*

Theo Bùi Ngọc Diệp: *HĐTNSĐ là một biểu hiện của hoạt động GD đang tồn tại trong chương trình giáo dục hiện hành. HĐTNSĐ là hoạt động mang tính xã hội, thực tiễn đến với môi trường GD trong nhà trường để HS tự chủ trải nghiệm trong tập thể, qua đó hình thành và thể hiện được phẩm chất, năng lực, nhận ra năng khiếu, sở thích, đam mê bộc lộ và điều chỉnh cá tính, giá trị; nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển của bản thân; hỗ trợ cho và cùng với các hoạt động dạy học trong chương trình GD thực hiện tốt nhất mục tiêu GD. Hoạt động này nhấn mạnh trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người học và được tổ chức thực hiện một cách linh hoạt sáng tạo.*

Theo Ngô Đăng Dung: *HĐTNSĐ là thuật ngữ dùng để chỉ các hoạt động GD trong nhà trường được tổ chức phù hợp với bản chất hoạt động của con người, tính từ trải nghiệm sáng tạo để nhấn mạnh bản chất hoạt động chứ không phải một dạng hoạt động mới.*

Theo Lê Huy Hoàng, *HĐTNSĐ là hoạt động xã hội, thực tiễn giúp HS tự chủ trải nghiệm trong tập thể, qua đó hình thành và thể hiện phẩm chất năng lực; nhận ra năng khiếu, sở thích, đam mê, bộc lộ và điều chỉnh cá tính, giá trị, nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển bản thân; hỗ trợ và cùng với các hoạt động dạy học trong chương trình GD thực hiện tốt nhất mục tiêu GD. Hoạt động này nhấn*

*manh sự trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người học và được tổ chức một cách linh hoạt, sáng tạo.*

Nhìn chung, dù được diễn đạt bằng những cách khác nhau nhưng các tác giả đều thống nhất ở một điểm, coi HĐTNST là hoạt động GD, tổ chức theo phương thức trải nghiệm và sáng tạo nhằm góp phần phát triển toàn diện nhân cách HS.

Trên cơ sở phân tích các khái niệm (thuật ngữ) liên quan cũng như theo định hướng chương trình GD phổ thông mới, các mục tiêu của hoạt động GD (nghĩa hẹp) nói trên sẽ được thực hiện chỉ trong một hoạt động có tên gọi HĐTNST. Như vậy, HĐTNST sẽ thực hiện tất cả mục tiêu và nhiệm vụ của các HĐGDNGLL, hoạt động tập thể, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp... và thêm vào đó là những mục tiêu và nhiệm vụ GD của giai đoạn mới.

Như vậy, căn cứ vào định nghĩa về HĐGDNGLL trong các chương trình GD phổ thông hiện hành, căn cứ vào yêu cầu đổi mới GD, HĐTNST được định nghĩa như sau: *HĐTNST là hoạt động GD, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng.*

#### ***1.2.5. Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo***

Phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một hoạt động giáo dục được thực hiện dưới các hình thức phong phú và đa dạng, trong đó HS được tiếp xúc và mở rộng ứng dụng thực tế, trải nghiệm được nhiều vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, đồng thời gây hứng thú trong học tập và có vai trò to lớn trong việc phát triển năng lực cá nhân, giúp các em có sự trải nghiệm một cách toàn diện trong mọi mặt của đời sống xã hội sử dụng các KNGT để tham gia các mối quan hệ xã hội khác nhau, Trên cơ sở đó KNGT của HS ngày càng phát triển.

*Như vậy: Phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo là nhà giáo dục tổ chức, thiết kế các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng gắn hoạt động của nhà trường với cuộc sống, tạo sự liên kết đa dạng giữa các tri thức khoa học trong những tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được rèn luyện, trải nghiệm trong cuộc sống thực tiễn. Đó cũng là quá trình học sinh chuyển những qui tắc,*

*chuẩn mực giao tiếp - xã hội từ bên ngoài vào bên trong thành vốn hiểu biết của bản thân và hình thành những kỹ năng tương ứng - kỹ năng giao tiếp từ đó giúp các em làm chủ bản thân, ứng xử tích cực với mọi người và giải quyết có hiệu quả các tình huống, các vấn đề trong thực tiễn.*

### **1.3. Lý luận về phát triển KNGT cho học sinh ở các trường THCS**

#### **1.3.1. Đặc điểm phát triển KNGT cho học sinh THCS**

Phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS cũng là một quá trình giáo dục, nó mang đầy đủ những đặc điểm của một quá trình giáo dục nói chung, vận động theo qui luật của quá trình hình thành kỹ năng.

Quá trình phát triển KNGT cho HS cũng chịu sự tác động phức hợp từ nhiều phía. Ở trường, sự phát triển KNGT của HS bị ảnh hưởng bởi văn hoá giao tiếp của giáo viên, bị ảnh hưởng bởi các nhóm bạn với những mối quan hệ khác nhau. Ở gia đình, sự phát triển KNGT của HS bị ảnh hưởng bởi hành vi giao tiếp và văn hoá giao tiếp của những thành viên trong gia đình. Sự phát triển KNGT của HS còn bị ảnh hưởng bởi những tác động từ cộng đồng nơi HS cư trú với những mẫu người khác nhau mang đến những kiểu nhân cách khác nhau cùng với những biểu hiện khác nhau về văn hoá giao tiếp.

Quá trình phát triển KNGT cho HS cũng là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự lặp đi lặp lại những khuôn mẫu hành vi. Vì vậy những khuôn mẫu hành vi mà HS được trải nghiệm trong các HĐTNSTĐ phải là những mẫu chuẩn, trên cơ sở trẻ được rèn luyện trải nghiệm trong đời sống thực, những chuẩn hành vi giao tiếp, kỹ năng giao tiếp dần dần được hình thành.

Quá trình phát triển KNGT cho học sinh qua HĐTNST cũng có mối quan hệ biện chứng với các quá trình xã hội, quá trình giáo dục khác. Vì vậy, các GD không nên tách rời việc phát triển KNGT cho HS qua HĐTNST khỏi những quá trình - hoạt động giáo dục khác, mà cần phải thiết kế trên cơ sở phát huy vai trò của nhau, hỗ trợ cho nhau trong quá trình phát triển toàn diện nhân cách cho HS.

#### **1.3.2. Vai trò của KNGT cho HS THCS**

Thông qua giao tiếp, con người trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm, xúc cảm, kinh nghiệm sống... để biến nó thành tri thức, kỹ năng sống của mỗi người. KNGT giúp con người thành công trong giao tiếp và từ đó con người hình thành, phát triển nhân cách, tạo nên hệ giá trị sống tích cực và tạo lập các mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống. Trong xã hội, con người là tổng hòa các mối quan hệ và vì vậy KNGT giữ vai trò quan trọng, nó được thể hiện cơ bản dưới một số nội dung sau:

### *1.3.2.1. Phát triển KNGT với việc hình thành và phát triển nhân cách*

Giao tiếp là nhu cầu bậc cao của con người và là nhu cầu không thể thiếu được trong sự tồn tại, phát triển của con người. Thông qua giao lưu hay giao tiếp, cá nhân mới có thể hòa nhập vào các mối quan hệ với các cá nhân khác trong xã hội để tạo ra hoạt động xã hội. Từ đó, con người lĩnh hội được các chuẩn mực đạo đức, giá trị xã hội và có sự nhìn nhận, đánh giá về giá trị, đạo đức theo quan điểm của mỗi thời đại. Từ đó con người tự điều chỉnh, điều khiển bản thân theo các chuẩn mực xã hội và tham gia đóng góp những giá trị phẩm chất, nhân cách cho sự phát triển chung của xã hội.

Trong cuộc sống cá nhân, KNGT có vai trò vô cùng quan trọng. Việc vận dụng KNGT vào trong cuộc sống của mỗi con người chính là năng lực vận dụng có hiệu quả những tri thức về giao tiếp, giúp cá nhân tạo dựng được chỗ đứng trong xã hội. Đối với lứa tuổi học sinh THCS đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách thì KNGT đóng vai trò quan trọng bởi nhờ có KNGT các em học tập hiệu quả, tự tin tham gia vào hoạt động của nhà trường, gia đình và xã hội, trải nghiệm bản thân. Vì vậy, nhà trường cần quan tâm phát triển KNGT cho học sinh THCS đó là các kỹ năng như diễn đạt, nghe, hiểu, tự chủ cảm xúc, tạo lập các mối quan hệ, chủ động điều khiển giao tiếp hay các kỹ năng giao tiếp qua sử dụng ngôn ngữ cơ thể như biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, hành động.... nhờ đó, các em học được cách đánh giá hành vi và thái độ, lĩnh hội được các tiêu chuẩn đạo và vận dụng các tiêu chuẩn đó vào thực tiễn.

Học sinh THCS quan hệ xã hội được mở rộng, vì vậy phát triển KNGT cho HS là việc làm có ý nghĩa, giúp các em tự tin trong học tập, tự chủ trong quan hệ xã hội. Trong các mối quan hệ đó các em biết nói lời yêu cầu đề nghị; biết chia sẻ niềm vui, các em biết cách nhận thức đúng đắn về mình, nhận biết về đối tượng giao tiếp, biết cách tiếp cận với đối tượng giao tiếp và biết bày tỏ thái độ, quan điểm của. KNGT giúp cho HS biết cách giải quyết những tình huống trong cuộc sống hàng ngày.

Hình thành KNGT cho HS THCS nhằm trang bị cho người học những tri thức, những khái niệm về giao tiếp. Trên cơ sở đó giúp các em có kỹ năng bày tỏ thái độ, quan điểm của mình trước các vấn đề của cuộc sống, đặt ra trong các quan hệ của trẻ ở gia đình, nhà trường và xã hội. Xuất phát từ vai trò của KNGT đối với quá trình phát triển nhân cách HS đòi hỏi nhà trường, GV cần có nhận thức đúng KNGT và tiến hành phát triển KNGT cho HS.

### *1.3.2.2. Phát triển KNGT tạo nên hệ giá trị sống tích cực của học sinh*

Giao tiếp và năng lực giao tiếp phản ánh trình độ văn hóa, trình độ GD của con người. Chính năng lực giao tiếp, KNGT của HS góp phần tạo nên chất lượng GD-ĐT. Hướng tới năng lực giao tiếp và KNGT là hướng tới giá trị văn hóa và giá trị sống tích cực, sống hiệu quả của con người. Ngược lại, KNGT thành thạo thường được phát triển trên những hệ thống giá trị xã hội, giá trị đạo đức.

Đối với HSTHCS việc phát triển KNGT cho HS có tầm quan trọng rất lớn trong sự phát triển sau này của HS sẽ giúp các em hướng tới giá trị sống tích cực đó là giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ, giá trị về lòng khoan dung, giá trị về trí tuệ... Phát triển KNGT vai trò rất to lớn trong việc bắt đầu tạo nên hệ giá trị sống cho các em, giúp các em thể hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống và từ đó, các em trưởng thành với một hệ giá trị tích cực bởi thành quả của quá trình GD. Bên cạnh đó, việc phát triển KNGT còn xây dựng và tạo nên nét văn hóa trong nhà trường. Đó là văn hóa ứng xử và văn hóa giao tiếp.

### *1.3.2.3. Phát triển KNGT giúp HS tạo lập các mối quan hệ trong cuộc sống*

Giao tiếp là một nhu cầu không thể thiếu của mỗi con người và có vai trò quan trọng, tích cực trong hoạt động xã hội. Nhờ có KNGT mà con người có thể chung sống và hòa nhập trong một xã hội không ngừng biến đổi. Thực tế đã chứng minh con người hoạt động thành công và hiệu quả KNGT chiếm 60%. Giao tiếp đã trở thành công cụ giúp chúng ta thành công trong cuộc sống và trong công việc, nó sẽ là chìa khóa tốt để bắt đầu cho những thành công khác

Thông qua giao tiếp, con người phát triển quan hệ với người khác và phát triển nhân cách. Khi giao tiếp, tương tác với người khác, con người có dịp quan sát, ghi nhận các phản ứng, các thái độ phản hồi của họ mà nhờ đó biết cách tự tìm hiểu, đánh giá mình một cách chân thực và khách quan, hình thành các mối quan hệ phù hợp. C.Mác đã chỉ rõ "*sự phát triển của mỗi cá nhân được quy định bởi sự phát triển của tất cả các cá nhân khác mà nó quan hệ trực tiếp hay gián tiếp*".. Qua giao tiếp, cá nhân ra nhập các mối qua hệ xã hội với nhiều cá nhân khác và trong xã hội, phạm vi giao tiếp của cá nhân sẽ được mở rộng. Các mối quan hệ cá nhân càng phong phú, đa dạng thì bản chất người càng rõ nét.

Giao tiếp đã giúp con người mở rộng thêm đối tượng giao và phạm vi giao tiếp. Phạm vi giao tiếp phụ thuộc vào tính cách, nghề nghiệp, vị trí xã hội của mỗi cá

nhân, điều đó tạo nên cá tính của mỗi người. Một yếu tố nữa ảnh hưởng tới mối quan hệ giao tiếp trong cuộc sống là điều kiện sống, môi trường hoạt động của chủ thể. Nếu môi trường giao tiếp của cá nhân được mở rộng thì đối tượng giao tiếp của họ sẽ cũng phong phú, đa dạng hơn và ngược lại.

Đối với HS THCS giao tiếp giúp cho HS trao đổi tri thức, thông tin trong học tập, rèn luyện, chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống... Nhờ có giao tiếp, HS biết cách bày tỏ thái độ và quan điểm của mình trong quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội. Vì vậy nhà GD cần hướng dẫn các em, giúp các em **Biết - Hiểu - Hành động** và cộng tác trong quan hệ giao tiếp với người khác.

Ở đây, ta thấy vai trò của KNGT trong hình thành các mối quan hệ ở lứa tuổi học trò bậc THCS. Những tiếp xúc rộng rãi với bạn bè, quan hệ với các thầy cô giáo thông qua việc học, sinh hoạt, vui chơi... mà các em đã xuất hiện nhu cầu giao tiếp, hình thành các mối quan hệ xã hội mới trong lớp, trong trường.... đã làm cho các mối quan hệ của các em trở thành rộng hơn, sinh động hơn

### ***1.3.3. Nguyên tắc phát triển KNGT cho HSTHCS***

- Không được tách rời KNGT khỏi hành động, ngược lại phải coi nó là những đặc điểm, những trình độ khác nhau của hành động. Chỉ có thể dựa trên cơ sở đó mới bộc lộ ra được cơ chế hình thành kỹ năng, kỹ xảo tức là cơ chế hình thành hành động.

- Để hình thành một hành động phải tiên lượng hai yếu tố (Biểu tượng về mục đích mà hành động hướng tới và các thao tác cần thiết để triển khai mục đích đó).

- Hành động không thể bắt đầu từ sự tri giác hay ghi nhớ đối tượng mà phải bắt đầu từ sự triển khai của thao tác thực tiễn với đối tượng. Chính trong quá trình thao tác thực tiễn đó, bản chất của đối tượng được bộc lộ và được nhận thức, đồng thời các thao tác được biến đổi, tạo được sản phẩm phù hợp với hành động.

- Tiêu chuẩn để đánh giá kết quả luyện tập với các vật liệu khác nhau để hành động biến thành KNGT là độ thuần thực, tính khái quát, tính linh hoạt mềm dẻo và tự động hoá.

Do vậy, để rèn luyện và phát triển KNGT cho học sinh THCS cần soạn thảo hệ thống các bài tập thực hành giao tiếp, các tình huống giao tiếp.

### ***1.3.4. Các nhiệm vụ phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh***

Để phát triển và rèn luyện KNGT cho học sinh THCS một cách hiệu quả, cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Bồi dưỡng năng lực nhận thức cho các em, giúp các em hình thành thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn. Hiểu biết đầy đủ về vai trò của giao tiếp và KNGT, nắm được tri thức về giao tiếp và KNGT.

- Giáo dục cho HS những giá trị văn hoá, những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tôn trọng những nét văn hoá riêng của từng dân tộc.

- Giáo dục các em về lối sống lành mạnh phù hợp với nhà trường, địa phương, Hình thành định hướng giá trị đúng đắn trong cuộc sống.

- Rèn luyện các phẩm chất ý chí và tính cách cho HS như: ý thức tổ chức kỷ luật, khiêm tốn, giản dị, có khả năng phê bình và tự phê bình, có ý thức học tập, phấn đấu, không ngại khó khăn, ham học hỏi để hoàn thiện bản thân.

- Tổ chức phát triển, rèn luyện KNGT cho HS bằng con đường học tập, sinh hoạt tập thể và lao động. Có thể thông qua các hình thức văn hoá, văn nghệ, thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp...

- Thường xuyên khuyến khích, động viên các em về các thành tích mà các em đạt được, hạn chế tối đa việc trách phạt các em. Tạo điều kiện để các em tự đưa ra các quyết định trong các tình huống thực tế hay tình huống giả định do giáo viên tạo ra nhằm mục đích phát triển KNGT

### ***1.3.5. Nội dung phát triển KNGT cho học sinh THCS***

#### ***1.3.5.1. Phát triển văn hóa giao tiếp cho học sinh***

Giao tiếp của HS THCS có liên quan đến phạm vi hoạt động của các em. Nếu số lượng đối tượng giao tiếp của HS tăng lên thì phạm vi giao tiếp cũng sẽ mở rộng. Ở bậc THCS hoạt động giao tiếp là một trong hai hoạt động chủ đạo. Thông qua giao tiếp, học sinh biết cách bày tỏ thái độ và quan điểm của mình trong quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội. Thông qua nội dung dạy học và giáo dục và các HĐNGLL, nhà trường, GV giáo dục cho HS nhận thức đúng về tầm quan trọng, cách thức thực hiện và vai trò của quá trình tập luyện, rèn luyện và hình thành cho HS những hành vi giao tiếp có văn hóa, các chuẩn mực quy định đối với hành vi giao tiếp, cách thức thực hiện những hành vi đó làm cơ sở nền tảng cho việc hình thành KNGT.

Các mối quan hệ giao tiếp đó có văn hóa hay không phụ thuộc vào môi trường sống, môi trường giáo dục giao tiếp. Nội dung phát triển giao tiếp có văn hóa cho HS



THCS trước hết là những chuẩn mực, quy tắc giao tiếp có văn hóa đơn giản phù hợp với lứa tuổi, cá tính. Đó là cách biểu đạt thái độ, lắng nghe, biết chia sẻ, các cử chỉ và hành vi phù hợp... trong các mối quan hệ với người thân trong gia đình, với thầy cô giáo, bạn bè với những người xung quanh. Những chuẩn mực, quy tắc giao tiếp phải vừa phù hợp với thực tế, vừa có sự tiếp cận với những chuẩn mực, quy tắc giao tiếp chung của xã hội.

#### *1.3.5.2. Phát triển kỹ năng hành vi giao tiếp*

Các nhà GD khi thực hiện nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp, phải chú ý nội dung sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý từng lứa tuổi, giới tính. GV cần giúp HS có thái độ tích cực trong quá trình tập luyện, thể hiện hành vi kỹ năng giao tiếp có văn hóa trong các mối quan hệ ở gia đình, nhà trường và xã hội; đồng thời có thái độ đấu tranh kiên định với những hành vi giao tiếp lệch chuẩn của HS. Cũng qua nội dung dạy học, qua bài tập thực hành hay tham gia hoạt động giáo dục và sinh hoạt tập thể, giáo viên tập luyện cho học sinh những kỹ năng giao tiếp phù hợp như: Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị, kỹ năng chia sẻ, kỹ năng xử lý tình huống, tự nhận xét đánh giá về bản thân... Để các kỹ năng trên đạt được kết quả, GV giúp HS nắm vững chuẩn mực của từng kỹ năng, cách thực hiện và quy trình tập luyện từng kỹ năng đó. Trong các hoạt động ngoài giờ những môn học, đặc biệt các môn học liên quan đến giao tiếp, ứng xử, giáo viên có thể tác động, lồng ghép những trò chơi phù hợp, những câu chuyện sống động... để phát triển KNGT cho HS.

#### *1.3.5.3. Lựa chọn các kỹ năng giao tiếp cần phát triển cho học sinh THCS*

Để rèn luyện các KNGT, trước hết các nhà GD cần phải xác định những kỹ năng cần phát triển cho HS và phát triển các kỹ năng đó như thế nào trong từng hoàn cảnh cụ thể. Hệ thống KNGT cần phát triển cho học sinh THCS bao gồm:

*Kỹ năng nhận thức về bản thân:* Giúp HS biết tự nhận thức giá trị bản thân giúp trẻ hiểu rõ bản thân mình: Đặc điểm, tính cách, thói quen, thái độ, ý kiến, cách suy nghĩ, cảm xúc, nhu cầu của chính mình, các mối quan hệ xã hội cũng như những điểm tích cực và hạn chế của bản thân.

*Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị:* Giáo dục học sinh biết nói lời yêu cầu đề nghị của bản thân đối với những người xung quanh, biết bày tỏ thái độ, quan điểm cá nhân của mình trước những vấn đề yêu cầu đề nghị.

*Kỹ năng từ chối yêu cầu đề nghị của người khác:* Giúp các em biết phân biệt đúng sai, biết ủng hộ cái đúng, cái thiện và kiên định với quan điểm của mình, biết từ chối, hay khước từ cái không đúng, hay những lời nói, việc làm thể hiện hành vi lệch chuẩn.

*Kỹ năng xử lý tình huống:* Trong cuộc sống HS THCS phải đối mặt với nhiều tình huống trong học tập, vui chơi, sinh hoạt tập thể và hoạt động lao động và gặp những tình huống khó xử trong quan hệ với người lớn trong gia đình, với thầy cô, bạn bè và với nhiều người xung quanh, đòi hỏi các em phải có kỹ năng ứng xử phù hợp, biết phân tích cái lợi và cái hại của việc ứng xử, tạo ra quan hệ chia sẻ, hợp tác.

*Kỹ năng lắng nghe:* Thông qua hoạt động dạy học, rèn luyện, giúp HS có kỹ năng lắng nghe, hiểu người khác, biết về mình rõ hơn, lắng nghe một cách tích cực, chủ động và cảm thông, chia sẻ, lắng nghe có chủ động để tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin có ích cho bản thân.

*Kỹ năng thương lượng:* Trong giao tiếp cần giúp HS phát triển kỹ năng biết thương lượng với người khác để đạt mục tiêu giao tiếp, thương lượng với người thân để thực hiện mục tiêu cá nhân .....

*Kỹ năng chia sẻ:* Thông qua các hoạt động cần hình thành và phát triển HS THCS kỹ năng chia sẻ, chia sẻ với bố mẹ về niềm vui và nỗi buồn, thành công và thất bại trong cuộc sống, chia sẻ với thầy cô về khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ của nhà trường và cuộc sống chia sẻ với bạn bè công việc của lớp của trường ...

*Kỹ năng thuyết trình trước đám đông:* Bằng việc vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục, giúp HS rèn luyện và phát triển kỹ năng thuyết trình trước nhóm, trước tập thể thông qua đó rèn luyện kỹ năng nói, kỹ năng trình bày một vấn đề trước đám đông.

*Kỹ năng thuyết phục:* Trong học tập, lao động sinh hoạt, học sinh phải thuyết phục người khác khi đưa ra yêu cầu đề nghị vì vậy đòi hỏi giáo viên và nhà trường cần rèn luyện cho các em kỹ năng thuyết phục.

*Kỹ năng giải quyết vấn đề:* Trong dạy học và giáo dục HS THCS, GV cần đưa HS vào những tình huống có vấn đề để rèn luyện cho các em kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề: Giải quyết vấn đề trong học tập, giải quyết vấn đề trong xử lý các mối quan hệ, giải quyết vấn đề về xúc cảm cá nhân ...

*Kỹ năng làm việc hợp tác:* HS THCS, cần phải được trang bị kỹ năng làm việc đồng đội, biết chia sẻ và hợp tác, biết tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của những người xung quanh để tự hoàn thiện mình, biết tự nhận thức về bản thân và người khác, biết bày tỏ quan điểm cá nhân, biết kiên định với mục tiêu đã chọn, biết giữ lời hứa và tôn trọng những người xung quanh ...

*Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm:* Giao tiếp con người bộc lộ cảm xúc cá nhân của mình, vì vậy, để hành vi giao tiếp có văn hóa cần phát triển HS THCS có kỹ năng biểu lộ xúc cảm và thái độ cá nhân trong quá trình giao tiếp, biết kiềm chế cảm xúc của mình trong quá trình giao tiếp... để không làm ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp và chất lượng học tập, rèn luyện của HS.

#### **1.3.5.4. Các mức độ phát triển KNGT cho HS THCS**

- Mức độ 1: Giao tiếp tốt: Biểu hiện như sau: Giao tiếp trôi chảy, lưu loát, tự tin, mạnh dạn, diễn đạt ngắn gọn rõ ý.

-Mức độ 2: Giao tiếp Khá: Biểu hiện như sau: Giao tiếp ít trôi chảy, ít lưu loát, ít tự tin, ít mạnh dạn, diễn đạt vẫn còn chưa ngắn gọn, rõ ý.

Mức độ 3: Giao tiếp Trung bình và dưới Trung bình:Biểu hiện như sau: Giao tiếp không trôi chảy, chưa lưu loát, Chưa tự tin, thiếu mạnh dạn, chưa biết cách diễn đạt ngắn gọn rõ ý.

#### **1.3.6. Các con đường phát triển KNGT cho học sinh THCS**

##### **1.3.6.1. Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD, các môn học có ưu thế**

KNGT trong chương trình dạy học, giáo dục HS với các môn học có ưu thế Hoạt động giáo dục trên lớp là hoạt động giữ vai trò chủ đạo, quan trọng ở các trường học hiện nay. Tùy theo nội dung, chương trình của từng môn học, từng loại hình hoạt động, GV có thể lựa chọn các KNGT có thể tích hợp lồng ghép một cách thích hợp, vừa sức với tuổi HS THCS. Giáo viên có thể lựa chọn hình thức kết hợp trong giảng dạy thông qua các môn học chiếm ưu thế và liên quan đến phát triển KNGT như môn: Giáo dục công dân, Ngữ văn GV để tiến hành phát triển KNGT cho HS. Giáo viên cần thiết kế chu đáo các bài tập tình huống về giao tiếp để lồng ghép, rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho người học. Thông qua việc giáo dục tích hợp, HS sẽ hứng thú, thoải mái, hưng phấn, nhẹ nhàng, tự nhiên... trong việc tiếp thu những KNGT. Việc tích hợp này sẽ làm tăng chất lượng giảng dạy của môn học góp phần nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng giáo dục và hình thành, phát triển nhân cách học sinh một cách toàn diện.Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung

phát triển KNGT trong chương trình dạy học, giáo dục HS thông qua dạy học trên lớp với các môn học có ưu thế không chỉ thực hiện được các mục tiêu vốn có của bài học gắn với môn học mà còn giúp học sinh hiểu, trải nghiệm được các kỹ năng giao tiếp gắn với bài học, trên cơ sở đó HS THCS hình thành được KNGT của mình.

Như vậy, ta thấy hoạt động dạy học trên lớp là điều kiện và con đường tốt nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS. GV phải có năng lực, kỹ năng thiết kế bài giảng theo hướng lồng ghép, tích hợp; biết xác lập các mục tiêu của bài giảng và nội dung phát triển KNGT dự kiến đưa vào; xác định phù hợp các nội dung phát triển KNGT tích hợp vào nội dung bài học có ưu thế; GV phải có kỹ năng giao tiếp tốt, kiến thức sâu và rộng, nghiệp vụ sư phạm vững vàng. Đặc biệt phải phát huy được tính tích cực của HS.

#### *1.3.6.2. Tổ chức hoạt động GDNGLL tích hợp nội dung phát triển KNGT*

Hoạt động này gắn bó chặt chẽ với các hình thức GD qua dạy học giúp HS không những củng cố, mở rộng những tri thức mà còn hình thành được thái độ tình cảm, rèn luyện được hành vi, kỹ năng thông qua các HĐGDNGLL như thi tìm hiểu, thuyết trình theo chủ đề, xử lý tình huống, các hoạt động tham quan dã ngoại, xâm nhập thực tế sẽ giúp cho HS tiếp cận với thực tế, đi sâu vào một chủ đề và làm quen với các tình huống thực tiễn trong đời sống. Những hoạt động này thường thu hút và gây hưng phấn trong HS, tạo điều kiện để HS thực hành và tăng cường những KNGT theo những cách thức phù hợp. Vì vậy, GV cần kết hợp lồng ghép việc phát triển KNGT với các HĐNGLL một cách thích hợp và hiệu quả. Trong các hoạt động trên sử dụng phương pháp đóng vai hay tổ chức trò chơi sẽ thu được kết quả cao trong rèn luyện và phát triển KNGT cho HS. Hình thức tổ chức phải mang tính hấp dẫn và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa HSTHCS. Tổ chức HĐGDNGLL cũng là một trong những con đường cơ bản và quan trọng trong phát triển KNGT cho HS THCS.

Các nhiệm vụ cơ bản của HĐGDNGLL trong trường THCS là:

- Nhiệm vụ GD về nhận thức: HĐGDNGLL giúp học sinh bổ sung, củng cố và hoàn thiện những tri thức đã được học trên lớp thông qua các hoạt động ngoại khoá, chuyên đề, chủ đề theo từng tháng... học sinh vận dụng những tri thức đã học để giải quyết các vấn đề của cuộc sống đặt ra, đồng thời có thêm những hiểu biết cho bản thân mình về thế giới. HĐGDNGLL còn giúp học sinh định hướng chính trị, xã hội, tự điều chỉnh hành vi, đạo đức, một cách phù hợp.

- Nhiệm vụ GD về thái độ: HGDNGLL phải tạo cho học sinh sự hứng thú và lòng ham muốn hoạt động. Do đó, quy mô, hình thức, phương pháp, nội dung phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của HS, phải mang lại lợi ích thiết thực cho HS để lôi cuốn, thu hút các em tự giác tham gia. Đồng thời bồi dưỡng cho HS những tình cảm đạo đức trong sáng có lối sống lành mạnh, phát huy tính tích cực, năng động sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể

- Nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng: HGDNGLL rèn luyện cho HS rất nhiều KN thiết thực, đặc biệt là KNGT, ứng xử có văn hoá, thói quen lao động, KN tổ chức, KN điều khiển và tự điều khiển các hành động, hoạt động. HGDNGLL còn phát triển cho học sinh rất nhiều các KN khác như: KN tự giáo dục, tự điều chỉnh, KN hoà nhập để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao...

#### *1.3.6.3. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể thông qua đó phát triển KNGT cho HS THCS*

Hoạt động sinh hoạt tập thể cũng là một trong những con đường phát triển KNGT cho HS THCS. Với các hình thức như lao động, vui chơi, hoạt động xã hội tập thể và các mối quan hệ giao tiếp ngoài xã hội tạo cơ hội và điều kiện cho học sinh tự rèn luyện, biến những yêu cầu thành hành vi, kỹ năng tương ứng. Trong sinh hoạt tập thể, học sinh được rèn luyện, biết đoàn kết thương yêu, giúp đỡ và chia sẻ, hợp tác với nhau giúp học sinh được tự tin, mạnh dạn hòa đồng với tập thể.

Nội dung tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể rất phong phú và đa dạng, giúp HS phát triển KNGT thông qua việc tổ chức sinh hoạt tập thể như: Hoạt động theo chủ điểm gắn kết với HS THCS như ngày truyền thống nhà trường, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc...; Các trò chơi tìm hiểu về xã hội, về tự nhiên, về khoa học; Qua các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao; Các hoạt động vì môi trường xanh, sạch, đẹp...có như vậy với gắn kết các em lại thành một tập thể mạnh, một người vì mọi người. Quan trọng hơn là rèn luyện tinh thần tập thể, giúp các em đoàn kết, thương yêu, chia sẻ, cảm thông, tự tin trong cuộc sống

#### *1.3.6.4. Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT*

Nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT chính là con người trong môi trường giáo dục, sức mạnh của tổ chức, tiềm lực tài chính và cơ sở vật chất

phục vụ cho hoạt động. Huy động được nhiều nguồn lực, tổng hợp được nhiều sức mạnh cùng những yếu tố khác của nhà trường thì mục tiêu phát triển KNGT sẽ được thực hiện thành công. Tài chính và cơ sở vật chất là nguồn lực rất quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn trong các hoạt động, trong đó có phát triển KNGT. Vì vậy, chính quyền, các tổ chức, nhà trường cần tăng cường hỗ trợ nguồn tài chính, đầu tư cơ sở vật chất đối với hoạt động dạy học và hoạt động phát triển KNGT HS. Trên cơ sở đó nhà trường và GV sẽ triển khai, tổ chức các hoạt động phù hợp qua đó chất lượng, hiệu quả của phát triển KNGT sẽ được được đảm bảo. Năng lực GV là nhân tố có tính quyết định đến kết quả phát triển KNGT của HS. Vì vậy, việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, năng lực sư phạm và kỹ năng giao tiếp cho giáo viên là việc làm cần thiết không được bỏ qua và buông lỏng.

Đồng thời tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong tập thể sư phạm về vai trò, tác dụng của phát triển KNGT cho HS THCS để từ đó tạo sự đồng thuận về quan điểm, thống nhất về tổ chức thực hiện và phát huy sức mạnh tập thể trong hoạt động phát triển KNGT cho HS. Vì vậy, trong hoạt động phát triển cần phát huy vai trò chủ động, tích cực của HS, đặc biệt là những học sinh có khả năng nổi trội về KNGT coi đó là nhân tố điển hình để nhân rộng trong toàn trường.

#### *1.3.6.5. Phát triển KNGT thông qua các hoạt động trải nghiệm*

Hoạt động trải nghiệm mang tính tự chọn tùy theo điều kiện của từng trường, từng địa phương và khả năng của học sinh mà lựa chọn những nội dung hoạt động cho phù hợp. Nội dung và hình thức hoạt động trải nghiệm phải phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh, đảm bảo gây được hứng thú và sáng tạo trong hoạt động của các em. Chính vì thế hoạt động trải nghiệm có thể thu hút hứng thú của học sinh và giúp các em rèn luyện được và phát triển các KNGT cần thiết cho bản thân.

Một số hình thức hoạt động trải nghiệm có nhiều tiềm năng để phát triển KNGT cho HS THCS như: Sinh hoạt câu lạc bộ; Giao lưu văn hoá; Vui chơi giải trí; Sinh hoạt văn nghệ; Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao; Tham gia các hoạt động xã hội với nội dung về giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục dân số, các hoạt động tuyên truyền, cổ vũ phong trào ở địa phương,...

### **1.4. Những vấn đề cơ bản về phát triển KNGT thông qua HĐTNST của HS THCS**

#### **1.4.1. Đặc điểm nhân cách của học sinh THCS**

Khi nghiên cứu về lứa tuổi HS THCS, S.L.Vurgótzki chỉ ra rằng “*Cần phải nghiên cứu những cấu trúc mới trong nhân cách của các em và phải xem xét hoàn cảnh xã hội của sự phát triển của trẻ*”.

Lứa tuổi này còn được gọi là lứa tuổi thiếu niên và nó có một vị trí đặc biệt trong thời kỳ phát triển của trẻ em. Vị trí đặc biệt này được phản ánh bằng những tên gọi khác nhau của nó như “*tuổi quá độ*”; “*tuổi khó bảo*”; “*tuổi khủng hoảng*”...

Đây là lứa tuổi chuyển tiếp, là tuổi bắt đầu từ trẻ em lên người lớn. Điều đó được biểu hiện ở sự phát triển mạnh mẽ, thiếu cân đối về cơ thể, ở sự phát dục và việc xây dựng lại một cách cơ bản các quá trình, các hoạt động tâm lý, ở sự hình thành kiểu quan hệ mới của các em với người lớn và bạn bè cùng lứa tuổi.

Yếu tố đầu tiên của sự phát triển nhân cách là *tính tích cực xã hội* mạnh mẽ của bản thân các em, nhằm lĩnh hội những giá trị, thiết kế tương lai và xây dựng các mối quan hệ đúng đắn với người lớn, với bạn bè. Tuy nhiên sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi này diễn ra không đồng đều về mọi mặt. Ở các em tồn tại song song “*vừa tính trẻ con, vừa tính người lớn*”. Mặt khác, phương hướng và mức độ phát triển các khía cạnh của tính người lớn ở các em diễn ra khác nhau

#### *Nhu cầu tự khẳng định và tự ý thức*

Việc đưa trẻ bước vào lứa tuổi HS THCS được đánh dấu bởi những chuyển biến về chất trong sự phát triển tự ý thức. Các em bắt đầu xuất hiện sự quan tâm tới bản thân, tới những phẩm chất nhân cách của mình. Các em có nhu cầu tự đánh giá, tự xem xét mình, muốn hiểu biết mặt mạnh, mặt yếu trong nhân cách của mình, từ đó vạch ra cho mình một nhân cách tương lai. Đây là chuyển biến cơ bản, là bước ngoặt quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách của các em.

Sự hình thành tự ý thức của HS THCS là một quá trình diễn ra dần dần. Lúc đầu các em tự nhận thức những hành vi riêng lẻ, sau đó là toàn bộ hành vi của mình, cuối cùng các em ý thức được những phẩm chất đạo đức, tính cách và khả năng của mình. Quá trình tự đánh giá, tự ý thức đã dẫn tới khuynh hướng vươn lên làm người lớn ở HS THCS. Các em có xu hướng muốn được người lớn công nhận mình và công nhận vai trò của mình. Vậy là nhu cầu tự khẳng định đã được hình thành ở các em. Đặc điểm quan trọng về tự ý thức của lứa tuổi HS THCS là sự mâu thuẫn giữa nhu cầu tìm hiểu bản thân với kỹ năng chưa đầy đủ để phân tích đúng đắn sự biểu lộ của nhân cách. Điều này có nguyên nhân từ sự ít ỏi về vốn kinh nghiệm sống, từ sự hạn chế về khả năng tư duy lý luận ở HS THCS.

#### *Sự phát triển tình cảm của HSTHCS*

Ở các em xuất hiện ngày càng nhiều những rung cảm mới mẻ, bắt đầu quan tâm tới mối quan hệ với bạn khác giới. Những rung cảm giới tính bắt đầu xuất hiện.

Trong mối quan hệ của HS THCS với người lớn cũng xuất hiện rất nhiều rung cảm nhạy bén: sự tin yêu, lòng mến phục, sự buồn phiền, bối rối... hình thành và phát triển nhiều hứng thú mới: hứng thú đọc sách, hứng thú hoạt động xã hội... Đây chính là điều kiện thuận lợi, là cơ sở của sự hình thành và phát triển những tình cảm cao cấp ở HS THCS như tình cảm đạo đức, trí tuệ, tình cảm thẩm mỹ...

Tình bạn của HS THCS được hình thành trên cơ sở cùng học tập, cùng sinh hoạt, cùng hứng thú, sở thích như nhau. Mối quan hệ của các em với bạn bè cùng lứa tuổi trở nên phức tạp, đa dạng hơn nhiều so với hoạt động tiểu học.

Tuy nhiên, lứa tuổi này rất dễ bị kích động, dễ xúc động, khó kìm nén xúc cảm. Tình cảm của các em còn mang tính bùng bột, xóc nổi. Đây là đặc điểm nổi bật trong đời sống tình cảm của HS THCS. Đặc điểm này có nguyên nhân ảnh hưởng từ sự phát dục, từ tính chất hoạt động thiếu cân bằng của một số cơ quan nội tạng trong cơ thể. Tuy nhiên dần về cuối độ tuổi thì tình cảm của các em được cân bằng hơn, ổn định hơn. Khả năng tự điều khiển những xúc cảm, tình cảm ở các em hài hòa hơn với ý chí với những mục đích xã hội lớn lao.

#### *Một số nét nhân cách khác của HS THCS*

Tính độc lập, tính dũng cảm đang phát triển mạnh ở HS THCS.

Mặc dù còn ít tuổi nhưng nhiều em sớm bộc lộ “quyết tâm” khắc phục khó khăn trong học tập, trong lao động trong việc giúp đỡ bạn bè và rèn luyện thân thể.

Tuy nhiên, vì kinh nghiệm sống còn ít ỏi, tri thức còn hạn chế và còn vì HS THCS đánh giá mình chưa chính xác. Đây là nguyên nhân của một số lệch lạc trong hành vi của các em. Càng về cuối độ tuổi, yếu tố ý chí trong mọi hành động càng được HS THCS chú ý, nhu cầu tự tu dưỡng, khả năng tự giác đã xuất hiện rõ rệt ở nhiều em và trở thành nhân tố tích cực cho sự phát triển của các em.

Có thể nói sự phát triển mạnh mẽ nhưng thiếu cân đối, chưa toàn diện về mọi mặt là đặc điểm khái quát trong sự phát triển của HS THCS. Những mâu thuẫn trong quá trình phát triển của lứa trẻ được thể hiện tập trung, cao độ ở lứa tuổi này. Đây là nguyên nhân tạo nên tính phức tạp trong đời sống của HS THCS - tạo nên “*cái tôi phức tạp*” ở lứa trẻ; nó còn là nguyên nhân của sự phức tạp trong cách nhìn nhận, cách đánh giá về lứa tuổi này.

Sự giao tiếp ở lứa tuổi học sinh THCS là một hoạt động đặc biệt, mà đối tượng của hoạt động này là người khác - người bạn, người đồng chí. Nhờ hoạt động giao tiếp mà các em nhận thức được người khác và bản thân mình; đồng thời qua đó làm



phát triển một số kỹ năng như kỹ năng so sánh, phân tích, khái quát hành vi của bản thân và của bạn, làm phong phú thêm những biểu tượng về nhân cách của bạn và của bản thân.

Trong giao tiếp, một số em bộc lộ cảm xúc rõ rệt như thiếu tự tin khi đứng trước đám đông, thiếu chủ động khi giải quyết tình huống giao tiếp. Ở lứa tuổi này, giao tiếp là một hoạt động đặc biệt giúp các em rèn kỹ năng sống cho bản thân. HĐTNST là một trong những hoạt động có ý nghĩa quan trọng tạo điều kiện cho HS tiếp xúc và trải nghiệm nhiều vấn đề trong cuộc sống xã hội. Vì thế làm công tác GD phải tạo điều kiện để các em giao tiếp với nhau, tránh tình trạng ngăn cấm, hạn chế sự giao tiếp của lứa tuổi này.

#### ***1.4.2. Mục tiêu phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS***

Mục tiêu phát triển KNGT cho HS THCS qua các HĐTNST cũng là một bộ phận của mục tiêu giáo dục phổ thông, hướng vào việc phát triển cho HS những KNGT cơ bản, tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài và bền vững của HS. Mục tiêu phát triển KNGT cho trẻ hướng vào việc hình thành và phát triển ở HS chuẩn KNGT cơ bản như: Kỹ năng tự phục vụ bản thân, Kỹ năng tự nhận thức và đánh giá bản thân, Kỹ năng đánh giá người khác, Kỹ năng thể hiện tự tin trước đám đông; Kỹ năng giao tiếp và ứng xử; Kỹ năng hợp tác và chia sẻ.... nhờ đó các HS học được cách đánh giá hành vi và thái độ, lĩnh hội được các tiêu chuẩn đạo đức từ cuộc sống, kiểm tra và vận dụng các tiêu chuẩn đó vào thực tiễn. Xuất phát từ vai trò của KNGT đòi hỏi nhà trường, GV cần có nhận thức đúng đắn về KNGT qua các HĐTNST cần phải phát triển được ở HS những kỹ năng giao tiếp trên.

#### ***1.4.3. Nội dung các HĐTNST có ưu thế phát triển KNGT cho HS THCS***

Có thể phân chia nội dung HĐTNST thành các nội dung chính sau:

*Chính trị - xã hội:* Là những hoạt động giúp HS tiếp cận với các vấn đề về chính trị, xã hội của cộng đồng, dân tộc, đất nước như: Các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, xã hội, văn hóa trong và ngoài nước; Truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương; Các hoạt động kết nghĩa, giao lưu; Các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tình nguyện từ đó GD các giá trị cho HS như: tôn trọng, chia sẻ, cảm thông... Khi tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội sẽ giúp HS hình thành và phát triển thái độ, tình cảm, niềm tin trong sáng, rèn luyện năng lực giao tiếp ứng xử, năng lực tổ chức quản lý, năng lực hợp tác, khẳng định bản thân trong cuộc sống cộng đồng.

*Khoa học, kỹ thuật:* Hoạt động thuộc lĩnh vực này giúp HS bước đầu tiếp cận với các ngành khoa học liên quan tới việc phát triển kỹ thuật và thiết kế trong đó ứng dụng kiến thức các môn khoa học vào thực tiễn cuộc sống. Thông qua đó HS có thể tìm hiểu về khoa học theo các chuyên đề như: Thiên văn, môi trường tự nhiên... Khi tham gia vào hoạt động này sẽ giúp các em áp dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, làm quen với phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, tạo sự tự tin, tìm tòi và sáng tạo; rèn luyện cách làm việc tự lực, kỹ năng làm việc nhóm, tính tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập và sinh hoạt.

*Văn hóa, nghệ thuật:* Lĩnh vực này bao gồm lối sống, học thức, phong tục, giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra như: văn học, thơ ca, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh, hội họa... Lĩnh vực này sẽ giúp HS tìm hiểu và khám phá về văn học, nghệ thuật bước đầu giúp các em phát hiện ra năng lực, tố chất, sở thích, khả năng của bản thân để có thể tham gia vào các hoạt động một cách tích cực và hứng thú. Các hoạt động có thể tổ chức như: Sinh hoạt văn nghệ; Đọc sách, báo, xem phim; Tham quan danh lam thắng cảnh; Sinh hoạt câu lạc bộ; Giáo dục di sản và giáo dục truyền thống văn hóa, đạo đức, hiếu học ... Thông qua các hoạt động này góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực có tinh thần trách nhiệm, các năng lực tự chủ và tự học; năng lực thẩm mỹ, hình thành và phát triển KNGT, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*Vui chơi, giải trí:* Đây là một trong các yếu tố để duy trì và phát triển các phong trào, giúp các em được thư giãn sau những giờ học mệt mỏi. Bao gồm các hoạt động như nghệ thuật, ca múa hát, kịch, tiểu phẩm, trò chơi giải trí... Bên cạnh đó còn chuyển tải những bài học về đạo đức, giá trị... đến với HS. Hoạt động này là phương tiện để giáo dục HS rất hiệu quả, có tác động mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực cần tiếp thu của HS, qua đây góp phần hình thành KNGT ứng xử và kỹ năng tự quản, kỹ năng phản hồi cho HS.

*Lao động công ích:* Đây là hoạt động mà cá nhân đóng góp một phần sức lao động của mình để tham gia xây dựng, tu bổ các công trình công cộng nhằm duy trì, bảo tồn các công trình công. Trong nhà trường loại hình lao động này được hiểu là sự đóng góp sức lao động của HS cho các công trình công cộng của nhà trường hoặc địa phương nơi HS sinh sống. Qua đó giúp HS hiểu được giá trị của lao động biết trân trọng sức lao động và có ý thức giữ gìn những công trình công cộng. Thông qua lao động công ích HS được rèn luyện các kỹ năng như: kỹ năng hợp tác, kỹ năng tìm

kiểm và xử lý thông tin, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng lập kế hoạch

*Thể dục thể thao:* Đây là một lĩnh vực không thể thiếu của HĐ TNST, nó giúp HS nâng cao sức miễn dịch của cơ thể ngăn ngừa bệnh tật, đồng thời nâng cao sức khỏe, rèn luyện bản thân để học tập tốt hơn, rèn luyện cho HS tinh thần đoàn kết, kỹ năng hợp tác. ... Khi tham gia vào các hoạt động này giúp HS phát huy tính sáng tạo, giải tỏa căng thẳng, xây dựng sự tự tin, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, và kỹ năng lãnh đạo

*Định hướng nghề nghiệp:* Đây là nội dung quan trọng của HĐTNST, thông qua đó HS có được trải nghiệm thực tiễn về nghề nghiệp, giúp các em có cơ sở để nhìn lại khả năng của bản thân để từ đó điều chỉnh việc chọn nghề cho phù hợp với năng lực, nguyện vọng của bản thân và phù hợp với nhu cầu lao động của địa phương và xã hội... Các nội dung bao gồm: Làm quen với các ngành nghề truyền thống và những nghề cơ bản trong xã hội; Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành nghề; Các yêu cầu của nghề ; Thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động lao động sản xuất, câu lạc bộ hướng nghiệp và các hoạt động định hướng nghề nghiệp khác, HS được đánh giá và tự đánh giá về năng lực sở trường, hứng thú.. được rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện KNGT, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm.

#### ***1.4.4. Hình thức tổ chức các HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS***

HĐTNST được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, mỗi hình thức hoạt động trên đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Nhờ các hình thức tổ chức đa dạng, phong phú mà việc GD HS được thực hiện một cách tự nhiên, sinh động, nhẹ nhàng, hấp dẫn không gò bó, khô cứng phù hợp với đặc điểm sinh lý cũng như nhu cầu, nguyện vọng của HS. Trong quá trình thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá HĐTNST GV và HS đều có cơ hội thể hiện sự sáng tạo, chủ động, làm tăng thêm tính hấp dẫn, độc đáo của các hình thức tổ chức hoạt động.

*-Tổ chức các trò chơi:* Trò chơi là một loại hoạt động giải trí, thư giãn không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Việc lựa chọn trò chơi phù hợp sẽ có tác dụng rất tích cực tới con người nói chung và đặc biệt đối với HS nói riêng. Muốn để cho trò chơi là một con đường học tập tích cực đòi hỏi phải có sự chọn lọc, tư duy của người GV trong cách lựa chọn trò chơi để tổ chức học tập trải nghiệm.

Trò chơi mang lại những thuận lợi trong quá trình tổ chức dạy học trải nghiệm rõ nét nhất là: việc phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh, giúp học sinh dễ tiếp thu kiến thức, rèn luyện tác phong nhanh nhẹn... Một số trò chơi được sử dụng nhiều trong các trường phổ thông hiện nay như: trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi mô phỏng game truyền hình... Qua hoạt động này giúp HS phát triển các KNKT như: kỹ năng chia sẻ, kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm...

*-Tổ chức các cuộc thi:* Tổ chức các cuộc thi có thể trong nhà trường, lớp học hay ngoài không gian trường học. Nội dung cuộc thi rất phong phú và dễ lồng ghép bất cứ nội dung giáo dục nào. Và đó cũng là yêu cầu đặt ra đối với mỗi cuộc thi đều phải mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Cuộc thi có nhiều cách tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thi giải ô chữ, đố vui về các địa danh trên đất nước ta, hội thi kể chuyện theo tranh về môi trường, ...

Mỗi hình thức có thể tổ chức với một chủ đề trong đó mang một hay nhiều nội dung giáo dục mà ở đó có sự gắn kết với nội dung chương trình cũng như phát triển kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề..

*-Tổ chức các câu lạc bộ:* Đây là hình thức hoạt động ngoại khóa của một nhóm HS cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu...dưới định hướng của nhà GD nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các HS với nhau và giữa HS với GV và những người trưởng thành khác.

Hoạt động câu lạc bộ đòi hỏi lịch sinh hoạt định kỳ và với các chủ đề thảo luận nghiên cứu khác nhau như: câu lạc bộ về biến đổi khí hậu, câu lạc bộ xanh...Việc thực hiện duy trì câu lạc bộ đòi hỏi có những nguyên tắc nhất định về: tinh thần, thời gian, địa điểm, sự công bằng, sự công hiến sáng tạo, tôn trọng, bình đẳng...Thông qua hình thức này giúp HS phát triển kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp...

*- Sinh hoạt tập thể:* Hình thức sinh hoạt tập thể là hình thức tổ chức quen thuộc diễn ra thường xuyên tại các trường học phổ thông. Đây là hình thức tổ chức có sự gắn kết cao, đồng thời cũng là yếu tố chính để duy trì và phát triển các phong trào và đoàn thể thanh thiếu niên. Qua đó giúp trẻ phát triển kỹ năng phản hồi; kỹ năng thuyết trình trước đám đông...

*- Lao động công ích:* Lao động công ích là hình thức hoạt động mang tính tập thể cao. Có thể tổ chức trong khuôn viên nhà trường hoặc làng xóm như: Vệ sinh vườn trường, sân trường, lớp học; đường làng ngõ xóm, trồng và chăm sóc vườn hoa,

chăm sóc và bảo vệ di tích lịch sử, công trình công cộng, di sản văn hóa... Thông qua hoạt động này giúp HS được rèn luyện kỹ năng hợp tác; kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng lập kế hoạch

- *Tổ chức tham quan dã ngoại*: Đây là hình thức tổ chức học tập trải nghiệm hiệu quả nhất bởi tính hấp dẫn đối với HS. Các hình thức tham quan dã ngoại mà hiện nay được các nhà trường phổ thông ở thành phố lựa chọn để giáo viên Tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, nhà máy, xí nghiệp; tham quan các cơ sở sản xuất, làng nghề, tham quan các viện bảo tàng. Mỗi hình thức lại gắn với một chủ đề học tập giáo dục hay là nguồn bổ sung kiến thức thực tiễn hoặc kỹ năng sống cần thiết cho học sinh. Qua hoạt động này giúp HS rèn luyện kỹ năng hợp tác; kỹ năng xử lý tình huống...

- *Diễn đàn*: Diễn đàn được tổ chức với quy mô khác nhau. Chủ đề của diễn đàn có thể xây dựng dựa trên nội dung các hoạt động GD, những nhu cầu, mong muốn của các em với nhà trường. Cũng từ đó các bậc phụ huynh, thầy cô giáo thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của các em để từ đó tìm ra những giải pháp cho phù hợp để xây dựng biện pháp GD cho phù hợp.

Với cách thức tổ chức diễn đàn như thế này yêu cầu về mặt thời gian, sự công phu từ người diễn thuyết đồng thời dễ đi lạc hướng. Bởi vậy giáo viên cần xây dựng chương trình cụ thể khoa học và có tính định hướng để nhằm đi đúng mục đích giáo dục nhằm phát triển năng lực ở người học. Qua hình thức này giúp HS phát triển kỹ năng phản hồi; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng chia sẻ...

- *Giao lưu*: Giao lưu có những đặc trưng riêng biệt khó hòa lẫn với các hình thức tổ chức khác. Đó là giao lưu phải có đối tượng là những nhân vật điển hình có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực nào đó thực sự là tấm gương sáng cho các em noi theo, phù hợp với hứng thú của HS. Thu hút sự tham gia đông đảo của học sinh. Đồng thời, đòi hỏi sự trao đổi thông tin tình cảm chân thực những vấn đề cần thiết liên quan tới nội dung học tập và hứng thú của các em. Từ đó giúp HS rèn luyện kỹ năng chia sẻ; kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị; kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm...

- *Tổ chức sự kiện*: Các hình thức tổ chức sự kiện quen thuộc trong nhiều nhà trường phổ thông như: Lễ tốt nghiệp, lễ vinh danh học sinh có thành tích xuất sắc, buổi triển lãm về biển đảo, hội diễn khoa học, hoạt động học tập thực tế, tìm hiểu di sản văn hóa, về phong tục tập quán, khám phá đất nước, trải nghiệm văn hóa nước ngoài... Việc tổ chức sự kiện đòi hỏi sự công phu và chuẩn bị kỹ càng ở cả học sinh và

giáo viên làm sao để học sinh biết hợp tác với nhau làm việc nhóm hiệu quả và kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế ngay trong quá trình tổ chức sự kiện.

- *Hoạt động chiến dịch*: Mỗi chiến dịch mang một chủ đề định hướng học tập trải nghiệm như: Chiến dịch giờ trái đất, chiến dịch làm sạch môi trường xung quanh trường học, chiến dịch ứng phó với biến đổi khí hậu.. Quy mô của hoạt động có thể tổ chức trong không gian nhà trường hoặc ngoài nhà trường. Việc tổ chức phải phù hợp với điều kiện địa phương và nhà trường và đảm bảo những vấn đề đó có tính cấp thiết và giáo dục cao. Từ đó giúp trẻ phát triển kỹ năng chia sẻ; kỹ năng giải quyết tình huống; kỹ năng phản hồi...

- *Sân khấu tương tác*: Là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi người tham gia. Nội dung là các vấn đề tác động tới cuộc sống của HS. HS tự chọn ra vấn đề và tự xây dựng kịch bản và chọn ra những diễn viên để thực hiện và không có sự giúp đỡ từ bên ngoài. Sân khấu tương tác có thể diễn ra trong phạm vi trong lớp học hoặc rộng hơn là phạm vi toàn trường. Qua đó giúp HS rèn luyện các kỹ năng như: phát biểu trước tập thể, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thể hiện sự tự tin...

- *Hoạt động nhân đạo* : Hoạt động nhân đạo là một nội dung hoạt động tác động đến trái tim, tình cảm, sự đồng cảm của HS trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giúp các em được chia sẻ, biết quan tâm hơn đến những người xung quanh từ đó GD các giá trị cho HS như: tiết kiệm, tôn trọng, chia sẻ, cảm thông, yêu thương, trách nhiệm, hạnh phúc... Giúp HS phát triển KNGT như : kỹ năng chia sẻ ; kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm....

Bên cạnh các hình thức tổ chức cơ bản trên còn có hình thức tổ chức, hoạt động tình nguyện, hoạt động nghiên cứu khoa học... Mỗi hình thức tổ chức đều có những ưu và nhược điểm nhất định nhưng đều hướng tới mục đích giáo dục không chỉ về kiến thức mà còn cả về kỹ năng nhằm phát triển năng lực ở người học. Rèn luyện tính tự tin, tính sáng tạo và tư duy có vấn đề.

#### **1.4.5. Phương pháp phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS**

- *Phương pháp làm việc nhóm*

Đây là phương pháp tích cực để phát huy nhiều KNGT của HS như: biết lắng nghe, biết tôn trọng, biết thuyết phục người khác, biết sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ biểu cảm, biết kết nối, tương tác, óc phê phán...

Làm việc theo nhóm nhỏ là phương pháp tổ chức dạy học - GD trong đó, GV sắp xếp HS thành những nhóm nhỏ theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, từ đó HS trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp làm việc để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

Làm việc nhóm có ý nghĩa rất lớn trong việc: Phát huy cao độ vai trò chủ thể và giúp HS hình thành các kỹ năng xã hội và phẩm chất nhân cách cần thiết như: Kỹ năng tổ chức công việc: KNGT giữa các cá nhân, đồng thời thể hiện mối quan hệ bình đẳng, dân chủ và nhân văn

Để thực hiện được các hoạt động chung, thì mỗi một thành viên cần phải có một số các kỹ năng sau đây:

*Kỹ năng Lắng nghe:* Đây là một trong những kỹ năng quan trọng đảm bảo cho hoạt động của nhóm đạt được hiệu quả. Các thành viên trong nhóm cần biết lắng nghe ý kiến của nhau.

*Kỹ năng chất vấn:* Là kỹ năng thể hiện tư duy phản biện tích cực. Chất vấn bằng những câu hỏi thông minh dựa trên những lý lẽ tán đồng hay phản biện chặt chẽ. Điều này đòi hỏi mức độ tư duy cao và tinh thần xây dựng cho nhóm.

*Kỹ năng thuyết phục:* Các thành viên phải trao đổi, suy xét những ý tưởng đã đưa ra. Đồng thời họ thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.

*Kỹ năng tôn trọng:* Mỗi thành viên trong nhóm phải tôn trọng ý kiến của người khác thể hiện qua việc động viên, hỗ trợ nhau, biến chúng thành hiện thực.

*Kỹ năng trợ giúp:* Các thành viên phải biết giúp đỡ nhau vì trong một nhóm, mỗi người có một thế mạnh riêng. Đôi khi, vấn đề mà nhóm đang giải quyết cần kiến thức ở nhiều lĩnh vực và mức độ khác nhau. Đây là kỹ năng mà mỗi người cần rèn luyện để sẵn sàng đóng góp vào thành quả chung của nhóm;

*Kỹ năng chia sẻ:* Các thành viên đưa ra ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm của mình khi gặp các tình huống tương tự trước đó. Mỗi thành viên trong nhóm đều nhận thức được tầm quan trọng của việc chia sẻ, không khí làm việc của nhóm sẽ cởi mở và tích cực hơn;

- *Phương pháp sắm vai*

Sắm vai là phương pháp GD giúp HS thực hành những cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em. Sắm vai thường không có kịch bản cho trước, mà HS phải tự xây dựng trong quá trình hoạt động.

Sắm vai có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành và phát triển các KNGT cho HS, thông qua sắm vai giúp HS được rèn luyện, thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, tạo điều kiện phát triển óc sáng tạo của các em, khích lệ thay đổi thái độ và hành vi theo hướng tích cực trước một vấn đề hay đối tượng nào đó.

Sử dụng phương pháp này HS phát triển được kỹ năng giao tiếp, ứng xử, sự thấu cảm, lắng nghe tâm sự của người khác. Từ đó các em sẽ chủ động, mạnh dạn xử lý tình huống trong quá trình sắm vai.

*- Phương pháp tổ chức trò chơi*

Trò chơi là tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thực hiện những hành động, việc làm hoặc hình thành thái độ thông qua một trò chơi nào đó. Trò chơi không phải là thật mà là giả vờ nhưng mang tính chân thật. Hơn nữa, đây là một hoạt động tự do, tự nguyện không thể gò ép hoặc bắt buộc chơi khi các em không thích, không đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của chúng.

Trò chơi là phương tiện phát triển toàn diện HS, giúp các em nâng cao hiểu biết về thế giới hiện thực xung quanh, lòng ham hiểu biết, học cách giải quyết nhiệm vụ. Các phẩm chất được hình thành thông qua chơi như tính hợp tác, tính đồng đội, tính tập thể, tính kỷ luật, tự chủ, tích cực, độc lập, sáng tạo, dũng cảm, kiên nhẫn,... Trò chơi còn là phương tiện GD thể lực cho HS, GD thẩm mỹ, hình thành các KNGT, Kỹ năng xã hội,...

*- Phương pháp giải quyết vấn đề*

Đây là một phương pháp nhằm phát triển năng lực tư duy, sáng tạo của HS. Các em được đặt trong tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề giúp HS lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp. Trong tổ chức HĐTNST phương pháp này thường được vận dụng khi HS phân tích, xem xét và đề xuất những giải pháp trước một hiện tượng, sự việc nảy sinh trong quá trình hoạt động.

Phương pháp giải quyết vấn đề có ý nghĩa quan trọng, phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS. Để phương pháp này thành công thì vấn đề đưa ra phải sát với mục tiêu hoạt động, kích thích HS tích cực tìm tòi cách giải quyết. Phương pháp này sẽ giúp HS phát triển các KNGT như: kỹ năng biểu đạt vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết phục...



### *- Phương pháp dạy học dự án*

Dạy học dự án là một mô hình dạy và học trong đó việc học tập của HS được thực hiện một cách có hệ thống thông qua các thao tác từ thiết kế đến lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, ra quyết định, tạo sản phẩm, đánh giá và trình bày kết quả để từ đó giúp HS phát triển kiến thức và kỹ năng.

Phương pháp này sẽ giúp HS phát huy tính tự lực, tinh thần trách nhiệm; Phát triển khả năng sáng tạo; Rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn; Rèn luyện năng lực công tác làm việc; Phát triển năng lực tự đánh giá. Đồng thời hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thiết kế.

Thực tế, có nhiều phương pháp phù hợp để tổ chức các HĐTNST cho HS THCS. Tùy theo tính chất và mục đích của từng hoạt động, khả năng của HS, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường mà GV có thể lựa chọn một hay nhiều phương pháp phù hợp. Điều quan trọng là phương pháp được lựa chọn cần phát huy vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của HS và khai thác kinh nghiệm mà các em đã có. Trong thực tiễn tổ chức các hoạt động TNST nhằm phát triển KNGT cho HS cần kết hợp các phương pháp một cách linh hoạt để đạt được hiệu quả cao nhất trong giáo dục học sinh.

## **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KNGT của HS THCS qua HĐTNST**

### ***1.5.1. Nhận thức cán bộ quản lý, cán bộ GV về việc phát triển KNGT cho HS***

Để hoạt động phát triển KNGT có hiệu quả, trong tổ chức thực hiện cần phải có một hệ thống các văn bản trong việc hướng dẫn thực hiện tổ chức các HĐTNST cho HS THCS. Nhà quản lý cần quan tâm đến công tác lập kế hoạch, công tác tổ chức hoạt động, huy động các nguồn lực cũng như công tác chỉ đạo thực hiện nội dung, chương trình tổ chức các HĐTNST cho HS.

Đồng thời đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả. Đây là khâu quan trọng để nhà GD đánh giá lại kết quả tham gia hoạt động, tinh thần, thái độ... của các em mà còn là cơ sở để nhà GD rút ra kinh nghiệm và có những điều chỉnh kịp thời khi tổ chức các HĐTNST.

GV luôn khuyến khích HS tự đưa ra những nhận xét, đánh giá về bản thân, về bạn bè trong việc tham gia vào hoạt động học tập và sinh hoạt ngoại khóa. Từ đó tạo động lực cho các em khi tham gia vào hoạt động. Mặt khác GV có thể đưa ra nhận xét, kinh nghiệm cần thiết cho bản thân mình cho các hoạt động tiếp theo.

Đi đôi với việc nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động để phát triển KNGT cho HS của GV, xây dựng môi trường GD lành mạnh, thống nhất trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung hoạt động. Công tác quản lý cần quan tâm đến việc chỉ đạo việc đổi mới trong xây dựng chương trình, nội dung, chỉ đạo GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường phát triển các KNGT cho HS.

Khi tổ chức các HĐTNST phụ thuộc một phần vào nguồn tài chính, cơ sở vật chất, vì vậy phải tăng cường nguồn tài chính, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác phát triển KNGT cho HS. Như vậy yếu tố quản lý có tác động quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động để phát triển KNGT cho HS có hiệu quả cao. Mỗi cơ sở GD cần phải quan tâm đến công tác quản lý GD trong hoạt động phát triển KNGT thông qua các HĐTNST.

### ***1.5.2. Trình độ năng lực của đội ngũ giáo viên***

Để thực hiện có hiệu quả các HĐTNST để phát triển KNGT cho HS thì Năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và KNGT của GV là nhân tố quyết định chất lượng và hiệu quả của hoạt động. Để thực hiện tốt các HĐTNST cho HS, người GV cần có các năng lực sau:

- Xây dựng nội dung chương trình tổ chức HĐTNST cho HS phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường và của địa phương. Chương trình cần bám sát phù hợp với trình độ nhận thức, hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động.

- Hướng dẫn HS rèn luyện từng kỹ năng thành phần trong tổ chức HĐ TNST theo quy trình khoa học.

- Chú trọng nâng cao ý thức và năng lực tự học, tự rèn luyện của HS trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của GV. Phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HS và đồng thời chú trọng phát triển KNGT của HS trong quá trình tham gia HĐTNST.

- Từng công đoạn trong quá trình tổ chức HĐTNST cho HS đều đòi hỏi phải tạo ra các sản phẩm cụ thể. Đồng thời khuyến khích HS chia sẻ các sản phẩm với các cá nhân khác để nâng cao khả năng giao tiếp của bản thân.

- Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan, đánh giá theo định hướng mục tiêu đào tạo đề ra. Sử dụng các kênh đánh giá từ tập thể, cá nhân để việc đánh giá được toàn diện. Chú trọng việc đánh giá trong suốt quá trình rèn luyện chứ không chỉ tập trung vào đánh giá kết quả cuối cùng.

Như vậy năng lực GV thực sự quan trọng, có tính quyết định chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục nói chung, cũng như phát triển KNGT nói riêng.

### ***1.5.3. Nhận thức của học sinh***

Học sinh là trung tâm của dạy học và giáo dục. HS muốn rèn luyện và phát triển KNGT đạt hiệu quả cao thì phải chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động trong học tập cũng như các hoạt động ngoài học tập. Ngoài ra, các em cần chủ động trong việc trang bị cho mình những kỹ năng cơ bản đặc biệt là kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng hợp tác, trao đổi giúp đỡ lẫn nhau trong học tập... Theo đó, học sinh phải có nhận thức đúng về sự cần thiết phải rèn luyện các KNGT, có thói quen và ý thức rèn luyện một cách thường xuyên, liên tục trong cuộc sống hàng ngày, trong các buổi lên lớp và trong mọi mối quan hệ. Vai trò đó không thể thiếu và không kém phần quan trọng trong các quá trình GD.

### ***1.5.4. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và các lực lượng xã hội***

Hoạt động xã hội giữ vai trò không thể thiếu trong hoạt động phát triển KNGT. Tác động của xã hội từ nhiều phía, từ các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, từ các cấp, các ngành và các yếu tố khác trong xã hội tham gia vào môi trường giáo dục. Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh là tổ chức của lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng có vai trò rất lớn trong việc tập hợp, tổ chức sinh hoạt, giáo dục thiếu niên nhi đồng theo những chương trình, nội dung bổ ích, góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, lý tưởng... cho HS.

Trong hoạt động phát triển KNGT, nhà trường và giáo viên cần phát huy vai trò tổ chức Đội. Đoàn của nhà trường trong rèn luyện KNGT cho HS THCS thông qua các phong trào, các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm của đội. Hoạt động của đội và của đoàn rất phù hợp với lứa tuổi nên có sức cuốn hút HS tham gia tích cực và hiệu quả giáo dục sẽ được nâng lên. Ngoài giờ lên lớp ở trường, học sinh có một khoảng thời gian dài ở gia đình, chịu sự tác động rất lớn từ gia đình. Từ ăn uống, nghỉ ngơi, học hành, vui chơi... đều ảnh hưởng bởi tác động của gia đình. Từ đó, cho thấy những KNGT cũng sẽ được hình thành rất nhiều từ yếu tố gia đình. Mặt khác, những KNGT được tiếp thu, hình thành từ hoạt động giáo dục tại nhà trường sẽ được củng cố, vận dụng khá lớn trong môi trường gia đình. Cha mẹ giữ vai trò chủ đạo trong

hoạt động gia đình. Xuất phát từ đó, nhà trường, GV cần có sự phối hợp chặt chẽ với gia đình, phát huy vai trò của cha mẹ học sinh trong quá trình rèn luyện KNGT cho HS ở phạm vi ngoài nhà trường, nhằm tiến hành giáo dục người học ở mọi nơi, mọi chỗ.

Đồng thời các tổ chức đoàn thể và các lực lượng xã hội cùng với nhà trường xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động phát triển KNGT của HS tại các môi trường khác ngoài nhà trường, từ đó phản ánh được chất lượng và hiệu quả của hoạt động này trong thực tiễn đời sống.

### **Tiểu kết chương 1**

Hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của HS, được thực hiện trong thực tế, có sự định hướng, hướng dẫn của giáo viên. Qua trải nghiệm thực tiễn, HS có kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định. Sự sáng tạo của HS và của GV, lực lượng tổ chức hoạt động sẽ có được khi phải giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn phải vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để giải quyết vấn đề, ứng dụng trong tình huống mới.

Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của con người. Đối với HS THCS, giao tiếp được xem là phương tiện quan trọng nhất để hình thành và phát triển nhân cách. Có nhiều con đường để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS song phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua thông qua HĐTNST có rất nhiều ưu thế. Tuy nhiên để phát huy được những ưu thế này người giáo viên phải xác định rõ mục tiêu, nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp qua HĐTNST, đồng thời cần nắm vững chuẩn KNGT và vai trò của mình việc tổ chức và thiết kế các HĐTNST

Hiện nay việc phát triển KNGT thông qua các HĐTNST đã đạt được những kết quả nhất định trong nhận thức và hành động. Tuy nhiên việc rèn luyện KNGT cho HS tại các trường THCS còn nhiều hạn chế, vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu để nâng cao hiệu quả phát triển KNGT cho HS qua các hoạt động trải nghiệm. Với ý nghĩa đó, chương 1 là nền tảng lý luận để tìm hiểu thực trạng và đề xuất biện pháp giáo dục KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ BẮC KẠN

### 2.1. Vài nét về các trường THCS thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

#### 2.1.1. Đặc điểm về vị trí địa lý, đặc điểm dân số và tình hình phát triển kinh tế tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi nằm ở trung tâm nội địa Đông Bắc Bộ. phía Bắc giáp các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An tỉnh Cao Bằng, phía Đông giáp các huyện Trùng Khánh tỉnh Lạng Sơn, phía Nam giáp các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa tỉnh Thái Nguyên và phía Tây giáp các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh Bắc Kạn có 8 đơn vị hành chính trong đó có 1 thành phố và 7 huyện với 122 xã phường, thị với dân số hiện có trên 308.300 người (2017).

Bắc Kạn Là tỉnh vùng núi cao, có địa hình phức tạp, cơ sở vật chất và kinh tế chưa phát triển. Tuy nhiên những năm gần đây tỉnh Bắc Kạn đã có một số bước phát triển đáng kể. Một số chỉ tiêu kinh tế của tỉnh năm 2017: Tổng giá trị gia tăng năm 2017 ước đạt trên 5764 tỷ đồng (93,4% so với kế hoạch) tăng 5,1% so với năm 2016, kết cấu hạ tầng kinh tế được cải thiện, cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch đúng định hướng, chính trị xã hội ổn định đây là nền tảng tạo đà để Bắc Kạn vững tin bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

Thực hiện tái có cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa Tỉnh Bắc Kạn và đề án mỗi xã một sản phẩm, phát triển hợp tác xã, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa Tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020 theo NQ số 08 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của HĐND Tỉnh. Kết quả sản xuất Nông, lâm nghiệp năm 2017 đạt khá, một số cây trồng chính đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Tổng giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản ước đạt trên 3367 tỉ đồng đạt 101% kế hoạch.

Trong năm, đã công nhận thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 41 hợp tác xã thành lập mới nâng tổng số hợp tác xã đang hoạt động hợp tác xã đang hoạt động

theo luật hợp tác xã năm 2012 lên 118 hợp tác xã. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt trên 901 tỷ (đạt 85,8% so với kế hoạch) và tăng 6.06% so với năm 2016. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4577,8 tỷ đồng đạt 94,6% so với kế hoạch và tăng 5.3% so với năm 2016. Các hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch được thực hiện thường xuyên, tổng lượt khách du lịch đến với Bắc Kạn ước đạt 495 nghìn lượt khách đạt 110% kế hoạch tăng 23% so với năm 2016, tổng doanh thu ước đạt 378 tỷ đồng đạt 120% so với kế hoạch tăng 35% so với năm 2016.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế Tỉnh đã tập trung đầu tư nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng. UBND đã phê duyệt đề án quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020. Tổng vốn đầu tư năm 2017 trên địa bàn tỉnh ước đạt 4,376 tỷ đồng (đạt 80% kế hoạch) trong đó vốn đầu tư ngân sách nhà nước do địa phương quản lý 1.390.868 triệu đồng. UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho 11 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 780.8 tỷ đồng.

Trong năm lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục được duy trì và có nhiều tiến bộ, ngành giáo dục đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trong năm học 2016-2017 theo quy định, thực hiện chủ trương chung về tinh giảm biên chế năm học 2017-2018 toàn tỉnh sắp xếp lại còn 324 trường học các cấp giảm 20 trường so với năm học trước. Đến hết năm 2017 có thêm 08 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100% kế hoạch đề ra nâng tổng số trường đạt chuẩn của tỉnh lên 82 trường.

Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được ngành y tế duy trì, thực hiện tốt. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh được đảm bảo.

### **2.1.2. Đặc điểm các trường THCS trên địa bàn Thành phố Bắc Kạn**

Thành phố Bắc Kạn có tổng số 06 trường THCS công lập, được phân bố đồng đều trong khu vực đảm bảo cho HS không phải đi học xa và đáp ứng được nhu cầu học tập của HS; Biên chế trường, lớp thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của HS trên địa bàn thành phố. Cơ sở hạ tầng được xây dựng kiên cố hóa và đảm bảo trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học đáp ứng mặt bằng chung của xã hội: trường học khang trang, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học thuận lợi (máy chiếu, phòng vi tính, phòng thí nghiệm...). Tuy nhiên một số trang thiết bị dạy học do đã sử dụng nhiều năm nên đã

xuống cấp, một số phòng học xây dựng lâu năm nên phòng học nhỏ, khuôn viên để HS tham gia vào các hoạt động còn hẹp do vậy gây một số khó khăn trong quá trình học tập.

Các nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học đã đem lại hiệu quả cao. Chất lượng GD&ĐT phát triển bền vững với kết quả năm sau cao hơn năm trước thể hiện ở 2 mặt học lực và hạnh kiểm

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm đều đạt 99.5 đến 100%, tỷ lệ HS đỗ vào lớp 10 THPT năm sau cao hơn năm trước, tỷ lệ HS giỏi cũng như số lượng HS tham dự các kỳ thi được cải thiện đáng kể.

Chất lượng GD toàn diện được đánh giá sát, được duy trì nâng lên từng bước, công tác phát hiện bồi dưỡng HS giỏi được quan tâm. Các trường đã xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với điều kiện dạy học của đơn vị; đã triển khai và tổ chức cho các nhóm, tổ chuyên môn đăng ký thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (sáng kiến cải tiến) kết quả có 15/15 tổ, nhóm chuyên môn thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm hoặc sáng kiến cải tiến dưới dạng chuyên đề.

Các trường đã tổ chức đa dạng các hình thức học tập, chú ý các HĐTNST, nghiên cứu khoa học của HS, sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng Công nghệ thông tin như: dạy học trực tuyến, trường học ảo... Coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS học tập ở nhà ở ngoài nhà trường; Các trường đã quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật, kỹ năng ra đề theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông; Hầu hết các trường đã sử dụng các phần mềm công nghệ, xếp loại học sinh theo đúng thông tư của Bộ GD&ĐT.

Tuy nhiên chất lượng giáo dục mũi nhọn giữa các nhà trường chưa đồng đều. Một số ít đơn vị trường học hoạt động của các phòng thí nghiệm, thư viện chưa phát huy được hết tác dụng. Cơ sở vật chất của một số ít nhà trường còn thiếu thốn: Sân chơi, bãi tập chật hẹp; chưa có phòng học bộ môn....

### **2.1.3. Đặc điểm đội ngũ giáo viên các trường THCS Thành phố Bắc Kạn**

Hiện nay các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn có tổng số cán bộ, GV, nhân viên là 140 người (trong đó cán bộ quản lý 10 người; Giáo viên là 117 người (trong đó giáo viên đứng lớp là 112 người; Tổng phụ trách là 5 người); Nhân viên 13 người. Nhìn chung đội ngũ GV đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên

môn, năng lực sư phạm, phẩm chất chính trị, nhiệt tình, trách nhiệm với công việc. GV THCS Thành phố Bắc Kạn thường xuyên được tham gia học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GD phổ thông. Hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, tư tưởng đạo đức cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV ngành GD vào dịp hè để kịp thời phổ biến những đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hầu hết GV đã chú trọng áp dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức của HS, góp phần nâng cao chất lượng giờ dạy. 100% GV đăng ký và thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

GV đã có nhận thức đúng đắn về vai trò và tác dụng của việc tự làm, cải tiến và sử dụng đồ dùng dạy học, có ý thức cao hơn được việc tự làm và sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình lên lớp luôn tạo được hứng thú học tập cho HS và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

GV thường xuyên quan tâm và thực hiện nghiêm túc, linh hoạt có hiệu quả việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS. Việc kiểm tra đánh giá đảm bảo thực chất, khách quan, đúng năng lực và sự tiến bộ của HS.

Đội ngũ GV đa phần là người địa phương nên có ý thức tiếp cận, tích lũy các phương pháp dạy học mới, thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn... Tuy nhiên do sự tiếp cận các thông tin còn hạn chế, cách thức tổ chức hoạt động dạy học, phương pháp dạy học còn chưa đa dạng và linh hoạt, một số GV còn hạn chế về năng lực sử dụng công nghệ thông tin, năng lực phát triển chương trình, nghiên cứu khoa học, dạy học tích hợp các nội dung dạy học và GD, còn có một số GV tâm lý ngại đổi mới, chưa thực sự tâm huyết với nghề, chưa chịu rèn luyện giữ gìn phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; Việc kiểm tra đánh giá, xếp loại kết quả của HS đôi khi chưa thật sát với năng lực học tập của từng HS... Trình độ, chất lượng của đội ngũ GV có ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức các HĐTNST để phát triển KNGT cho HS THCS.

#### **2.1.4. Đặc điểm học sinh các trường THCS Thành phố Bắc Kạn**

Hiện nay tổng số HS THCS trên địa bàn thành phố là: 2205 em (trong đó có 19 HS khuyết tật). So với cùng kỳ năm học trước tăng 121 (tỉ lệ 5,49%). Theo thống kê kết quả năm học 2016-2017, kết quả xếp loại 2 mặt GD và hạnh kiểm ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn. Tỉnh Bắc Kạn như sau:



(có 05 HS khuyết tật không xếp loại hạnh kiểm, học lực)

(Theo số liệu báo cáo của Phòng GD&ĐT thành phố Bắc Kạn)

a. Kết quả xếp loại hạnh kiểm (so với năm học 2015-2016)

Tốt:  $1737/2060 = 84,32\%$  so với năm học 2015-2016 tăng 1,9%.

Khá:  $295/2060 = 14,32\%$  so với năm học 2015-2016 giảm 1,98%.

Trung bình:  $28/2060 = 1,36\%$  so với năm học 2015-2016 tăng 0,6%.

Yếu:  $0/2060 = 0\%$  so với năm học 2015-2016 không tăng.

b. Kết quả xếp loại học lực (so với năm học 2015-2016)

Giỏi:  $401/2060 = 19,47\%$  so với năm học 2015-2016 tăng 0,38%

Khá:  $899/2060 = 43,64\%$  so với năm học 2015-2016 tăng 2,01%

Trung bình:  $718/2060 = 34,85\%$  so với năm học 2015-2016 giảm 2,22%

Yếu:  $40/2060 = 1,94\%$  so với năm học 2015-2016 giảm 0,27%

Kém:  $2/2060 = 0,1\%$  so với năm học 2015-2016 tăng 0,10%

c. Đối với HS học theo mô hình trường học mới

Về phẩm chất: Đạt  $67/67 = 100\%$

Về năng lực

+ Đạt:  $65/67 = 97,01\%$

+ Còn hạn chế:  $02/67 = 2,99\%$

Nhìn vào bảng ta thấy tỷ lệ HS xếp loại đạo đức tốt duy trì ở mức cao tạo tiền đề nâng cao chất lượng GD toàn diện. Chất lượng, số lượng HS có học lực khá giỏi luôn ở mức cao; học sinh tham dự trong các cuộc thi luôn đạt kết quả cao như: thi giải toán trên máy tính cầm tay; thi hội khỏe phù đổng; thi Olympic Tiếng Anh trên mạng; Thi giải toán trên Internet...

HS THCS có đặc điểm tâm lý chung là “*khủng hoảng*”; “*khó bảo*”. Là thời kỳ quá độ từ trẻ con sang người lớn và giai đoạn này tạo nên sự phát triển đặc thù về mọi mặt: thể chất, trí lực, đạo đức, xã hội... Nhìn chung, vào độ tuổi này diễn ra sự hình thành những cấu tạo mới về chất, xuất hiện những yếu tố mới của sự trưởng thành do kết quả biến đổi của cơ thể, của sự tự ý thức, của kiểu quan hệ với người lớn và bạn bè, của những hứng thú hoạt động nhận thức... nhưng nhìn chung HS THCS trên địa bàn thành phố có ý thức học tập và rèn luyện tốt, hăng hái tham gia các hoạt động do nhà trường và địa phương tổ chức.

## **2.2. Khái quát về khảo sát thực trạng phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS thành phố Bắc Kạn**

### **2.2.1. Mục đích khảo sát**

Đánh giá thực trạng phát triển KNGT cho HSTHCS thành phố Bắc Kạn thông qua HĐTNST; Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nhằm xác định cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp.

### **2.2.2. Nội dung khảo sát**

- Thực trạng nhận thức về phát triển KNGT cho HSTHCS thành phố Bắc Kạn thông qua HĐTNST.

- Thực trạng tổ chức các HĐTNST để phát triển KNGT tại các trường THCS thành phố Bắc Kạn.

- Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển KNGT cho HSTHCS thông qua HĐTNST.

### **2.2.3. Đối tượng khảo sát**

Bao gồm: 45 GV và 150 HS của 03 trường THCS trên địa bàn thành phố

### **2.2.4. Phương pháp khảo sát và xử lý kết quả khảo sát**

#### **2.2.4.1. Phương pháp khảo sát**

- *Phương pháp phỏng vấn:* Phỏng vấn GV và HS THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn để tìm hiểu sâu hơn nhận thức về giáo dục KNGT thông qua HĐTNST.

- *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi:* Nhằm thu thập thông tin về ý nghĩa, nhận thức, mức độ và hiệu quả giáo dục KNGT thông qua HĐTNST cho HS các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn hiện nay.

Phiếu điều tra đối với GV gồm 11 câu hỏi; HS gồm 11 câu hỏi. Kết quả thu được làm căn cứ đề xuất các biện pháp để phát triển KNGT cho HS THCS thông qua HĐTNST.

#### **2.2.4.2. Xử lý kết quả khảo sát**

- Số liệu thu được từ phiếu hỏi được chúng tôi tiến hành xử lý theo tỷ lệ % và tính điểm trung bình để sắp xếp theo thứ bậc.

- Xác định điểm số cho các mức độ đánh giá: Trong quá trình điều tra, để lượng hóa các mức độ đánh giá, chúng tôi đã tiến hành cho điểm tương ứng với các mức độ đo. Cách tính điểm thể hiện như sau:

Thang điểm đánh giá: Mức độ thực hiện và ảnh hưởng cho điểm như sau:

+ Mức độ 1: (Thường xuyên; Ảnh hưởng): 03 điểm

+ Mức độ 2: (Thỉnh thoảng; Ít ảnh hưởng): 02 điểm

+ Mức độ 3: (Không bao giờ; không ảnh hưởng): 01 điểm

### **2.3. Kết quả khảo sát thực trạng phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS thành phố Bắc Kạn**

#### **2.3.1. Thực trạng nhận thức phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS**

Ở phần này tác giả tập trung đi tìm hiểu: Nhận thức của GV về khái niệm kỹ năng giao tiếp và khái niệm Hoạt động trải nghiệm sáng tạo

##### **2.3.1.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên về khái niệm kỹ năng giao tiếp và hoạt động trải nghiệm sáng tạo**

Để tìm hiểu về nhận thức của GV về các khái niệm này tác giả đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đến 45 GV tại 03 trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn. Sau quá trình khảo sát thực tế, xử lý số liệu và phân tích thực trạng nhận thức của GV về giao tiếp và HĐTNST. Chúng tôi thu được kết quả như ở bảng 2.1.

**Bảng 2.1: Thực trạng nhận thức của GV về khái niệm kỹ năng giao tiếp**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
1	Là khả năng nhận biết những biểu hiện cụ thể (bên trong và bên ngoài) của đối tượng và chủ thể giao tiếp(người giao tiếp)	02	4,4
2	Là cách nói chuyện với người khác một cách lôi cuốn, hấp dẫn đạt được hiệu quả trong giao tiếp	03	6,7
3	Kỹ năng giao tiếp là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp	40	88,9

Qua kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 2.1 chúng tôi có nhận xét như sau: có 88,9 % GV nhận thức đúng và đầy đủ về khái niệm KNGT cho HS (*chiếm tỷ lệ cao*); có 31,1% GV nhận thức chưa đầy đủ về khái niệm KNGT. Khi trò chuyện với một số GV chúng tôi được biết ở các trường THCS đã được tập huấn về chương trình giáo dục kỹ năng sống cho HS trong đó có KNGT, nên khái niệm về KNGT cho HS không còn xa lạ đối với GV. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho công tác giáo dục kỹ năng sống nói chung và KNGT nói riêng ở các trường THCS trên địa bàn thành phố.

**Bảng 2.2: Thực trạng nhận thức của GV về khái niệm HĐTNST**

TT	Nội dung	Ý kiến	Tỷ lệ %
1	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là các hoạt động GD thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường. HĐTNST là một bộ phận của quá trình GD được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học	06	13,3
2	HĐTNST là hoạt động GD, trong đó từng cá nhân HS được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực....	12	26,7
3	HĐTNST là hoạt động GD, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động HS phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng	27	60

Qua số liệu thu thập được ở Bảng 2.2 cho thấy 60% GV có nhận thức đúng và đầy đủ về khái niệm HĐTNST; 40% GV nhận thức chưa đầy đủ về khái niệm HĐTNST; chúng tôi phỏng vấn trực tiếp một số GV về nội dung khảo sát này thì thu được nhiều ý kiến khác nhau nhưng phản ánh đúng kết quả khảo sát ở trên, các ý kiến tập trung vào 3 hướng:

Hướng thứ nhất: Cho rằng: HĐTNST được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học.

Hướng thứ hai: Cho rằng HĐTNST là hoạt động giáo dục HS được trực tiếp tham gia hoạt động, huy động mọi nguồn lực vào công tác GD, để giúp HS phát triển KNGT cần thiết.

Hướng thứ ba: Cho rằng HĐTNST hướng đến những phẩm chất và năng lực chung như đã được đưa ra trong Dự thảo Chương trình mới, ngoài ra HĐTNST còn có ưu thế trong việc thúc đẩy hình thành ở người học các năng lực đặc thù như: Năng lực hoạt động và tổ chức hoạt động; Năng lực tổ chức và quản lý cuộc sống; Năng lực tự nhận thức và tích cực hóa bản thân; Năng lực định hướng nghề nghiệp; Năng lực khám phá và sáng tạo; Năng lực giao tiếp....

*2.3.1.2. Thực trạng nhận thức của GV về tầm quan trọng của phát triển kỹ năng giao tiếp qua thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo*

Đội ngũ GV đặc biệt là GV chủ nhiệm phải hiểu rõ tầm quan trọng của phát triển KNGT trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho HS THCS, xác định được vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong triển khai kế hoạch phát triển KNGT của nhà trường. Việc tổ chức các HĐTNST về phát triển KNGT cho HS có ý nghĩa nhất định, nhận thức được rõ vấn đề này là cơ sở quan trọng để GV tiến hành tổ chức các HĐTNST trong nhà trường. Vì vậy tác giả tiếp tục khảo sát nhận thức GV về ý nghĩa của việc phát triển KNGT cho HS thông qua các HĐTNST. Kết quả thể hiện trong Bảng 2.3

**Bảng 2.3: Đánh giá của GV về tầm quan trọng của phát triển KNGT thông qua Hoạt động trải nghiệm sáng tạo**

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất quan trọng	13	28,9
2	Quan trọng	17	37,8
3	Bình thường	10	22,2
4	Không quan trọng	05	11,1

Qua kết quả khảo sát nhận thấy: Tỷ lệ giáo viên nhận thức rõ được tầm quan trọng của KNGT qua HĐTNST cũng như trong đời sống được thể hiện như sau: 28,9% GV cho là rất quan trọng; 37,8% cho là quan trọng. Tuy nhiên có 22,2% cho là bình thường và 11,1% có ý kiến là không quan trọng. Điều này chứng tỏ có một số GV nhận thức chưa đúng về vấn đề này, đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả phát triển KNGT cho HS ở một số trường THCS còn nhiều hạn chế.

Xuất phát từ nhận thức và đánh giá của GV trong trường, các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường đặc biệt là ban đại diện cha mẹ HS phải được tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển KNGT, nhất là trải nghiệm thông qua hoạt

động ngoài giờ để hỗ trợ nhà trường trong việc triển khai thực hiện kế hoạch định hướng giáo dục KNGT từ kinh phí đến tạo điều kiện cho HS tham gia các hoạt động này.

### 2.3.1.3. Thực trạng nhận thức của GV về các con đường để phát triển KNGT cho học sinh THCS

Có nhiều con đường để phát triển KNGT cho HS, mỗi con đường đều có tác dụng và ưu thế nhất định; nhận thức được các con đường để phát triển KNGT là rất cần thiết để các nhà GD tiến hành tổ chức các hoạt động cho học sinh. Vì vậy tác giả tiếp tục khảo sát nhận thức của GV về các con đường phát triển KNGT cho học sinh THCS. Kết quả trong bảng 2.4:

**Bảng 2.4: Nhận thức của GV về các con đường phát triển KNGT**

TT	Mức độ thực hiện	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không bao giờ (%)	TBC /thứ bậc
	Con đường				
1	Tổ chức dh trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD, các môn học có ưu thế.	32 (71,1)	13 (28,9)	0	2,7 (2)
2	Tổ chức hoạt động GDNGLL tích hợp nội dung phát triển KNGT	28(62,2)	15 (33,3)	2(4,44)	2,6 (3)
3	Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể thông qua đó phát triển KNGT cho HS THCS	39(86,7)	6(13,2)	0	2,9 (1)
4	Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT	20(44,4)	15(33,3)	10(22,2)	2,0 (5)
5	Phát triển KNGT thông qua các hoạt động trải nghiệm	22(48,9)	20(44,4)	3(6,7)	2,3 (4)

Tác giả đã đưa ra 5 con đường để khảo sát nhận thức của GV về con đường phát triển KNGT cho HS. Kết quả được thể hiện như sau: Đánh giá ở mức cao nhất và thường xuyên sử dụng là: Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể (86,7%) TBC: 2,9 điểm; Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD, các môn học có ưu thế đứng thứ 2 (71,1%) TBC: 2,7 điểm; Tổ chức hoạt động GDNGLL tích hợp nội dung phát triển KNGT xếp thứ 3 (62,2%) TBC: 2,6 điểm; Phát triển KNGT thông qua các hoạt động trải nghiệm ở vị trí thứ 4 (48,9%) TBC: 2,3 điểm; Và cuối cùng là con đường Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT (44,4%) TBC: 2,0 điểm xếp thứ 5. Tác giả tìm hiểu vấn đề này và được biết: Các buổi sinh hoạt tập thể có ưu thế hơn để phát triển

KNGT cho HS bởi nhiều lý do: Thứ nhất, các hoạt động sinh hoạt tập thể được diễn ra thường xuyên, hàng tuần đều có hoạt động sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, ..nên GV có thể tổ chức lồng ghép nội dung phát triển KNGT cho HS. Thứ hai các hoạt động có sự tương tác cao giữa học sinh và học sinh. Thứ ba các hoạt động đó có thể rèn các kỹ năng tự ý thức, kỹ năng giao tiếp cho HS. Phát triển KNGT có thể được thực hiện thông qua dạy học như môn Ngữ văn; Giáo dục công dân. Qua đây có thể thấy rằng việc rèn luyện và phát triển KNGT thông qua các Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT chưa được chú trọng đến. Tìm hiểu chúng tôi được biết hoạt động trải nghiệm mới là một nội dung mới được thực hiện trong các nhà trường nên các tổ chức xã hội vẫn chưa nhận thức được rõ về vấn đề này do vậy chưa thấy được tầm quan trọng của con đường này trong việc phát triển KNGT cho HS.

Tuy nhiên qua khảo sát vẫn còn có những ý kiến của GV cho rằng có những con đường họ không bao giờ sử dụng để phát triển KNGT cho HS: Cụ thể con đường Tổ chức hoạt động GDNGLL tích hợp nội dung phát triển KNGT có 4,44% ý kiến; Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT có 22,2% ý kiến; Phát triển KNGT thông qua các hoạt động trải nghiệm có 6,7% ý kiến. Tìm hiểu vấn đề này tác giả được biết những ý kiến không bao giờ sử dụng các con đường để phát triển KNGT cho HS chủ yếu là những GV có thâm niên nghề nghiệp lâu dài và sắp nghỉ chế độ, với tâm lý ngại thay đổi phương pháp và hình thức tổ chức trong quá trình dạy học và giáo dục HS, hơn nữa sức lao động suy giảm, sự nhanh nhạy để lĩnh hội và tổ chức các hoạt động mang tính chất trải nghiệm cũng có sự hạn chế, hơn nữa bản thân các giáo viên cũng chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho học sinh. Dù là chiếm tỷ lệ không cao nhưng điều đó cũng ít nhiều ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của quá trình rèn luyện và phát triển KNGT cho HS.

### ***2.3.2. Thực trạng tổ chức các HĐTNST tại các trường THCS thành phố Bắc Kạn nhằm phát triển KNGT cho HS***

Trong đời sống thực tế, bản thân các GV cũng nhận thấy rằng nhiều KNGT đã được hình thành và phát triển cho HS ngay trong bài giảng, tuy nhiên những kỹ năng này chưa được đề cập một cách rõ ràng với tư cách là KNGT mà chỉ ở dạng các kỹ

năng cơ bản cần thiết của bộ môn, chẳng hạn kỹ năng nghe, nói, kỹ năng xử lý tình huống, thuyết trình... Về nội dung cần phát triển KNGT cho HS, nhóm biên soạn tài liệu học tập đã thống nhất một số kỹ năng cần thiết đối với HS phổ thông, đó là: Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi; Kỹ năng diễn đạt dễ hiểu, rõ ràng mạch lạc; Kỹ năng nghe và lắng nghe đối tượng giao tiếp...

Song để phát triển KNGT thực sự có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của HS, với địa phương. Việc tổ chức phát triển KNGT trong trường THCS được tiến hành thông qua môn học (nội khóa, ngoại khóa), thông qua việc dạy học tự chọn, qua hoạt động ngoài giờ, hoạt động câu lạc bộ. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc đưa hoạt động GD này vào nhà trường.

Nhằm đánh giá thực trạng việc triển khai KNGT thông qua HĐTNST tại các trường THCS địa bàn thành phố Bắc Kạn tác giả đã khảo sát các vấn đề sau:

### 2.3.2.1. Thực trạng tổ chức các HĐTNST cho HS THCS

Trải nghiệm sáng tạo là kết quả rèn luyện của mỗi người, trong các môi quan hệ xã hội, dưới sự ảnh hưởng của GD trong đó GD nhà trường có vai trò hết sức quan trọng. Qua khảo sát ý kiến của GV về việc tổ chức các HĐTNST trong trường THCS trên địa bàn thành phố. Kết quả thu được ở bảng 2.5 như sau:

**Bảng 2.5: Thực trạng tổ chức các HĐTNST cho HS THCS**

TT	Tổ chức các HĐTNST	Ý kiến	Tỷ lệ %
1	Có	45	100
2	Không	0	0

Qua bảng kết quả trên cho thấy 100% ý kiến của GV cho rằng các trường THCS trên địa bàn thành phố đều tổ chức các HĐTNST cho HS nhưng với nội dung và hình thức, cách thức tổ chức khác nhau qua đây chúng tôi thấy được các nhà trường đã rất chú trọng và quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động cho HS tham gia. Trải nghiệm sáng tạo ở trường học sẽ giúp thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực cho người học; đồng thời tạo những tác động tốt đối với các quan hệ giữa GV và HS, giữa HS với nhau, tạo nên sự hứng thú học tập. Trải nghiệm sáng tạo phát



triển cho HS THCS các kỹ năng sống nói chung riêng và phát triển các KNGT nói riêng. Chính các kết quả này sẽ là cơ sở, là nền tảng để giúp HS phát triển nhân cách.

### 2.3.2.2. Thực trạng đánh giá của giáo viên về tần suất và hứng thú của HS THCS khi tham gia các HĐTNST

Các HĐTNST về cơ bản là hoạt động mang tính tập thể trên tinh thần tự chủ cá nhân với sự nỗ lực GD giúp phát triển sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể. Đây là những hoạt động được tổ chức gắn liền với kinh nghiệm, cuộc sống để HS trải nghiệm và sáng tạo. Qua khảo sát về mức độ tham gia của HS khi tham gia vào các HĐTNST. Kết quả được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.6: Đánh giá của Giáo viên về tần suất và mức độ hứng thú của HS khi tham gia các HĐTNST do nhà trường tổ chức**

Tần suất	Ý kiến	%	Hứng thú	Ý kiến	%
Thường xuyên	15	33,3	Rất hứng thú với các hoạt động	12	26,7
Thỉnh thoảng	25	55,6	Hứng thú với tùy từng hoạt động	27	60
Chưa tham gia	05	11,1	Không hứng thú với các hoạt động	6	13,3

Qua bảng trên, tác giả thấy rằng có 33,3% ý kiến GV cho rằng HS thường xuyên tham gia các hoạt động; 26,7% cho rằng HS rất hứng thú với hoạt động; 55,6% HS thỉnh thoảng tham gia các hoạt động và 60% HS hứng thú với tùy từng hoạt động. Còn 11,1% HS chưa tham gia vào các hoạt động và 13,3% không hứng thú với các hoạt động. Bảng khảo sát cho thấy HS thỉnh thoảng hay chưa tham gia các hoạt động chiếm 66,7%; 73,3% học sinh không hứng thú hoặc hứng thú với từng hoạt động; Qua tìm hiểu tác giả được biết các trường hiện nay tổ chức hoạt động mang tính chất rập khuôn, chưa phong phú chủ yếu là đưa HS ra ngoài phạm vi của nhà trường như: đi tham quan, du lịch... Đi về trong ngày thời gian tập kết HS đã chiếm nửa ngày, thời gian còn lại các em đi thăm thú hoặc tham gia một số trò chơi rồi về. Hay một số trường lại chọn hình thức có tính chất trình diễn như diễn đàn, giao lưu, sân khấu hóa... những hoạt động này thường được thực hiện lồng ghép vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm như 20/11 ngày nhà giáo Việt Nam; hay 15/5 ngày thành lập Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh... Như vậy, chưa phải là trải nghiệm sáng tạo cũng như rèn các KNGT cần thiết cho HS

Đối với các hoạt động khác, các trường cũng đã có kế hoạch triển khai thực hiện nhưng chỉ ở mức độ hiệu khi tổ chức hoạt động trải nghiệm chứ chưa có công

văn hướng dẫn cụ thể, hoạt động đánh giá kiểm tra còn mang tính chủ quan. Do vậy khi tổ chức hoạt động còn mang tính chất đối phó chưa gây được hứng thú cho HS, nhiều hoạt động HS buộc phải tham gia chứ không phải mong muốn tham gia.

### 2.3.2.3. Thực trạng nội dung phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HSTHCS

Tác giả đã sử dụng bảng hỏi để khảo sát các nội dung phát triển KNGT cho HS THCS đã được GV và HS quan tâm, chúng tôi thu được số liệu như ở bảng 2.7 và bảng 2.7

**Bảng 2.7: Đánh giá của GV về những kỹ năng được nhà trường tổ chức để phát triển KNGT cho HSTHC thông qua HĐTNST**

TT	Mức độ thực hiện	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không bao giờ (%)	TBC	Thứ bậc
	Nội dung					
1	Kỹ năng phản hồi	33 (73.3)	12 (26.7)	0	20.5	7
2	Kỹ năng chia sẻ	30 (66.7)	15 (33.3)	0	20	10
3	Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm	15 (33.3)	30 (66.7)	0	17.5	14
4	Kỹ năng tiếp cận đối tượng GT	33 (73.3)	12 (26.7)	0	20.5	7
5	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	35 (77.8)	10 (22.2)	0	20.8	6
6	Kỹ năng xử lý tình huống	37 (82.2)	8 (17.8)	0	21.2	4
7	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	43(95.6)	2 (4.4)	0	22.2	1
8	Kỹ năng làm việc theo nhóm	42 (93.3)	3 (6.7)	0	22	2
9	Kỹ năng thuyết phục	15 (33.3)	30 (66.7)	0	17.5	14
10	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác	13 (28.9)	32 (71.1)	0	17.2	16
11	Kỹ năng biểu đạt vấn đề	22 (48.9)	23 (51.1)	0	18.7	11
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề	20 (44.4)	25 (55.6)	0	18.3	12
13	Kỹ năng nhận thức về bản thân	33 (73.3)	12 (26.7)	0	20.5	7
14	Kỹ năng chào hỏi	41 (91.1)	4 (8.9)	0	21.8	3
15	Kỹ năng lắng nghe	37 (82.2)	8 (17.8)	0	21.2	4
16	Kỹ năng thương lượng	20 (44.4)	25 (55.6)	0	18.3	12
17	Các Kỹ năng khác	10 (22.2)	0	0	5	17

Qua kết quả được trình bày ở Bảng 2.7, chúng tôi nhận thấy HĐTNST giúp phát triển các KNKT được GV quan tâm như: Kỹ năng lắng nghe (82,2%) ĐTB: 21,2 điểm; Kỹ năng chào hỏi (91,1%) ĐTB: 21,8 điểm; Kỹ năng làm việc theo nhóm (93,3%) ĐTB: 22 điểm; Kỹ năng thuyết trình trước đám đông (93,3%) ĐTB: 22,2 điểm; Và có 22,2% ý kiến của GV cho biết HĐTNST còn giúp phát triển các kỹ năng khác như: Kỹ năng chào hỏi; kỹ năng nói lời cảm ơn, xin lỗi... Những kỹ năng này được GV thường xuyên giáo dục vì đây là những kỹ năng cơ bản, liên quan trực tiếp đến một số môn học trong chương trình, đồng thời cũng là những kỹ năng học sinh sử dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày.

Thông qua nội dung bài học, HS học được các kỹ năng như kỹ năng phản hồi, kỹ năng chia sẻ, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng xử lý tình huống... Trong đó có một số KNKT mà GV cho rằng chưa được quan tâm nhiều như: Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm (33,3%); Kỹ năng từ chối yêu cầu đề nghị của người khác (28,9%); Kỹ năng thương lượng (44,4%). Qua tìm hiểu vấn đề này chúng tôi được biết HS THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn là nơi chủ yếu là dân tộc ít người vùng núi phía Bắc đa số các em là người dân tộc thiểu số phần lớn các em thiếu tự tin, nhút nhát, rụt rè trước những vấn đề mới hay phải đợi GV gợi ý, chỉ định các em mới dám trả lời. Nguyên nhân có thể do bản tính nhút nhát, e dè, thụ động trong các hoạt động lại thiếu môi trường để các em rèn luyện nên dẫn tới tình trạng đó. Do đó GV khi tổ chức các HĐTNST cần phải chú trọng hơn vào các kỹ năng còn thiếu và yếu của HS, trong hoạt động tăng cường hoạt động cá nhân, nhóm mở rộng nội dung GD, đối tượng, phạm vi giao tiếp cho HS, Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của HS, tăng cường kỹ năng thực hành từ đó giúp các em có nhiều cơ hội trải nghiệm hơn.

Tuy nhiên, tình hình triển khai các HĐTNST hiện nay hầu hết các trường vẫn thực hiện theo các hoạt động của năm trước, chưa có sự sáng tạo nên một số KNKT còn chưa được chú trọng nhiều để trang bị cho HS. Theo đó các HĐTNST đã có nhưng chưa lồng ghép được nhiều các kỹ năng sống cho HS trong đó có KNKT, hơn nữa các hoạt động đó được coi là hoạt động tập thể, chưa có chuẩn để đánh giá xếp loại HS. Chính vì vậy chưa khuyến khích được HS tham gia.

**Bảng 2.8: Đánh giá của HS về những kỹ năng được nhà trường tổ chức để phát triển KNGT cho HSTHC thông qua HĐTNST**

<b>TT</b>	<b>Kỹ năng giao tiếp</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
1	Kỹ năng phản hồi	73	48,7
2	Kỹ năng chia sẻ	66	44
3	Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm	30	20
4	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp	71	47,3
5	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	70	46,7
6	Kỹ năng xử lý tình huống	73	48,7
7	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	80	53,3
8	Kỹ năng làm việc theo nhóm	78	52
9	Kỹ năng thuyết phục	60	40
10	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác	33	22
11	Kỹ năng biểu đạt vấn đề	58	38,7
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề	59	39,3
13	Kỹ năng nhận thức về bản thân	71	47,3
14	Kỹ năng chào hỏi	77	51,3
15	Kỹ năng lắng nghe	76	50,1
16	Kỹ năng thương lượng	65	43,4
17	Các Kỹ năng khác	0	0

Từ bảng số liệu cho thấy theo ý kiến của HS, tất cả những KNGT được chúng tôi lựa chọn để điều tra đều được các trường tổ chức phát triển cho HS. Theo ý kiến đánh giá của HS kỹ năng thuyết trình trước đám đông được nhà trường thường xuyên tổ chức giáo dục cho HS xếp thứ nhất, đạt 53,3%; kỹ năng làm việc nhóm xếp thứ hai, đạt 52,0%; kỹ năng chào hỏi xếp thứ ba, đạt 51,3%; và lần lượt tiếp theo là các kỹ năng lắng nghe (50,1%) kỹ năng phản hồi, kỹ năng xử lý tình huống (đạt 48,7%), kỹ năng nhận thức bản thân, kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp (47,3%); Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị (46,7%); kỹ năng chia sẻ (44%); Kỹ năng thương lượng (43,4%), kỹ năng

thuyết phục (40%), kỹ năng giải quyết vấn đề (39,3%); kỹ năng biểu đạt vấn đề (38,7%) và xếp thấp nhất là hai kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm (20,0%) và kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác (22,0%). Từ kết quả cho thấy KNGT nào cũng được nhà trường tổ chức để phát triển KNGT cho HS, nhưng không phải tất cả HS đều nhận có kết quả tốt với tất cả những kỹ năng này. Có những kỹ năng HS được lĩnh hội rất tốt và ngược lại cũng có những kỹ năng HS còn hạn chế, do vậy trong công tác tổ chức hoạt động và tiến hành trải nghiệm thì nhà giáo dục cần phải có sự sắp xếp các hoạt động cho hợp lý và linh hoạt, để đảm bảo cho tất cả HS đều được phát triển các kỹ năng trên, bởi đây là những kỹ năng vô cùng quan trọng và cần thiết đối với sự phát triển của HS.

Qua bảng số liệu thấy rằng không có kỹ năng nào được 60% sự lựa chọn; số lượng HS được điều tra nhận định là được nhà trường thường xuyên phát triển cho HS (kỹ năng được nhiều ý kiến lựa chọn nhất là kỹ năng thuyết trình trước đám đông - đạt 53,3% lựa chọn). Thông tin từ phía GV có một số kỹ năng được trên 60% giảng viên nhận định là có được nhà trường thường xuyên tổ chức giáo dục cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình trước đám đông (95,6% ý kiến của GV), kỹ năng làm việc nhóm (93,3%); kỹ năng xử lý tình huống (82,2%). Xét về tỷ lệ lựa chọn thì tất cả các kỹ năng được GV đánh giá đều cao hơn so với ý kiến đánh giá của HS

Nhiều kỹ năng cũng có sự không khớp về số lượng ý kiến nhận định từ hai phía. Kỹ năng phản hồi có 48,7% HS cho rằng là có được nhà trường thường xuyên giáo dục cho họ trong khi có 73,3 % GV lại cho rằng có được nhà trường thường xuyên phát triển và rèn luyện cho HS hay Kỹ xử lý tình huống 18,79% có 48,7 HS cho rằng được nhà trường thường xuyên tổ chức trong khi có 82,2% GV cho rằng có được nhà trường thường xuyên phát triển cho HS .

Và trong hệ thống kỹ năng này, kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm và kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác đều được rất ít GV và HS nhận định nhà trường thường tổ cho HS (đạt tỷ lệ 33,3% - 20% và 28,9% - 22% ý kiến của GV và HS). Tìm hiểu vấn đề này tác giả được biết: Theo các thầy cô giáo, những kỹ năng trên không chỉ mang ý nghĩa là những KNGT cần thiết HS nói chung mà nó còn là những kỹ năng trong hệ thống năng lực chuyên biệt cần có của người GV như kỹ

năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng phản hồi, kỹ năng lắng nghe... Giáo viên cần có kỹ năng thuyết trình để có thể truyền tải những kiến thức bài học tới học sinh một cách tốt nhất, kỹ năng phản hồi là một phần rất quan trọng trong giao tiếp hàng ngày nói chung và trong môi trường học tập nói riêng. Khi một người nhận được những phản hồi mang tính xây dựng nó sẽ giúp cho họ sẵn sàng thay đổi để hoàn thiện mình hơn và tối đa hóa khả năng của mình., kỹ năng lắng nghe để có thể giải quyết được những tình huống trong dạy học và trong giáo dục mà người giáo viên có thể gặp phải bất cứ lúc nào... Và nhà trường, các thầy cô giáo nhận thức được giá trị của những kỹ năng này đối với nghề dạy học nên đã rèn luyện cho HS trong từng bài học, từng hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong khi đó, có rất nhiều HS cho rằng phải có những bài dạy cụ thể, những hoạt động cụ thể để hình thành từng kỹ năng cụ thể này chứ không lồng ghép vào các hoạt động giáo dục khác, các bài học khác. HS khó để phân biệt rõ ràng giữa các hoạt động và mục tiêu hình thành kỹ năng trong từng hoạt động

#### 2.3.2.4. Thực trạng sử dụng phương pháp phát triển KNGT thông qua HĐ TNST cho HS THCS

Để thấy được thực trạng sử dụng các phương pháp để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả trình bày ở Bảng 2.9 và Bảng 2.10.

**Bảng 2.9: Đánh giá của GV về thực trạng sử dụng phương pháp để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HSTHCS**

TT	Mức độ thực hiện Phương pháp	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không bao giờ (%)	TBC	Thứ bậc
1	Phương pháp sắm vai	40 (88.9)	5 (11.1)	0	21.7	2
2	Phương pháp giải quyết vấn đề	19 (42.2)	26 (57.8)	0	18.2	4
3	Phương pháp làm việc nhóm	43 (95.6)	2 (4.4)	0	22.2	1
4	Phương pháp dự án	13 (28.9)	32 (71.1)	0	17.2	5
5	Phương pháp trò chơi	38 (84.4)	7 (15.6)	0	21.3	3
6	Ý kiến khác	20 (44.4)	0	0	10	6

Kết quả khảo sát đã cho chúng tôi thấy: Phương pháp được nhiều GV lựa chọn để GD KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS là phương pháp làm việc nhóm (95,6%) ĐTB: 22,2 điểm; phương pháp sắm vai (88,9%) ĐTB: 21,7 điểm; phương pháp trò chơi (84,4%) ĐTB: 21,3 điểm. Tìm hiểu về vấn đề này thì chúng tôi được biết: Hiện nay các trường THCS sử dụng thường xuyên những phương pháp này bởi vì đây là những phương pháp được lồng ghép vào các hoạt động như sinh hoạt tập thể, sinh hoạt lớp, các môn học ; 44,4% GV cho rằng HĐTNST còn sử dụng phương pháp như: phương pháp tranh giao tiếp và nêu gương, phương pháp dạy học trực quan, nghiên cứu tình huống, phương pháp công não.

Có 42,2% ý kiến giáo viên sử dụng phương pháp Dạy học nêu vấn đề; và 28,9% ý kiến sử dụng phương pháp dạy học dự án: Tìm hiểu vấn đề này một số GV cho biết: Thực tế cho thấy kỹ năng không hình thành qua lời nói mà phải hình thành qua hoạt động, hành động của HS. Vì vậy muốn hình thành KNGT cho HS THCS phải bằng chính hoạt động trải nghiệm của HS nhưng kết quả lại cho thấy tỉ lệ GV sử dụng phương pháp dự án còn ít và chưa thường xuyên, đây là hạn chế về phương pháp trong quá trình phát triển KNGT cho HS THCS.

**Bảng 2.10: Đánh giá của HS về thực trạng sử dụng phương pháp để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HSTHCS**

<b>TT</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
1	Phương pháp sắm vai	72	48
2	Phương pháp giải quyết vấn đề	40	26,7
3	Phương pháp làm việc nhóm	79	52,7
4	Phương pháp dự án	20	13,3
5	Phương pháp trò chơi	66	44
6	Ý kiến khác	0	0

Theo ý kiến đánh giá của HS, phương pháp làm việc nhóm được nhà trường thường xuyên sử dụng nhất để phát triển KNGT cho HS, đạt 52,7%; phương pháp sắm vai xếp thứ hai, đạt 48% phương pháp trò chơi xếp thứ ba, đạt 44%; phương pháp giải quyết vấn đề xếp thứ tư, đạt 26,7% và cuối cùng phương pháp dự án (13,3%).

Thứ tự xếp loại mức độ thường xuyên sử dụng các phương pháp trong quá trình phát triển KNGT cho HS ở các trường THCS trên địa bàn thành phố giữa hai kênh thông tin là GV và HS sinh viên là tương đối đồng đều. Tuy nhiên, kênh thông tin từ HS thì không có phương pháp nào được 60% HS đánh giá là thường xuyên sử dụng. Trong khi đó, có hơn một phương pháp được từ 60% GV được hỏi đánh giá là thường xuyên được sử dụng. Sự khác biệt này là do đa số GV được điều tra đều tham gia vào quá trình phát triển KNGT cho HS nhưng không phải mọi HS được điều tra đều tham gia vào tất cả vào các hoạt động phát triển KNGT của nhà trường. Từ số liệu cho thấy mức độ sử dụng thường xuyên các phương pháp phát triển KNGT cho HS là không đồng đều và ít có sự phối hợp cùng một lúc nhiều phương pháp khác nhau trong quá trình rèn luyện và phát triển KNGT. Điều này có thể ảnh hưởng tới kết quả của sự rèn luyện KNGT của HS.

Hiệu quả cuối cùng của việc phát triển KNGT không chỉ phụ thuộc vào nội dung, phương pháp giáo dục mà còn phụ thuộc rất nhiều vào những hình thức tổ chức của quá trình phát triển KNGT. Hình thức đa dạng sẽ tạo ra nhiều sự lựa chọn cho HS, kích thích hứng thú và tính tích cực tham gia của HS

#### *2.3.2.5. Thực trạng các hình thức tổ chức để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS đã được tiến hành*

Trong đời sống thực tế, bản thân GV cũng nhận thấy rằng nhiều KNGT đã được hình thành và phát triển cho HS ngay trong bài giảng, tuy nhiên chỉ ở dạng những kỹ năng cần thiết cho bộ môn như: kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề... Để thấy rõ hơn về thực trạng các hình thức trải nghiệm phát triển KNGT thông qua HĐTNST ở các trường THCS trên địa bàn thành phố, chúng tôi tiến hành khảo sát, tìm hiểu và kết quả thu được như trình bày ở bảng 2.11 và 2.12



**Bảng 2.11: Đánh giá của GV về thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức để phát triển KNGT thông qua HĐNST cho HS THCS**

TT	Mức độ thực hiện		Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không bao giờ (%)	TBC	Thứ bậc
	Hình thức						
1	Câu lạc bộ		17 (37.8)	28 (62.2)	0	17.8	7
2	Trò chơi		41 (91.1)	04 (8.9)	0	21.8	1
3	Diễn đàn		13 (28.9)	32 (71.1)	0	17.2	8
4	Sân khấu tương tác		13 (28.9)	32 (71.1)	0	17.2	8
5	Tham quan, dã ngoại		10 (22.2)	30 (66.7)	0	15	14
6	Hội thi/cuộc thi		39 (86.7)	6 (13.3)	0	21.5	2
7	Tổ chức sự kiện		9 (20.0)	36 (80.0)	0	16.5	11
8	Giao lưu		11 (24.4)	34 (75.6)	0	16.8	10
9	Hoạt động chiến dịch		07 (15.6)	38 (84.4)	0	16.2	12
10	Hoạt động nhân đạo		37 (82.2)	8 (17.8)	0	21.2	3
11	Hoạt động tình nguyện		22 (48.9)	23 (51.1)	0	18.7	6
12	Lao động công ích		25 (55.6)	20 (44.4)	0	19.2	5
13	Sinh hoạt tập thể		36 (80.0)	9 (20.0)	0	21	4
14	Hoạt động NCKH		05 (11.1)	40 (88.9)	0	15.8	13
15	Ý kiến khác		0	0	0	0	15

Kết quả ở bảng 2.11 cho thấy, hình thức trải nghiệm được GV ở các trường THCS thực hiện chủ yếu là : Trò chơi: 91,1% (ĐTB: 21,8 điểm) ; Hội thi/cuộc thi: 86,7% (ĐTB: 21,5 điểm); Hoạt động nhân đạo: 82,2% (ĐTB: 21,2 điểm); Sinh hoạt tập thể: 80% (ĐTB: 21,0 điểm). Tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi được biết: Đây là những hoạt động dễ tổ chức và không tốn kém nhiều về mặt kinh phí, hơn nữa lại phù hợp với các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, các chương trình kỷ niệm. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng các hoạt động này vẫn chưa lồng ghép được nhiều nội dung phát triển KNGT cho HS. Phần lớn việc phát triển KNGT tại các nhà trường tập trung vào hoạt động giảng dạy trên lớp, thông qua các nội dung truyền đạt theo phương thức GV giảng - học trò ghi chép và phản hồi theo câu hỏi của GV. Chưa thực sự có đổi mới trong hình thức, cách thức tổ chức GD và phát triển KNGT.

Còn các hình thức như: Câu lạc bộ 37,8%; Diễn đàn 28,9%; Sân khấu tương tác 28,9%; Tham quan, dã ngoại: 22,2%; Tổ chức sự kiện 20,0%; Giao lưu 24,4%; Hoạt động chiến dịch 15,6%; Hoạt động tình nguyện 48,9 %: Đây là những hình thức đã được tổ chức nhưng chưa thường xuyên. Còn 11,1% ý kiến cho rằng Hoạt động Nghiên cứu khoa học đây là một hoạt động ít được tổ chức nhất. Tìm hiểu vấn đề này một GV cho biết để tổ chức những hoạt động này thì cần rất nhiều điều kiện: về nguồn

lực con người, về tài chính, về cơ sở vật chất; phương tiện giảng dạy; quy mô hợp lý... hơn nữa HS rất bị động và nhút nhát trong các hoạt động; kinh nghiệm tổ chức các hoạt động của các GV còn hạn chế, người GV phải có tính sáng tạo cao hiểu biết rộng, sâu nhiều vấn đề...hiện nay ở các trường THCS trên địa bàn thành phố vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, phòng thí nghiệm chưa đạt chuẩn, thiếu các trang thiết bị chuyên dụng để phục vụ công tác nghiên cứu, hơn nữa kinh nghiệm kiến thức của GV để hỗ trợ hướng dẫn HS lại không đồng đều, thiếu sự kết nối giữa các cá nhân và các trường thiếu tính nhất quán...

Để GD và phát triển KNGT thực sự có hiệu quả và phù hợp với cấp học, với thực tế địa phương, mỗi trường nên tập trung vào một số kỹ năng cốt lõi. Việc tổ chức phát triển KNGT trong trường THCS được tiến hành thông qua môn học (nội khóa, ngoại khóa), thông qua dạy học tự chọn, qua HĐNGLL và hoạt động câu lạc bộ cũng không còn xa lạ với GV bởi họ đã được làm quen với cách thức tổ chức này. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc đưa hoạt GD này vào nhà trường.

**Bảng 2.12: Đánh giá của HS về thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức để phát triển KNGT thông qua HĐNST cho HS THCS**

TT	Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Câu lạc bộ	63	42
2	Trò chơi	84	56
3	Diễn đàn	58	38,7
4	Sân khấu tương tác	58	38,7
5	Tham quan, dã ngoại	35	23,3
6	Hội thi/cuộc thi	80	53,3
7	Tổ chức sự kiện	33	22
8	Giao lưu	39	26
9	Hoạt động chiến dịch	28	18,7
10	Hoạt động nhân đạo	77	51,3
11	Hoạt động tình nguyện	69	46
12	Lao động công ích	73	48,7
13	Sinh hoạt tập thể	75	50
14	Hoạt động NCKH	19	12,7
15	Ý kiến khác	0	0

Theo ý kiến đánh giá của HS, trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển KNGT cho HS thì hình thức trò chơi được nhiều lựa chọn nhất về mức độ thường xuyên sử dụng, đạt 56%; các hình thức Hội thi/cuộc thi xếp thứ hai, đạt 53,3%; tiếp

đến là hình thức hoạt động nhân đạo xếp thứ ba(đạt 51,3%), hình thức sinh hoạt tập thể (50%); lao động công ích (48,7%); hoạt động tình nguyện (46%); Câu lạc bộ (42%); Diễn đàn. Sân khấu tương tác (38,7%); Giao lưu (26%); Tham quan dã ngoại (23,3%); Tổ chức sự kiện (22%); Hoạt động chiến dịch (18,7%) và cuối cùng là hoạt động nghiên cứu khoa học (12,7%).

Sự đánh giá của HS và GV về mức độ thường xuyên của các hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT là tương đối đồng thuận. Từ số liệu điều tra cho thấy cả GV và HS cho rằng các hình thức tổ chức hoạt động chưa đa dạng, tập trung chủ yếu vào hình thức như trò chơi, Hội thi/cuộc thi... Đây là hình thức cơ bản nhưng cũng không phải là tất cả. Mỗi hình thức đều có những thuận lợi nhất định trong quá trình hình thành và rèn luyện các kỹ năng cụ thể cho HS. Và sự không đa dạng các hình thức hoạt động đã làm giảm hiệu quả của việc rèn luyện và phát triển KNGT cho HS..

### 2.3.3. *Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS*

Để khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp của HSTHCS thành phố Bắc Kạn, tôi đã quan sát mức độ phát triển KNGT của HSTHCS và kết quả thể hiện ở bảng 2.13; với thang đánh giá ở ba mức độ: Tốt, Khá, Trung bình và dưới trung bình

**Bảng 2.13: Thực trạng KNGT của HSTHCS**

Mức độ Trường	Tốt (SL/TL%)	Khá (SL/TL %)	TB và dưới TB (SL/TL%)	Thứ bậc
THCS Bắc Kạn	20 (40%)	15 (30%)	15 (30%)	1
THCS Đức Xuân	18 (36%)	12 (24%)	20 (40%)	2
THCS Huyện Tụng	15 (30%)	10 (20%)	25 (50%)	3

Qua kết quả khảo sát cho thấy: Xếp thứ nhất là :trường THCS Bắc Kạn có 40% HS giao tiếp tốt ; 30% Giao tiếp khá và 30% giao tiếp Trung bình và dưới trung bình; Thứ 2 là trường THCS Đức Xuân có 36% HS giao tiếp tốt; 24% Giao tiếp khá và 40% giao tiếp Trung bình và dưới trung bình. Cuối cùng là trường THCS Huyện Tụng có 30% HS giao tiếp tốt; 20% HS giao tiếp khá và 50 % HS giao tiếp trung bình và dưới trung bình. Qua đây tác giả nhận thấy KNGT của học sinh ba trường THCS trên địa bàn thành phố ở mức trung bình thấp, nhiều học sinh chưa có

KNGT hiệu quả, nhu cầu giao tiếp chưa cao. Các em còn mắc nhiều lỗi khi sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, chưa tự tin và mạnh dạn trong thiết lập các mối quan hệ chưa biết cách diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu. Giữa lời nói và hành vi trong giao tiếp chưa phù hợp, chưa biết khai thác tính hợp lý tình hiệu quả của ngôn ngữ cơ thể. Tìm hiểu vấn đề này tác giả được biết vẫn còn một số bộ phận GV và HS chưa đánh giá đúng ý nghĩa của vấn đề này. Việc phát triển KNGT cho học sinh đã được Ban giám hiệu và nhà trường quan tâm. Tuy nhiên, hoạt động này còn chưa mang tính hệ thống, chủ yếu được các thầy cô giáo thực hiện qua một số giờ dạy trên lớp hoặc qua một số hoạt động ngoại khóa. Chưa có sự kiểm tra, giám sát đánh giá mức độ, tính hiệu quả của hoạt động, chủ yếu vẫn dựa trên tính tự giác của giáo viên và học sinh. Hơn nữa học sinh chủ yếu là dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế trong giao tiếp, đặc biệt là tính tự ti, nhút nhát của các em đã ảnh hưởng không tốt tới việc học tập và sinh hoạt hàng ngày của các em. Các em chưa chủ động trong việc thiết lập các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô giáo. Khả năng kiềm chế cảm xúc không cao, chưa có sự nhạy cảm cần thiết trong giao tiếp.

#### **2.3.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNST cho HS THCS**

##### **2.3.4.1. Đánh giá của GV và HS về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và KNGT thông qua HĐTNST**

Thông qua việc khảo sát ý kiến của các GV và HS về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và KNGT của HS thông qua HĐTNST. Kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.15 và bảng 2.16 như sau:

**Bảng 2.14: Đánh giá của GV về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và KNGT của HS THCS thông qua HĐTNST**

TT	Yếu tố	Mức độ			TBC	Thứ bậc
		Ảnh hưởng (%)	Ít ảnh hưởng (%)	Không ảnh hưởng (%)		
1	Nhận thức của CB quản lý và GV	30 (66.7)	15 (33.3)	0	20	4
2	Trình độ, năng lực của giáo viên	39 (86.7)	6 (13.3)	0	21.5	1
3	Nhận thức của học sinh	38 (84.4)	7 (15.6)	0	21.3	2
4	Các tổ chức đoàn thể và các lực lượng XH	33 (73.3)	12 (26.7)	0	20.5	3
5	Yếu tố khác	28 (62.2)	0	0	14	5

Nhìn vào kết quả bảng 2.15 tác giả nhận định mức độ ảnh hưởng như sau: Có hai yếu tố mà theo GV có ảnh hưởng trực tiếp đến giao tiếp và KNGT cho HS THCS thông qua HĐTNST đó là: Năng lực của giáo viên 86,7% (ĐTB: 21,5 điểm) và Năng lực cá nhân học sinh 84,4% (ĐTB: 21,3 điểm). Như vậy để phát triển giao tiếp và KNGT cho HS đem lại hiệu quả cao đòi hỏi giáo viên phải có trình độ năng lực, chuyên môn, sáng tạo, có phương pháp giáo dục khoa học, hợp lý, linh động và sự tích cực chủ động hứng thú đối với các hoạt động của HS.

Ngoài ra, các yếu tố quản lý và các tổ chức đoàn thể, các lực lượng GD, một số yếu tố khác như môi trường giao tiếp, cơ sở vật chất, tài liệu, các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động, nội dung, hình thức, phương pháp dạy học và GD của GV cũng có vai trò quan trọng giúp các em có điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình tham gia hoạt động và lĩnh hội tri thức để hình thành và phát triển các KNGT cần thiết. Qua đây giúp tác giả nhận định được để đem lại kết quả cao trong các HĐTNST giúp HS phát triển các KNGT chúng ta cần phải coi trọng tất cả các yếu tố trên.

**Bảng 2.15: Đánh giá của HS về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp KNGT của HS THCS thông qua HĐTNST**

TT	Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhận thức của CB quản lý và GV	65	43,3
2	Trình độ, năng lực của giáo viên	79	52,7
3	Nhận thức của học sinh	88	58,7
4	Các tổ chức đoàn thể và các lực lượng XH	69	46
5	Yếu tố khác	0	0

Từ số liệu điều tra cho thấy không có sự đồng thuận khi đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát KNGT cho HS. Do GV và HS đứng ở những vị trí khác nhau trong quá trình tổ chức và rèn luyện KNGT nên đã đưa ra những nhận định khác nhau. Theo ý kiến đánh giá từ HS tính tích cực, chủ động của sinh viên là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất (đạt 58,7% sự lựa chọn); năng lực của GV xếp thứ hai (đạt 52,7%); tiếp đến lần lượt là các yếu tố các tổ chức đoàn thể và lực lượng xã hội (46%), và cuối cùng là nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên (43,3%).

Tuy có ý kiến không thống nhất nhưng cả HS và GV đều khẳng định tính tích cực, chủ động của sinh viên và yếu tố năng lực của giáo viên là hai yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến quá trình phát triển KNGT cho HSTHCS. Nhận định này hoàn toàn

phù hợp với bản chất của quá trình giáo dục nói chung đó là “*Quá trình tác động có mục đích, có hệ thống của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục thông qua việc tổ chức các hoạt động đa dạng với những nội dung, hình thức, pp giáo dục phù hợp để hình thành cho học sinh những phẩm chất người công dân theo yêu cầu của xã hội, của thời đại*” và quá trình phát triển KNGT nói riêng.

Như vậy cần khẳng định rằng giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục và mỗi giáo viên cần nghiên cứu các hình thức trải nghiệm sáng tạo, xây dựng các hoạt động học trải nghiệm cho học sinh phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi...; Người giáo viên phải luôn sáng tạo, luôn yêu thương HS và phải nắm chắc tri thức cơ bản để dạy và có đam mê cập nhật tri thức mới, có khả năng mở rộng tri thức cơ bản ra những lĩnh vực nằm ngoài phần mình dạy để các em thật sự phát triển được năng lực, hứng thú khi học bài và tham gia hoạt động. Và chính bản thân HS là những người tham gia trực tiếp vào các hoạt động trải nghiệm cũng phải luôn là những người chủ động, tích cực tham gia hoạt động, phát huy sự sáng tạo của mình và luôn có sự ham mê, nhiệt huyết thực sự khi tham gia vào các HĐTNST; phải biết được lợi ích và ý nghĩa thiết thực của các HĐTNST đối với sự phát triển của chính bản thân HS. Có như vậy thì hoạt động mới đạt hiệu quả và có tính giáo dục cao, đồng thời qua đó phát triển các KNGT cần thiết, tăng cường tình cảm thầy - trò. Ngoài ra các yếu tố về nhận thức của cán bộ quản lý; giáo viên và các tổ chức Đoàn, Đội... cũng giữ vị trí quan trọng trong việc rèn luyện và phát triển giao tiếp và KNGT của HS. Để làm được điều này thì cần sự phối hợp linh hoạt của tất cả các yếu tố khác.

#### 2.3.4.2. Đánh giá của giáo viên và học sinh về các tiêu chí cần thay đổi để phát triển KNGT cho HS THCS

Để nâng cao hiệu quả KNGT cho HS THCS của các trường trên địa bàn thành phố, chúng tôi đã khảo sát và kết quả thể hiện ở bảng 2.17 và Bảng 2.18.

**Bảng 2.16: Đánh giá của GV về các tiêu chí cần thay đổi để phát triển KNGT cho HS THCS**

TT	Tiêu chí cần thay đổi	Ý kiến	Tỉ lệ %
1	Nội dung các HĐTNST	45/45	100
2	Phương pháp tổ chức HĐTNST	45/45	100
3	Hình thức tổ chức HĐTNST	45/45	100
4	Yếu tố khác	23/45	51,1

Qua kết quả bảng khảo sát trên thì 100% ý kiến của GV đồng ý là phải thay đổi cả về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức HĐTNST để phát triển KNGT cho HS. Về vấn đề này qua phỏng vấn một số GV tại các trường THCS được biết thì hiện nay tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn thì nội dung thì chỉ tập trung vào một số nội dung chính, hình thức và phương pháp chưa thực sự có sức hấp dẫn để lôi cuốn học sinh

Có ý kiến của GV cho rằng: Hoạt động này giống như một cái cây. Trong đó, thực tế là rễ cây, kế hoạch giáo dục là gốc cây, thu hoạch là trái cây. “*Nếu không có kế hoạch thì những trải nghiệm thực tế vẫn mãi chỉ là những rễ cây*” - cô Lê Tuyết (GV trường THCS thành phố Bắc Kạn) chia sẻ.. Vậy để các HĐTNST thực sự thu hút các em tham gia để giúp HS phát triển KNGT vì thế, khi dạy học trên lớp GV cần tổ chức bằng nhiều hình thức, phương pháp dạy học khác nhau: cá nhân, nhóm, trò chơi, đồ vui, ứng dụng công nghệ thông tin, các kỹ thuật dạy học tích cực.

Có 51,1 % ý kiến cho rằng ngoài các yếu tố về nội dung, phương pháp, hình thức thì nên “*Xây dựng các kỹ năng nền cho học sinh*” vì: Khi tham gia HĐTNST đòi hỏi HS phải huy động kiến thức, kỹ năng, các phẩm chất năng lực tổng hợp để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn. Có nhiệm vụ của cá nhân, có nhiệm vụ đòi hỏi phải có sự hợp sức của cả nhóm. Các em phải bàn bạc, trao đổi, thống nhất, ra quyết định. Do vậy, điều quan trọng với mỗi GV là phải hướng dẫn các em các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lắng nghe và phản hồi tích cực, kỹ năng ghi chép, thu thập xử lý thông tin, kỹ năng ra quyết định... Đồng thời xây dựng niềm tin đối với HS. GV chỉ có thể tin tưởng các em thì mới có thể giao việc cho các em. Và ngược lại, HS chỉ có tin yêu GV, tin yêu bạn của mình mới có thể tự tin chia sẻ với chính giáo viên và bạn bè trong lớp những suy nghĩ của mình.

Ngoài ra nên “*tổ chức và duy trì tốt hoạt động của hội đồng tự quản lớp*”

GV cần mạnh dạn giao việc cho hội đồng tự quản thực hiện các nhiệm vụ quản lý lớp, duy trì tổ chức sinh hoạt lớp, giờ chào cờ đầu tuần; khuyến khích các em tích cực tham gia trang trí lớp, tự tổ chức các hoạt động vui chơi, đăng kí tham gia các câu lạc bộ, tránh làm thay, làm hộ HS. GV chỉ đóng vai trò là người tư vấn giúp đỡ. Làm như vậy các em mới có cơ hội bộc lộ khả năng của bản thân, rèn luyện các phẩm chất, năng lực cần thiết. Từ đó có thêm các kỹ năng cần thiết để tổ chức HĐTNST hiệu quả.

**Bảng 2.17: Đánh giá của HS về các tiêu chí cần thay đổi để phát triển KNGT cho HS THCS**

TT	Tiêu chí cần thay đổi	Ý kiến	Tỉ lệ %
1	Nội dung các HĐTNST	130	86,7
2	Phương pháp tổ chức HĐTNST	95	63,3
3	Hình thức tổ chức HĐTNST	113	75,3
4	Yếu tố khác	0	0

Theo ý kiến đánh giá từ HS cũng đồng thuận với đánh giá của GV là cần phải thay đổi cả về mặt nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, tuy nhiên nội dung các HĐTNST được xếp thứ nhất về vấn đề cần thay đổi (đạt 86,7%). Hình thức tổ chức xếp thứ hai (đạt 75,3%) hình thức tổ chức đa dạng, phong phú sẽ tạo nhiều cơ hội cũng như góp phần kích thích tính tích cực, chủ động của HS khi tham gia các hoạt động. Và cuối cùng là sự thay đổi về mặt phương pháp (đạt 63,3% sự lựa chọn thay đổi). Phương pháp là cách thức tác động qua lại giữa nhà giáo dục và đối tượng. Yêu cầu đổi mới phương pháp cũng chính là yêu cầu nhà giáo dục luôn phải làm mới chính mình để góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục. Căn cứ vào ý kiến của GV và HS về các yếu tố cần thay đổi trong quá trình tổ chức các hoạt động để phát triển KNGT cho HS sẽ là cơ sở quan trọng để tác giả xây dựng hệ thống những biện pháp nâng cao hiệu quả của quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS.

#### **2.4. Nguyên nhân thực trạng**

Nhìn chung GV các trường THCS đã có nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho HS. Tuy nhiên một số KNGT vẫn chưa được nhận thức đầy đủ. Nguyên nhân của thực trạng trên do:

Điều kiện kinh tế, xã hội miền núi còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, môi trường giao tiếp hẹp, cuộc sống và đặc tính của người miền núi có ảnh hưởng nhiều đến phát triển KNGT

Sự chỉ đạo về hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS của các cấp quản lý còn chưa thực sự rõ ràng, nên việc triển khai thực hiện các hoạt động của các trường còn tự phát, không thường xuyên và đồng bộ; Một bộ phận GV còn mang tính chất đối phó dù cơ bản GV đã nhận thức được bản chất và mức độ cần thiết phải phát triển các KNGT cho HS song thầy, cô còn lúng túng về mặt phương pháp, cách



thực thực hiện các HĐTNST. Đa số HS chưa có những KNGT cơ bản, rất ít HS hứng thú và thường xuyên tham gia vào các hoạt động.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển KNGT cho HS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn thông qua HĐTNST như:

Mức độ nhận thức của GV về tầm quan trọng của HĐTNST trong phát triển KNGT cho HS.

Thiếu nguồn tài liệu tham khảo, hướng dẫn chi tiết đối với các GV trong việc thiết kế, xây dựng chương trình giáo dục theo từng nhóm kỹ năng.

GV giảng dạy cũng phần nào hạn chế về KNGT; chưa thực sự nắm rõ các kỹ năng cần giảng dạy, truyền đạt cho HS. Chính vì thế mà việc tổ chức các hoạt động còn thiếu tính sáng tạo HS thì nhút nhát, rụt rè thiếu tự tin trong giao tiếp.

Chưa huy động được sự phối hợp giữa các lực lượng ngoài nhà trường, phụ huynh HS đối với các HĐTNST của lớp cũng như của trường.

Những tồn tại trong kết quả thực hiện cũng dễ giải thích vì nó bị tác động bởi hoàn cảnh, môi trường và ngay cả bản thân các đối tượng giao tiếp. Để khắc phục được những tồn tại này đòi hỏi người làm công tác giáo dục cần phải có những biện pháp hiệu quả để phát triển KNGT cho HS THCS

## **Tiểu kết chương 2**

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển kỹ năng giao tiếp HSTHCS nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST nói riêng ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn còn nhiều hạn chế. Cụ thể là nhận thức và thực tiễn xác định con đường, nội dung, phương pháp và hình thức thực hiện các mục tiêu giáo dục (trong đó có mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp) cho HS THCS qua HĐTNST chưa tốt. Do đó, kéo theo thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp của HSTHCS chưa cao. Sự phát triển kỹ năng giao tiếp của HS diễn ra không đồng đều ở các kỹ năng giao tiếp khác nhau, đặc biệt là HS gặp khó khăn ở những kỹ năng giao tiếp như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị, kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm, kỹ năng thương lượng.

### **Chương 3**

## **BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ BẮC KẠN**

### **3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp**

Nguyên tắc là những luận điểm cơ bản có tính quy luật, chỉ đạo việc lựa chọn và vận dụng lựa chọn, đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện tối ưu mục đích và nhiệm vụ đặt ra. Việc lựa chọn, đề xuất các biện pháp GD KNGT cho HSTHCS thông qua HĐTNST trên cơ sở phải tuân theo những nguyên tắc nhất định. Những nguyên tắc đó là: Đảm bảo tính mục đích, tính thực tiễn thực tiễn, đảm bảo tính tập thể và đảm bảo tính vừa sức, tính cá biệt, tính khả thi. Tuân thủ các nguyên tắc này chính là đảm bảo các biện pháp đưa ra đem lại những kết quả trong phát triển KNGT cho HS.

#### ***3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích***

Theo nguyên tắc này, hoạt động giáo dục bắt buộc phải có mục đích cụ thể và phải được định hướng để hoàn thành/ đạt được mục đích đó trong suốt quá trình hoạt động diễn ra. Điều đó đồng nghĩa với việc, khi xây dựng kế hoạch phát triển KNGT thông qua HĐTNST cũng cần phải có những mục đích, biện pháp để thực hiện mục đích ấy một cách hiệu quả.

Như đã nói ở trên trong suốt quá trình của hoạt động GD diễn ra, nhà GD phải luôn luôn thực hiện dựa vào mục đích GD, lấy mục tiêu là định hướng cho tất cả hoạt động. Bản chất của hoạt động GD là hoạt động có ý thức. Nghĩa là HS được quyền tự do phát triển khả năng của mình nếu các em cần điều đó. Mặt khác, trong quá trình GD ta không thể áp dụng một nguyên tắc, một phương pháp cố định, hay cứng nhắc đi theo từng bước đã vạch sẵn để đạt được mục đích đề ra. Hơn thế nữa, hoạt động GD là một hoạt động mang tính lâu dài, liên tục vì vậy các hoạt động giáo dục cần phải phong phú, đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn. Nên nhà GD cần mềm dẻo, uyển chuyển, trong việc lựa chọn và vận dụng các hoạt động GD để đạt được kết quả cao nhất trong GD HS.

### **3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn**

Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn đòi hỏi trong quá trình GD, GV phải làm cho HS hiểu, nắm vững giá trị kỹ năng mà giá trị kỹ năng phải có tính hệ thống, vận dụng được vào trong thực tiễn, giúp ích cho bản thân, góp phần cải tạo hiện thực, cải tạo bản thân. Tất cả lý thuyết phải đi đôi với thực hành, nếu không có thực hành thì tất cả lý thuyết trở thành lý luận suông, xa rời cuộc sống, không đạt được mục tiêu, đi ngược lại với mục tiêu. Tất cả các mục tiêu trong GD, khi đặt ra những yêu cầu cần đạt được đều phải gắn với thực tiễn, hay nói cách khác là phải đảm bảo tính thực tiễn. Đối với việc GD KNGT cho HS THCS cũng vậy. Từ yêu cầu thực tiễn đề ra các biện pháp nâng cao kết quả GD KNGT thông qua các HĐNST. Kết quả ấy không những nâng cao khả năng giao tiếp của các em mà còn hình thành giá trị sống trong mỗi con người. Từ đó, HS có cách sống, ứng xử văn minh, nhận biết được các giá trị, cải thiện KNGT, xây dựng và hình thành nhân cách. Chính vì vậy, khi xây dựng kế hoạch và chương trình dạy học cần lựa chọn, tích hợp các môn học phù hợp với việc GD, rèn luyện KNGT, phù hợp với điều kiện môi trường sống của HS. Kết hợp và vận dụng nhiều phương pháp giúp HS hiểu và vận dụng vào trong thực tế cuộc sống. Vì vậy, việc đề xuất và áp dụng những biện pháp GD KNGT cho HS phải đảm bảo tính thực tiễn.

### **3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học**

Khi đề xuất các biện pháp cần đảm bảo tính khoa học, nghĩa là các biện pháp phải phản ánh những thành tựu khoa học, công nghệ và văn hoá hiện đại. Từ những biện pháp này có thể giúp học sinh tiếp cận với những phương pháp, hình thức học tập cũng như các hoạt động trải nghiệm, nhận thức, thói quen suy nghĩ và làm việc một cách khoa học. Qua đó dần dần hình thành cơ sở thế giới quan khoa học, tình cảm và những phẩm chất đạo đức của con người hiện đại. Đảm bảo tính khoa học trong đề xuất biện pháp được thể hiện như sau:

Biện pháp đề xuất là phù hợp với lý luận về giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm.

Biện pháp đề xuất phải chỉ dẫn cụ thể cho giáo viên tiểu học huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang trong tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm.

### **3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi**

Các biện pháp phát triển KNGT đề xuất có tính khả thi trước hết phải có tính thực tiễn, phải dựa trên các chủ trương, đường lối, chính sách và thực trạng công tác quản lý của hiệu trưởng, công tác giảng dạy của giáo viên. Các biện pháp đề xuất phải sát với thực tế đáp ứng của các trường trung học cơ sở, phù hợp với điều kiện vật chất và nhân lực, có khả năng ứng dụng cao. Các biện pháp khi xây dựng phải mang tính khoa học, được kiểm chứng, khảo nghiệm để mang tính khách quan, có hiệu quả khi sử dụng.

Tính khả thi là một nguyên tắc vô cùng quan trọng, nó giúp cho các biện pháp đề xuất có giá trị và có thể trở thành hiện thực trong thực tế.

## **3.2. Một số biện pháp đề xuất để phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS thành phố Bắc Kạn**

**3.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS**

**\* Mục tiêu của biện pháp:**

- Giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh hiểu đúng, đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho học sinh.
- Các hoạt động giáo dục được tổ chức phối kết hợp một cách chặt chẽ, linh hoạt, hiệu quả phù hợp với mục tiêu GD, đào tạo nhằm GD toàn diện học sinh.

**\* Nội dung và cách thức thực hiện:**

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch
  - + Khảo sát, đánh giá mức độ nhận thức của giáo viên, phụ huynh HS và học sinh.
  - + Khảo sát, đánh giá mức độ và tính hiệu quả sự phối hợp các hoạt động giáo dục ở trường THCS.
  - + Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tham quan, tập huấn nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh. Dự trù thời gian, nhân sự, địa điểm, hình thức thực hiện, kinh phí...
  - + Xây dựng kế hoạch mời các chuyên gia về giao tiếp, những người thành đạt có vị trí xã hội cao tham gia tuyên truyền, giảng dạy nâng cao nhận thức cho giáo viên và học sinh.

+ Xây dựng kế hoạch phối hợp các hoạt động giáo dục một cách khoa học, sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả, thiết thực, phù hợp với thực tế nhà trường với mục tiêu giáo dục đã đề ra.

+ Xây dựng chủ trương, quy chế hoạt động.

- Bước 2: Tổ chức thực hiện

+ Tuyên truyền thay đổi nhận thức của giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT theo những quy định, quy chế hoạt động đã được xây dựng. Người tổ chức thực hiện tuyên truyền có thể là các chuyên gia, những người thành đạt có vị trí xã hội cao, chính quyền địa phương hoặc Ban giám hiệu nhà trường.

+ Tổ chức các hoạt động để giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh tham gia:

Đối với giáo viên, tham gia các hoạt động giao lưu và học hỏi kinh nghiệm ở các trường tiêu biểu, dự các buổi báo cáo tình hình thời sự trong và ngoài nước, tình hình của địa phương để nắm rõ hơn yêu cầu đổi mới của đất nước cần có những con người phát triển toàn diện, tham gia các hội thảo, hội nghị, tập huấn về KNGT...

Đối với phụ huynh, thông qua các kỳ họp do nhà trường tổ chức như họp phụ huynh đầu năm, giữa kỳ, cuối kỳ, kỷ niệm các ngày lễ tết, thông qua hoạt động tuyên truyền ở địa phương về cách sống, cách cư xử có văn hóa từ đó tác động tới nhận thức người dân.

Đối với học sinh, tập huấn tuyên truyền cho các em qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt tối thứ 7, chào cờ đầu tuần, các hoạt động ngoại khóa, HĐGDNGLL, hoạt động giao lưu giữa các trường.

Bước 3: Kiểm tra đánh giá

+ Kết thúc mỗi nội dung, chương trình tập huấn, chương trình hoạt động, nhà trường hoặc GV kiểm tra, đánh giá và tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá trình độ nhận thức của các chủ thể tham dự so với mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

+ Kiểm tra, đánh giá tính linh hoạt, tính chặt chẽ, tính hiệu quả sự phối hợp các hoạt động giáo dục được tổ chức

+ Rà soát, đánh giá những ưu điểm, hạn chế để có các biện pháp phát huy và khắc phục.

**\* Điều kiện thực hiện**

- Khảo sát, đánh giá nhận thức của giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho học sinh.
- Đánh giá tổng thể các hình thức, phương thức, mức độ sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục trong nhà trường và tính hiệu quả của chúng.
- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho học sinh trong nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch hoàn thiện, đổi mới phương thức phối hợp các hoạt động giáo dục nhằm phát triển KNGT cho học sinh.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch đã đề ra theo tiến độ dự kiến.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình thực hiện để có những điều chỉnh, tác động phù hợp, kịp thời.

**3.2.2. Biện pháp 2: Hoàn thiện danh mục các HĐTNST có ưu thế phát triển KNGT cho HS**

**\* Mục tiêu của biện pháp**

Trong việc thực hiện rèn luyện KNGT cho HS THCS, bên cạnh việc nâng cao nhận thức, tạo ra sự đồng thuận giữa gia đình, nhà trường và xã hội, xây dựng một môi trường giáo dục thuận lợi... chúng ta cần đặc biệt coi trọng đến việc hoàn thiện các danh mục HĐTNST có ưu thế, một số lĩnh vực có thể lựa chọn để tổ chức như: hoạt động trải nghiệm dưới hình thức câu lạc bộ; sân khấu tương tác; hoạt động tham quan, dã ngoại; hoạt động tình nguyện; hoạt động định hướng; hoạt động nhân đạo... . Để phát triển KNGT cho HSTHCS thì có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm như: Sinh hoạt dưới cờ đầu tuần, Sinh hoạt chủ nhiệm lớp, tham quan, thăm hỏi gia đình chính sách, mừng sinh nhật thầy cô, biết nói lời cảm ơn, xin lỗi để hình thành kỹ năng biết chào hỏi lễ phép ở trường, ở nhà và nơi công cộng... Ở THCS, chương trình tập trung nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động phục vụ cộng đồng và bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động vẫn được tập trung chú ý để phát triển các phẩm chất và năng lực của HS. Việc hoàn thiện các danh mục các HĐTNST có ưu thế phát triển KNGT cho HS sẽ:

- Cụ thể hóa mục tiêu phát triển KNGT cho HS thông qua các hoạt động

- Làm cho quá trình phát triển KNGT cho HS trở nên mềm mại, linh hoạt, mềm dẻo, học sinh dễ tiếp cận và tiếp thu nội dung GD.
- Việc hoàn thiện các danh mục HĐTNST có ưu thế sẽ giúp cho GV dễ dàng hơn trong việc thiết kế và tổ chức bài học, tích hợp được nội dung phát triển KNGT vào môn học trong chương trình như: giáo dục công dân; ngữ văn...
- Việc hoàn thiện danh mục HĐTNST phải đảm bảo mục tiêu kép đó là mục tiêu bài học và mục tiêu phát triển KNGT cho HSTHCS

**\* Nội dung và cách thức thực hiện**

Hoàn thiện danh mục các HĐTNST có ưu thế phát triển KNGT cho HS cần thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định được mục tiêu hoạt động và mục tiêu phát triển KNGT cho HS, đặc điểm trình độ giao tiếp hiện tại của HS.

Bước 2: Xác định được nội dung các KNGT cơ bản, và cần xác định rõ những KNGT cần phát triển cho HS THCS như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng biểu lộ cảm xúc, kỹ năng nói lời đề nghị...

Bước 3: Lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức phát triển KNGT phù hợp với bài học và nội dung phát triển KNGT cho HS như phương pháp sắm vai, làm việc nhóm, trò chơi... thông qua đó tạo cơ hội cho HS có môi trường trải nghiệm, rèn luyện KNGT. Hình thức hoạt động càng phong phú, mang tính trải nghiệm, sáng tạo thì càng thu hút và kích thích tính hiếu kỳ của HS, hoạt động ngoài giờ càng mang tính thuyết phục, hiệu quả.

Bước 4: Thiết kế hoạt động phù hợp với nội dung phát triển KNGT cho HS, GV nghiên cứu thiết kế hoạt động nhằm tăng cường hoạt động giao tiếp, tự nhận thức, giải quyết vấn đề... để phát triển KNGT cho HS. Có những hoạt động này sẽ thu hút được người học tham gia một cách tự giác, tích cực vào quá trình tập luyện, rèn luyện KNGT

Bước 5: Thiết kế bộ công cụ để kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động phát triển KNGT cho HS.

Hoạt động đó có tích hợp nội dung phát triển KNGT hay không? Những kiến thức, kỹ năng nào đã được học sinh tích lũy, kỹ năng nào chưa được HS tích lũy, đòi hỏi GV phải đánh giá một cách khách quan chính xác để định hướng cho các hoạt động tiếp theo.

Các danh mục hoạt động cần đưa ra bàn bạc, thống nhất trong Hội đồng sư phạm cùng với kế hoạch năm học nhằm thống nhất nội dung hoạt động, biện pháp thực hiện, cách thức thực hiện, dự trù kinh phí.

**\* Điều kiện thực hiện**

- Nhà trường phải xác định rõ mục tiêu của hoạt động để từng cá nhân HS được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường và xã hội. Qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và hình thành những thói quen, những kỹ năng cần thiết.

- GV cần nắm vững nội dung phát triển KNGT cho HS để thiết kế và tổ chức các hoạt động một cách phù hợp và có hiệu quả. Thực hiện được biện pháp này đòi hỏi GV phải có sự nghiên cứu, tích cực học tập để nâng cao năng lực thiết kế các hoạt động phát triển KNGT cho HS.

- Nội dung hoạt động của HS THCS cần đặc biệt chú ý đến các vấn đề như: GD và phát triển cá nhân, Trường học, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... bằng các hoạt động cụ thể như: Hội thi thiết kế tập san nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Đóng kịch phòng chống HIV/AIDS; Hội diễn văn nghệ; Tham gia mô hình Câu lạc bộ các môn thể thao tại trường như cờ vua, bóng đá, khiêu vũ thể thao, tham gia nhảy dân vũ trong các giờ ra chơi giữa giờ... từ đó phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, phát triển các KNGT cần thiết.

- HĐTNST phải gắn với chủ đề học tập, nội dung bài học, tích hợp được nội dung GD các môn, có thể lựa chọn và tổ chức thực hiện một cách linh động sao cho phù hợp với nguyện vọng, đặc điểm của HS, của nhà trường và địa phương, đảm bảo HS được học tập cùng với những trải nghiệm, bổ ích, lý thú, sáng tạo, hấp dẫn.

- Các HĐTNST sau khi được hoàn thiện cần phải được phổ biến rõ ràng tới các lực lượng tham gia GD. Đối chiếu với cơ sở vật chất hiện có, các điều kiện phục vụ cho các hoạt động để có kế hoạch trang bị, bổ sung từ đầu năm.

**3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng qui trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS thông qua HĐTNST.**

**\* Mục tiêu của biện pháp**

Xây dựng được một qui trình khoa học với hệ thống các bước phát triển KNGT cho HS THCS thông qua HĐTNST



### **\* Nội dung và cách thức thực hiện**

*Nội dung của biện pháp (hệ thống các bước)*

*Bước 1. Xác định những KNGT cơ bản cần hình thành cho HS THCS.*

*Bước 2. Xác định những kỹ năng giao tiếp cụ thể cần phát triển ở HS THCS trên việc tìm hiểu vốn sống, vốn kỹ năng giao tiếp của HS.*

*Bước 3. Lựa chọn hoặc tạo dựng những chủ đề phù hợp với nhu cầu, hứng thú của HS; phù hợp với nội dung những KNGT cần phát triển ở HS.*

*Bước 4. Thiết lập mối quan hệ giữa những KNGT cần phát triển ở HS.*

*Bước 5. Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT Cho HS*

*Bước 6. Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển KNGT cho HS qua tổ chức HĐTNST*

*Bước 7. Tổ chức cho HS tham gia hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng*

*Bước 8. Đánh giá và rút kinh nghiệm*

*Phương thức thực hiện biện pháp*

Phương thức thực hiện biện pháp này được cụ thể hoá trong phương thức thực hiện từng bước:

*Bước 1. Xác định những KNGT cơ bản cần hình thành cho HS THCS.*

Cơ sở để xác định những kỹ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho HSTHCS

- Dựa vào nội hàm khái niệm “kỹ năng giao tiếp”
- Dựa vào thực trạng phát triển kỹ năng của HS;
- Dựa vào qui luật hình thành và phát triển kỹ năng;

Căn cứ vào những cơ sở trên tôi đã xác định những KNGT cơ bản cần hình thành cho HSTHCS bao gồm:

1)Kỹ năng nhận thức về bản thân; 2)Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị; 3)Kỹ năng từ chối yêu cầu đề nghị của người khác; 4)Kỹ năng xử lý tình huống; 5)Kỹ năng lắng nghe; 6)Kỹ năng thương lượng; 7)Kỹ năng chia sẻ; 8)Kỹ năng thuyết trình trước đám đông; 9)Kỹ năng thuyết phục; 10)Kỹ năng giải quyết vấn đề; 11)Kỹ năng làm việc hợp tác; 12)Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm.

*Bước 2. Xác định những kỹ năng giao tiếp cụ thể cần phát triển ở HS THCS trên việc tìm hiểu vốn sống, vốn kỹ năng giao tiếp của HS*

Đây là bước quan trọng vì mỗi HS có vốn sống, vốn kinh nghiệm khác nhau, có mức độ phát triển những kỹ năng giao tiếp khác nhau. Do đó nhà giáo dục cần

nắm bắt và phân loại HS về mặt kỹ năng giao tiếp để có những biện pháp tác động phù hợp. Để thực hiện được công việc này, giáo viên cần thường xuyên quan sát quá trình giao tiếp của HS; phỏng vấn HS để tìm hiểu nhận thức của HS về những hành vi giao tiếp tương ứng với những tình huống giao tiếp cụ thể..

*Bước 3. Lựa chọn hoặc tạo dựng những chủ đề phù hợp với nhu cầu, hứng thú của HS; phù hợp với nội dung những KNGT cần phát triển ở HS.*

Thường thì giáo viên gợi ý và HS tự chọn chủ đề hoạt động phù hợp với chủ đề chung, song giáo viên (nhà giáo dục) có thể giúp HS tạo dựng chủ đề trên cơ sở cho HS trải nghiệm những hoạt động, những mối quan hệ xã hội, sau đó tư vấn cho HS tạo dựng những hoạt động mới nhằm phát huy tính tích cực của HS và giúp HS hứng thú hơn.

*Bước 4. Thiết lập mối quan hệ giữa những KNGT cần phát triển ở HS.*

Để giúp HS phát triển kỹ năng giao tiếp trong quá trình hoạt động, nhà giáo dục cần xây dựng và chuẩn hoá những khuôn mẫu hành vi giao tiếp tương ứng với các mối quan hệ trong hoạt động để HS có thể tự điều chỉnh kỹ năng của mình. Để xây dựng được khuôn mẫu hành vi đó đòi hỏi nhà giáo dục phải nắm vững văn hoá giao tiếp, phải hiểu rõ những mối quan hệ xã hội được thể hiện trong hoạt động đó. Quan trọng hơn là nhà giáo dục phải thấm thấu được những nguyên tắc, qui tắc của văn hoá giao tiếp và biến những chuẩn kỹ năng giao tiếp đó thành hành vi, kỹ năng của mình.

*Bước 5. Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT Cho HS*

Trong quá trình xây dựng kế hoạch cần chú ý tới kết quả của những bước trên, đồng thời tuân thủ lôgic của một bản kế hoạch giáo dục Trong quá trình xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTNST cần đảm bảo những yêu cầu tương ứng với những khâu sau:

+ Khâu xác định mục tiêu: mục tiêu cần phải được xác định một cách cụ thể có thể đo được (lượng hoá và đánh giá được); mục tiêu cần phải phù hợp với thực tiễn (phù hợp với khả năng của HS, phù hợp với nội dung,...); cần phải có những mục tiêu chung cho toàn lớp và có những mục tiêu riêng phù hợp với mỗi HS. Mỗi HS có những mức độ phát triển khác nhau về kỹ năng giao tiếp và có những nguyên nhân khác nhau dẫn tới thực trạng phát triển đó. Do vậy, ở những giai đoạn nhất định có thể mục tiêu của giáo viên không phải nhằm vào hình thành hoặc phát triển một kỹ năng mới cho HS mà lại có thể cần nhằm vào giải quyết một đặc điểm tâm lý

nào đó có ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp của HS; ví dụ: tính rụt rè nhút nhát ở HS này; hoặc tính hấp tấp ở HS khác....

+ Khâu xác định nội dung tổ chức HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS với vai trò tổ chức của mình giáo viên luôn phải định hướng và chuẩn bị trước về chủ đề hoạt động, nội dung hoạt động. Trong khâu này, giáo viên phải chú ý tới các bước 1, 2, 3, 4 trong qui trình để xây dựng những nội dung - những mẫu kỹ năng giao tiếp tương ứng với những hoạt động mà HS tham gia, đồng thời giáo viên cũng phải xác định những nội dung mình cần thực hiện để dẫn HS thực hiện được mẫu hành vi - kỹ năng giao tiếp đó.

+ Khâu tổ chức hoạt động: Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS được tập trung ở khâu hướng dẫn hoạt động. Tuy nhiên chủ yếu được thực hiện trước khi HS tham gia vì trong quá trình HS đang hoạt động thì nhiệm vụ của giáo viên là quan sát và, giúp đỡ HS khi cần thiết; giáo viên không nên áp đặt khi can thiệp mà phải tôn trọng nhiều nhất với ý kiến của HS; giáo viên theo dõi quá trình hoạt động của HS. Vì vậy, nếu chỉ dừng lại ở vai trò hướng dẫn trong quá trình HS tham gia hoạt động thì khó thực hiện được mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST. Do đó giáo viên phải hướng dẫn HS theo định hướng phát triển KNKT. Cụ thể là:

- Giáo viên khéo léo gây ảnh hưởng để HS chọn những mẫu hành vi - những kỹ năng giao tiếp theo dụng ý sư phạm;

- Bằng những biện pháp sư phạm giáo viên giúp HS nhớ để có thể tái hiện những mẫu kỹ năng giao tiếp đó trong quá trình tham gia hoạt động;

+ Khâu nhận xét sau khi tham gia hoạt động:

Mặc dù mục tiêu tổ chức HĐTNST của giáo viên là nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS, tuy nhiên trong khâu nhận xét sau khi tham gia hoạt động, giáo viên không nên hướng HS vào việc nhận xét kỹ năng giao tiếp mà chỉ hướng vào những giá trị đạo đức và tinh thần tham gia trò hoạt động của HS. Do đó, giáo viên cần chú ý những vấn đề sau:

- Giáo viên gợi ý cho HS nhận xét lẫn nhau dưới hình thức tập thể, hướng HS vào việc sử dụng những tiêu chuẩn đạo đức để nhận xét.

- Giáo viên hướng dẫn trẻ nhận xét buổi hoạt động, tránh để HS chỉ trích nhau, làm mất hứng thú chơi của HS, khuyến khích nhận xét những mặt tích cực.
- Kết thúc hoạt động một cách nhẹ nhàng và có hiệu quả

*Bước 6. Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển KNGT cho HS qua tổ chức HĐTNST*

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS cần phản ánh được mức độ thay đổi trong mối tương quan giữa những chỉ số đầu vào (trước khi tham gia hoạt động) so với những chỉ số phát triển kỹ năng giao tiếp ở đầu ra (sau khi tham gia hoạt động). Tuy nhiên cần chú ý, phát triển kỹ năng giao tiếp là một quá trình lâu dài, nên không thể nóng vội mong đạt được những chuyển biến rõ rệt về kỹ năng của HS sau mỗi chủ đề hoạt động. Việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST phải là một quá trình liên tục, tiếp nối hết chủ đề này đến chủ đề khác trong một khoảng thời gian nhất định đủ để HS được trải nghiệm và hình thành các kỹ năng một cách bền vững.

*Bước 7. Tổ chức cho HS tham gia hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng*

Trong quá trình tổ chức HĐTNST nhà GD cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là: Qua HĐTNST nhà giáo dục phát triển cho HS những kỹ năng cần thiết trong giao tiếp.

Hai là: Tránh để HS cảm thấy ngại ngùng khi tham gia hoạt động, Người lớn không được lấy kinh nghiệm sống của mình để can thiệp vào tư duy của HS.. Điều quan trọng là để cho HS được trải nghiệm những kỹ năng.

Ba là: không để các kỹ năng giao tiếp làm khó cho HS. Một điều mà các nhà giáo dục cần chú ý là, mặc dù nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS song đây không phải là “*một giờ học*” kỹ năng giao tiếp của người lớn. Nhà giáo dục có thể qua HĐTNST để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS, nhưng không nên vội vàng. Độ khó của các kỹ năng giao tiếp có thể nâng cao dần dần. Nếu trong quá trình hoạt động mà người lớn liên tục uốn nắn các kỹ năng giao tiếp của HS thì HS sẽ nản chí và mất hứng thú khi tham gia hoạt động.

Bốn là: Không nên vì mục đích rèn kỹ năng giao tiếp cho HS mà thường xuyên sử dụng một loại hình hoạt động như nhau.

Nhằm là : Cố gắng thay đổi cách thiết kế các hoạt động, các chủ đề, các hình thức trong quá trình tổ chức để HS được tham gia vào những mối quan hệ xã hội khác nhau, được rèn nhiều kỹ năng hơn.

Trên đây là một số lưu ý chung khi thiết kế HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS. Ngoài ra, đối với mỗi hoạt động lại cần có cần thêm những yêu cầu khác phù hợp với các mối quan hệ của hoạt động đó.

#### *Bước 8. Đánh giá và rút kinh nghiệm*

Sau khi HS kết thúc hoạt động giáo viên thường nhận xét, song những nhận xét đó chỉ mang tính biểu dương, khích lệ HS, còn đánh giá rút kinh nghiệm là công việc nghiêm túc của giáo viên nhằm rút ra những bài học nhất định. Đánh giá và rút kinh nghiệm không phải là việc đánh giá HS trong quá trình HS hoạt động.

Để việc đánh giá và rút kinh nghiệm của giáo viên có nhiều ý nghĩa thì giáo viên cần chú ý những vấn đề sau:

- + Phải đánh giá toàn diện: đánh giá hoạt động của bản thân; đánh giá hoạt động của HS; đánh giá hiệu quả giáo dục; đánh giá tất cả các khâu, các bước tổ chức hoạt động; đánh giá trên nhiều phương diện, nhiều mặt. ...
- + Phải có tiêu chí đánh giá rõ ràng;
- + Việc đánh giá phải có giá trị đối với việc tổ chức HĐTNST nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS ở thời gian sau đó. Như vậy, phải phân tích rõ thực trạng, chỉ ra được nguyên nhân của những thành công và hạn chế.
- + Việc đánh giá rút kinh nghiệm được tiến hành càng sớm càng tốt sau khi thực hiện kế hoạch hoạt động.

#### *\* Điều kiện thực hiện*

Khi tiến hành thiết kế hoạt động TNST để phát triển KNGT cho HS, GV nên quán triệt các yêu cầu sau:

- Xác định rõ mục tiêu hoạt động, tránh cầu toàn về phương diện kỹ thuật tổ chức, điều quan trọng là đạt được hiệu quả giáo dục mà GV đã đặt ra từ trước.
- Việc xác định đâu là hoạt động trải nghiệm, đâu là hoạt động sáng tạo chỉ mang tính tương đối.
- Các giai đoạn, các bước phải được tiến hành theo đúng trật tự, Có thể làm gộp nhưng không được đảo lộn thứ tự với nội dung của hoạt động TNST.
- Khi thiết kế các hoạt động phải tương thích với nội dung học tập, tránh làm hình thức hoặc nửa vời sẽ không hình thành được kiến thức kỹ năng, năng lực cho HS..

Cần bám sát mục tiêu giáo dục của môn học đã cài cắm ý đồ sư phạm, đồng thời các hoạt động phải phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của HS.

- Phải lựa chọn các phương pháp cho vừa sức; phù hợp đặc điểm, sở thích và khả năng, sở trường của HS, tránh lối áp đặt, nhồi nhét .
- Các hình thức hoạt động phải linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với điều kiện, môi trường hoạt động thực tế.
- Giáo viên phải thường xuyên nghiên cứu lý luận về việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS;
- Giáo viên phải thường xuyên quan sát để nắm bắt kịp thời thực trạng và những diễn biến phát triển kỹ năng giao tiếp của HS;
- Giáo viên phải nắm vững các bước trong qui trình và vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS.

Trên đây là đề xuất về quy trình tổ chức các hoạt động TNST cho HS ở theo quan điểm hoạt động. Thông qua việc thực hiện chuỗi các hành động và thao tác (Vật chất và tinh thần) đã thiết kế tương thích với nội dung hoạt động TNST, HS tự khám phá và kiến tạo tri thức, kỹ năng, năng lực cho bản thân mình. HS chủ động, sáng tạo trong hoạt động học tập. Kiến thức, năng lực thu được là khoa học và vững chắc. Trong quá trình thực hiện, quy trình này tiếp tục được chỉnh lí để càng hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động TNST và bồi dưỡng GV hiện nay

#### ***3.2.4. Biện pháp 4: Thiết kế tài liệu hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT.***

##### ***\*Mục tiêu của biện pháp:***

Việc thiết kế các tài liệu hướng dẫn tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS sẽ góp phần làm tăng hiệu quả và chất lượng GD trong năm học. Trong đó việc xác định nội dung phát triển KNGT là rất quan trọng. Theo đó để nội dung bám sát với hoạt động thực tiễn, đòi hỏi các trường phải có kế hoạch biên soạn nội dung và xác định các hình thức tổ chức phát triển KNGT cho HS một cách phù hợp.

Ngoài ra phát triển KNGT tại các trường THCS hiện nay chưa thực sự đi vào nền nếp, GV còn lúng túng trong việc đề xuất và áp dụng các phương thức tổ chức phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS, chính vì vậy việc xây dựng kế hoạch, biên soạn nội dung và hướng dẫn tổ chức một cách chi tiết đối với hoạt động phát triển KNGT sẽ góp phần định hướng hoạt động GD tại nhà trường, tăng cường khả năng vận dụng các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục các cấp vào thực tiễn và dạy học.

### **\* Nội dung và cách thực hiện**

Ban giám hiệu: Căn cứ chỉ đạo của Phòng GD&ĐT thành phố hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, chương trình dạy học các khối lớp, năng lực của từng GV trong trường, yêu cầu GV chủ nhiệm, GV giảng dạy KNGT xây dựng khung chương trình cơ bản, kế hoạch áp dụng từng tuần, từng tháng đối với nội dung dạy. Trên cơ sở đề xuất của GV, ý kiến đóng góp và đánh giá của tổ chuyên môn, có thể áp dụng hình thức như; lấy ý kiến chuyên gia hoặc thành lập ban chỉ đạo giáo dục KNGT tại trường... Từ đó, quyết định nội dung GD, hình thức triển khai được áp dụng trong năm học đó đối với từng khối lớp nhất định.

Đối với các phân môn GV đảm nhiệm, Ban giám hiệu yêu cầu các GV thảo luận, đề xuất kế hoạch áp dụng chung cho toàn khối lớp hoặc toàn trường. Các hoạt động chung toàn trường, yêu cầu GV có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thể, ban phụ huynh trường để đề xuất các cách thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tiễn tại trường.

Giáo viên: Chủ động tham khảo các tài liệu thông qua các nội dung do Bộ GD&ĐT Sở GD&ĐT, hoặc Phòng GD&ĐT cung cấp; tìm hiệu nguồn thông tin trên mạng Internet, đề xuất các nội dung giáo dục mang tính sáng tạo, phù hợp với lứa tuổi học sinh. Bên cạnh đó, căn cứ tiêu chí do nhà trường quy định, phối hợp cùng các lực lượng trong và ngoài nhà trường để tham khảo, lấy ý kiến về nội dung thực hiện có hiệu quả.

Thiết kế các chủ đề phát triển KNGT phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh, các hoạt động GD diễn ra tại trường. Bản thân GV cần lưu ý khi xác định các nội dung đào tạo được thiết kế dành cho HS phải bao gồm các dạng hoạt động cơ bản của lứa tuổi như; hoạt động xã hội, học tập, vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao... Việc thiết kế các chủ đề phát triển KNGT phải phù hợp với các chủ đề của hoạt động GD ngoại khóa ở trường và phải dựa trên phân tích chương trình hoạt động giáo dục ngoại khóa để xác định những chủ đề nào của chương trình có thể thiết kế được các chủ đề phát triển KNGT. Việc thiết kế và tổ chức triển khai HĐTNST để phát triển KNGT được tiến hành theo các bước sau (ví dụ kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh) cho HS THCS:

Bước 1: Xác định nhu cầu tổ chức HĐTNST: công việc này bao gồm một số việc như: Căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu và chương trình GD, GV tiến hành khảo sát nhu

cầu, điều kiện tiên hành, xác định rõ đối tượng thực hiện; việc hiểu rõ đặc điểm HS giúp GV thiết kế hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi HS THCS.

Bước 2: Đặt tên cho HĐTNST: Đây là một việc làm cần thiết vì tên hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý hứng khởi và tích cực ở HS. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ đặt tên cho hoạt động sao cho phù hợp, hấp dẫn. Việc đặt tên cho hoạt động đảm bảo các yêu cầu: rõ ràng, chính xác, ngắn gọn, phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động; tạo được ấn tượng ban đầu cho HS. Ví dụ như “Câu lạc bộ giao tiếp Tiếng Anh”

Bước 3: Xác định mục tiêu của HĐTNST: Mục tiêu của hoạt động là dự kiến trước kết quả của hoạt động. Các mục tiêu hoạt động cần được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp; phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ và định hướng giá trị. Khi xác định mục tiêu phải trả lời các câu hỏi sau: hoạt động này có thể hình thành cho HS những kiến thức ở mức độ nào? Những kỹ năng nào có thể được hình thành ở học sinh và mức độ đạt được sau khi tham gia hoạt động; Ví dụ như: Giao tiếp tiếng Anh phổ thông cho HS ở trường THCS.

Bước 4: Xác định nội dung và phương pháp, phương tiện, hình thức của hoạt động: Căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã xác định, các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp, của nhà trường và khả năng của học sinh để xác định nội dung phù hợp cho hoạt động. Liệt kê đầy đủ các nội dung hoạt động phải thực hiện. Từ nội dung, xác định cụ thể phương pháp tiến hành, xác định những phương tiện cần có để tiến hành hoạt động. Từ đó lựa chọn hình thức hoạt động tương ứng. Có thể một hoạt động nhưng có nhiều hình thức khác nhau được thực hiện đan xen hoặc trong đó có một hình thức nào đó là chủ đạo, còn hình thức khác là phụ trợ. Ví dụ như: Giao tiếp tiếng Anh với nội dung về Tình bạn (bạn học trong lớp, bạn làng giềng, bạn đội viên...); phương pháp nghe - nói trực tiếp giữa các HS với nhau dưới sự hướng dẫn của GV; phương tiện cần có là phòng học, hội trường, các trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ...; hình thức chủ đạo là Câu lạc bộ Tiếng Anh giao tiếp (hoạt động ngoại khóa).

Bước 5: Lập kế hoạch: Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu, tức là tìm các nguồn lực và thời gian, không gian... cần cho việc hoàn thành các mục tiêu. Ví dụ như: Người tham gia là HS; không gian trong trường hoặc ngoài trường; thời gian là ngoài giờ lên lớp chính khóa; nguồn lực cần có là nhân lực (GV, HS, cha mẹ,



nhà tài trợ...); vật lực (cơ sở vật chất, trang thiết bị...); tài lực (kinh phí, tài chính cho hoạt động).

Bước 6: Thiết kế chi tiết HĐTNST: Bước này cần xác định: Bao nhiêu việc phải thực hiện? Các công việc đó là gì? Nội dung của mỗi việc đó ra sao? Tiến trình và thời gian thực hiện các việc đó như thế nào? Các công việc cụ thể cho các tổ, nhóm, cá nhân? Yêu cầu cần đạt của mỗi việc? Ví dụ như: Chủ nhiệm Câu lạc bộ, số lần sinh hoạt trong một năm học, những nội dung chính, những chủ đề chính, thời gian tiến hành, không gian tổ chức, phương tiện hỗ trợ, mục tiêu cần đạt trong năm học, mức độ đạt được về KNGT bằng Tiếng Anh của từng thành viên qua mỗi lần hoạt động (nghe, nói, diễn đạt, từ vựng, vốn sống, tình cảm, thái độ, sự hiểu biết,...)

Bước 7: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động. Rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các việc, thời gian thực hiện và kết quả cần đạt được. Khi phát hiện những sai sót, bất hợp lý ở khâu nào, bước nào, nội dung nào hoặc việc nào thì kịp thời điều chỉnh. Hoàn thiện bản thiết kế chương trình hoạt động và cụ thể hóa chương trình đó bằng văn bản. Đó là giáo án tổ chức hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ giao tiếp Tiếng Anh cho HS THCS.

Bước 8: Lưu giữ kết quả hoạt động vào hồ sơ của HS. Thông qua lưu trữ hồ sơ để biết và nắm chắc năng lực giao tiếp bằng Tiếng Anh của các em HS. Từ đó, giáo viên có phương pháp giáo dục phù hợp với từng HS, giúp các em hình thành KNGT Tiếng Anh thông qua HĐTNST là sinh hoạt câu lạc bộ Tiếng Anh của nhà trường.

HĐTNST có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển KNGT cho HS. Điều này đòi hỏi nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức của HĐTNST phải được thiết kế theo hướng tích hợp nhiều lĩnh vực, môn học thành các chủ điểm mang tính chất mở. Hình thức và phương pháp tổ chức đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng... để học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm, từng bước hoàn thiện nhân cách.

#### **\* Điều kiện thực hiện**

Các đồng chí là quản lý phải tạo điều kiện cho GV được học tập và tham khảo nội dung tập huấn do Bộ GD&ĐT, Phòng GD&ĐT thành phố Bắc Kạn tổ chức; hỗ trợ các nội dung nghiên cứu mang tính sáng tạo của GV.

Khảo sát những kỹ năng cần có của GV như: kỹ năng lập kế hoạch dạy học, điều chỉnh nội dung chương trình, xây dựng kế hoạch dạy học và phân tích trình độ

của học sinh để lựa chọn các nội dung dạy học tăng cường phù hợp với từng đối tượng HS...

Thành lập ban chỉ đạo, tổ chuyên môn, chuyên gia đánh giá tính khả thi của các nội dung, đề xuất và phương thức hoạt động mà GV giảng dạy đề xuất trên tinh thần hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động sáng tạo, tiết kiệm và thiết thực đối với việc trau dồi các KNGT cho HS.

Khuyến khích sự hỗ trợ từ các lực lượng ngoài nhà trường thông qua các chương trình kết nghĩa, các buổi họp với ban phụ huynh để tạo điều kiện cho GV tham gia lấy ý kiến cũng như dự trù hỗ trợ kinh phí từ cha mẹ HS hoặc các hoạt động triển khai trong năm.

### ***3.2.5. Biện pháp 5: Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS***

#### ***\* Mục tiêu của biện pháp:***

Biện pháp này nhằm làm phong phú các hình thức thực hiện hoạt động TNST, tạo sức hấp dẫn cho học sinh trong các hoạt động TNST, bằng cách đó thực hiện tốt các nội dung phát triển KNGT. Bên cạnh đó, biện pháp còn tăng cường tính hiệu quả của việc tích hợp mục tiêu của phát triển KNGT với mục tiêu của hoạt động TNST cũng như việc thiết kế các chủ đề phát triển KNGT trong việc thực hiện các nội dung, các hoạt động thực của hoạt động TNST. Việc sử dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động TNST không chỉ phù hợp với các yêu cầu của hoạt động TNST mà còn đáp ứng được các yêu cầu của phát triển KNGT cho học sinh THCS.

#### ***\* Nội dung và cách thực hiện:***

##### ***1. Đổi mới hình thức hoạt động để thực hiện từng chủ đề trong chương trình hoạt động TNST.***

Việc đổi mới các hình thức tổ chức hoạt động để thực hiện từng chủ đề trong chương trình hoạt động TNST sẽ tạo ra điều kiện để thiết kế các chủ đề phát triển KNGT để tích hợp vào các hoạt động này.

Đổi mới các hình thức hoạt động để thực hiện từng chủ đề của hoạt động TNST bao hàm việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động TNST cho học sinh. Các dạng hoạt động chính làm cơ sở để thiết kế các hoạt động cụ thể nhằm thực hiện chủ đề của chương trình TNST là: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động theo chủ đề ; Diễn đàn; giao lưu; Hoạt động câu lạc bộ...

## 2. Thiết kế các hình thức tổ chức để thực hiện các dạng hoạt động chính được xác định trong chương trình hoạt động TNST

### - Thiết kế hình thức tổ chức

Căn cứ vào chương trình hoạt động TNST của khối lớp có thể thiết kế các hoạt động tương ứng với mạch nội dung. Tùy theo điều kiện từng trường có thể tổ chức lồng ghép với các hình thức khác. Ví dụ đối với bậc THCS

+ Với nội dung: “*Quê hương đất nước và hòa bình thế giới*” thì có thể thiết kế thành các chủ đề như:

Chủ đề 1: Chiến dịch Môi trường không rác

Chủ đề 2: Thăm bảo tàng

Chủ đề 3: Chăm sóc các cá nhân, gia đình có công với đất nước

Chủ đề 4: An toàn giao thông

+ Với nội dung: “*Giáo dục và phát triển cá nhân*” thì có thể thiết kế thành các chủ đề như:

Chủ đề 1: Xây dựng hình ảnh bản thân

Chủ đề 2: Trường tôi

Chủ đề 3: Sống khỏe mạnh

Chủ đề 4: Yêu lao động

Chủ đề 5: Lối sống lành mạnh

Chủ đề 6: Nuôi dưỡng Ước mơ

### - Thiết kế hình thức tham quan, dã ngoại

Nên tổ chức thăm quan du lịch khoảng 01 lần/năm, cho học sinh đi thăm những nơi có phong cảnh đẹp, có ý nghĩa lịch sử văn hoá. Qua hoạt động này, học sinh rèn được tính kỷ luật, phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong hoạt động, cách làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm. Đặc biệt qua hoạt động thăm quan du lịch những kiến thức các em được học ở được củng cố và mở rộng, ngoài ra các em còn thu nhận được các kiến thức xã hội, các nét văn hoá đặc sắc của các vùng miền nơi các em đến trải nghiệm từ đó giúp HS phát triển các KNGT cần thiết như: Kỹ năng chia sẻ; kỹ năng xử lý tình huống; kỹ năng làm việc nhóm...

### - Thiết kế hình thức hoạt động chiến dịch

Tổ chức các hoạt động chiến dịch như: chiến dịch bảo vệ môi trường; chiến dịch tình nguyện hè;...

Hoạt động bảo vệ môi trường nên tiến hành dưới các hình thức: Thi đua giữ vệ sinh trường lớp; tham gia tổng vệ sinh trường học và nơi cư trú; gắn biển công trình chăm sóc cây xanh của các chi đoàn tổ chức trình diễn thời trang với chủ đề môi trường; hình thức thi viết, thi vẽ tranh với chủ đề môi trường; Thứ 7 tình nguyện; chủ nhật tình xanh; trồng cây xanh..

Chiến dịch tình nguyện hè: hoạt động có thể kể đến như: tổ chức các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" Tổ chức thăm hỏi, chăm sóc các mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng...

**\* Điều kiện thực hiện:**

Cán bộ quản lý phải nhận thức đúng về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức hoạt động TNST theo chủ đề giáo dục, có kiến thức về hoạt động TNST.

Ngay từ đầu năm học phải xây dựng và phê duyệt kế hoạch hoạt động của nhà trường, cụ thể cho từng tuần, từng tháng, từng học kì, để làm cơ sở cho GV xây dựng kế hoạch hoạt động TNST.

Biện pháp này đòi hỏi các trường THCS phải được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất; đặc biệt phải các phòng chức năng. Mặt khác, để thực hiện biện pháp này, cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Mọi quan hệ của nhà trường với cộng đồng và các đơn vị, cơ quan trên địa bàn trường cũng là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện tốt biện pháp này

**3.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh các trường THCS**

**\* Mục tiêu biện pháp**

Hoạt động phát triển KNGT cho học sinh có thể diễn ra thuận lợi cần có sự hỗ trợ của nhiều yếu tố khác nhau. Mục tiêu của biện pháp này là các trường THCS cần tăng cường huy động các nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính, nguồn lực từ con người để hỗ trợ cho quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục thông qua đó phát triển KNGT cho HS được diễn ra thuận lợi và có hiệu quả tốt.

**\*Nội dung và cách thức thực hiện**

Bằng các biện pháp cụ thể, các trường THCS làm tăng cường vốn đầu tư về kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất, thời gian, không gian và khai thác, sử dụng hiệu quả các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn tài chính để tổ chức có chất lượng các hoạt

động phát triển KNGT cho HS. Để thực hiện được điều này, cần tiến hành các công việc sau:

- GV tận dụng tối đa nguồn lực của nhà trường để thực hiện các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho HS.
- Lãnh đạo nhà trường có các biện pháp quản lý để GV, các lực lượng giáo dục khai thác và sử dụng hiệu quả, triệt để các không gian giáo dục, phương tiện thiết bị hiện có như hội trường, lớp học, nhà đa năng, phòng truyền thống, vườn trường, sân tập thể dục thể thao... cho hoạt động để phát triển KNGT cho HS.
- Tăng thêm nguồn kinh phí để mua sắm các phương tiện dạy học phục vụ đủ cho nhu cầu sử dụng của GV như máy chiếu, mô hình, tranh ảnh. Khi xây dựng kế hoạch tài chính cho năm học nhà trường cần dành một phần ngân sách phù hợp cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục cũng như đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ tốt cho việc tổ chức các hoạt động, các chương trình để phát triển KNGT cho học sinh.
- Cán bộ quản lý, GV, cán bộ Đoàn Thanh niên, tổ chức Đội trong nhà trường cần tích cực huy động sự tài trợ về kinh phí, các phương tiện từ các lực lượng xã hội tại địa phương như các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức hoạt động về văn hóa nghệ thuật, từ hội phụ huynh học sinh... để tranh thủ kịp thời sự hỗ trợ của các nguồn lực bên ngoài trong quá trình tổ chức phát triển KNGT cho HS.

**\* Điều kiện thực hiện**

- Lãnh đạo nhà trường, giáo viên cần nhận thức được rõ vai trò của trang thiết bị, kinh phí để phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục để phát triển KNGT cho HS.
- Các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhận thức được vai trò của việc phát triển các KNGT cho để từ đó tích cực tham gia hỗ trợ về kinh phí, phương tiện vật chất cho quá trình này.
- Nhà trường có cơ chế phối hợp thường xuyên, tạo lập các mối quan hệ với các lực lượng ngoài trường để tranh thủ những điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục nói chung cũng như các hoạt động để phát triển các KNGT cho HS nói riêng.

### **3.2.7. Biện pháp 7: Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST**

#### **\* Mục tiêu của biện pháp**

- Tạo ra sự thống nhất từ nhận thức tới hành động giữa giáo viên và cha mẹ HS trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS.
- Khai thác được những tiềm năng của gia đình trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST.
- Tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS.

#### **\* Nội dung biện pháp**

Phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

- Tư vấn cho các bậc cha mẹ kiến thức, kỹ năng tổ chức HĐTNST ở gia đình nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS. HĐTNST có rất nhiều ưu thế trong việc phát triển nhân cách của HS nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp nói riêng. Tuy nhiên, nếu các bậc cha mẹ không nắm được cách thức tổ chức HĐTNST cho HS thì sẽ không phát huy được những ưu thế đó. Do vậy, việc tư vấn cho các bậc cha mẹ những kiến thức và kỹ năng để tổ chức HĐTNST ở gia đình nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS là một nội dung thiết thực. Tổ chức HĐTNST không khó với các bậc cha mẹ, song họ cần được hướng dẫn để việc tổ chức hoạt động mang tính sư phạm cao và phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý của HS. Khi tham gia HĐTNST, HSTHCS không chỉ có cơ hội phát triển kỹ năng giao tiếp mà còn có cơ hội phát triển nhiều mặt khác như về thể chất, trí tuệ, đạo đức,...
- Phối hợp với gia đình HS nhằm nắm bắt những đặc điểm về giao tiếp của HS, những yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển giao tiếp của trẻ. Để quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS đạt được hiệu quả cao, nhà giáo dục cần phải nắm bắt được tỉ mỉ những đặc điểm nhân cách của HS nói chung, đặc điểm về giao tiếp của HS nói riêng, từ đó xây dựng được những kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp với đặc điểm tâm lí, giao tiếp của HS. Mỗi HS có những đặc điểm tâm - sinh lý riêng; có sự khác nhau về đặc điểm giao tiếp và mức độ phát triển kỹ năng giao tiếp. Do đó, mỗi HS cần được chú ý điều chỉnh và phát triển những kỹ năng hoặc đặc điểm nhất định trong quá trình giao tiếp: có HS cần được giúp đỡ để tự tin hơn trong quá trình giao tiếp; có HS lại cần được điều chỉnh để biết lắng nghe, biết kiềm chế trong quá trình giao tiếp; ... Những đặc điểm đó có thể bị ảnh hưởng từ phía gia đình hoặc môi trường ở địa phương. Chính vì vậy nhà trường và

gia đình cần phối hợp chặt chẽ với nhau để tìm hiểu những nguyên nhân của thực trạng và đề xuất những giải pháp thiết thực trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS.

- Phối hợp với gia đình HS trong việc xây dựng cơ sở vật chất, tạo môi trường tổ chức HĐTNST cho HSTHCS.
- Phối hợp với gia đình để khắc phục những yếu tố ảnh hưởng không thuận lợi tới sự phát triển kỹ năng giao tiếp của HS. Chẳng hạn như sự vi phạm các nguyên tắc giao tiếp, chuẩn mực ứng xử của người lớn trong đời sống thường ngày đã ảnh hưởng một cách tự phát, tiêu cực tới sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ.
- Phối hợp với gia đình để giúp HS có những trải nghiệm thực về HĐTNST, để HS có cơ hội vận dụng và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp đã được học về mối quan hệ đó qua HĐTNST. Trong vấn đề này, phối hợp với gia đình mang lại cho HS những giá trị thiết thực từ việc rèn kỹ thành quá trình “tự học” một cách tự nhiên.

**\* Cách thức thực hiện biện pháp**

*Phương hướng chung:*

Về phía giáo viên, cần chủ động trước trong quá trình phối hợp bằng cách làm cho các bậc cha mẹ nhận thức rõ tầm quan trọng của giao tiếp và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST; làm cho họ nắm rõ mục tiêu, nội dung và cách thức phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST; tạo ra một môi trường thân thiện để chia sẻ thông tin và phối hợp toàn diện giữa gia đình và nhà trường.

Về phía gia đình, cần tích cực tìm hiểu để nắm vững mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường; chủ động chia sẻ với giáo viên những thông tin về con em mình, đồng thời chia sẻ với giáo viên những kinh nghiệm, những vướng mắc trong quá trình giáo dục HS ở gia đình; hỗ trợ nhà trường những điều kiện về vật chất và tinh thần để làm tốt hơn công tác giáo dục HS.

*Cách thức cụ thể:*

+ Về phía nhà trường

- Thường xuyên trao đổi thông tin giáo dục với cha mẹ HS để nắm được những thông tin về đặc điểm về giao tiếp cũng như những đặc điểm tâm - sinh lý khác của HS khi ở gia đình, đồng thời cũng chia sẻ với gia đình những thông tin về HS khi ở trường. Qua việc tiếp xúc thường xuyên với cha mẹ HS như vậy, giáo viên cũng có

thể nắm bắt được những yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp của HS từ phía gia đình như văn hoá giao tiếp của cha mẹ HS, nếp sống, thói quen sinh hoạt,... Từ đó có thể tư vấn cho các bậc cha mẹ những vấn đề thiết thực trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS. Những vấn đề đó tùy theo mỗi gia đình mà có thể là: cần khuyến khích HS tích cực tham gia các hoạt động phong phú hơn; giúp HS mở rộng mối quan hệ giao tiếp; thay đổi những hành vi giao tiếp lệch chuẩn của người lớn. ...

- Tổ chức định kỳ và thường xuyên những cuộc tiếp xúc với cha mẹ HS. Ngoài những cuộc họp phụ huynh hoặc những cuộc tiếp xúc với cha mẹ HS được tổ chức định kỳ để thông báo những vấn đề chung trong kế hoạch giáo dục HS, giáo viên có thể tổ chức những cuộc tiếp xúc thường xuyên với cha mẹ HS trong khoảng thời gian ngắn nhưng mang tính kế hoạch cao (Gợi ý: có thể trao đổi một chủ đề ngắn gọn hoặc thông tin cho phụ huynh biết mục tiêu, nội dung, biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS,...) nhằm tạo ra sự thống nhất giữa nhà trường và gia đình trong việc phát triển KNGT cho HS; đồng thời có thể khai thác được những tiềm năng của gia đình trong sự nghiệp chung - sự nghiệp giáo dục HS.

- Thường xuyên thăm gia đình HS đây cũng là một thuận lợi để giáo viên có thể thăm gia đình HS nhằm tạo mối quan hệ gắn bó, thân thiện giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên với cha mẹ HS và thiết lập tình cảm giữa cô và HS. Hơn nữa, qua việc thăm gia đình HS giáo viên có thể nắm bắt được những thông tin thiết thực cho quá trình giáo HS.

- Mời phụ huynh tham gia học cùng giáo viên các chuyên đề về giao tiếp và giáo dục kỹ năng giao tiếp cho HS. Một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp tới kỹ năng giao tiếp của HS đó là hành vi giao tiếp của những người trong gia đình, đặc biệt là cha mẹ, việc mời phụ huynh tham gia các khoá học cùng giáo viên có một ý nghĩa rất to lớn và bền vững. Khi tham gia các khoá học cùng giáo viên họ sẽ thấy được trách nhiệm giáo viên, tâm huyết của giáo viên, một tinh thần không ngừng học hỏi của giáo viên, từ đó họ sẽ ý thức hơn về trách nhiệm giáo dục HS của một người làm cha, làm mẹ.

- Tạo một môi trường thân thiện để chia sẻ thông tin giáo dục giữa nhà trường với gia đình: Trong trường cần có nơi đón tiếp cha mẹ của HS một cách thân thiện và thường xuyên nhằm xoá tâm lí rụt rè, e ngại tới trường và gặp giáo viên của các bậc



cha mẹ; tạo ra một bầu không khí tâm lý thoải mái, thân thiện giữa giáo viên và cha mẹ HS.

+ Về phía gia đình

- Tích cực trao đổi với giáo viên những thông tin về quá trình học tập, vui chơi và sinh hoạt của con mình ở trường và chia sẻ với giáo viên những thông tin về đặc điểm tâm - sinh lý của HS trong các hoạt động sinh hoạt và vui chơi ở gia đình

- Tích cực nắm bắt mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ; những qui định về chuẩn giáo dục phổ thông và kế hoạch giáo dục của nhà trường để kịp thời phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục toàn diện cho HS. Ngày nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, các bậc cha mẹ có thể dễ dàng tìm, khai thác và nắm bắt được những thông tin giáo dục con em mình.

- Tích cực tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn của nhà trường và giáo viên trong quá trình giáo dục con em mình. Trên cơ sở đó biết huy động các nguồn lực của các gia đình nhằm trợ giúp cho nhà trường làm tốt hơn việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST, cũng như việc thực hiện kế hoạch giáo dục toàn diện cho HS.

**\* Điều kiện thực hiện biện pháp**

- Phải thành lập một ban chỉ đạo việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS Trên cơ sở đó chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch phối hợp với gia đình giáo dục toàn diện cho HS nói chung và xây dựng kế hoạch phối hợp với gia đình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS nói riêng.

- Việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua HĐTNST phải được xây dựng thành một chương trình có mục tiêu, nội dung, và phương thức phối hợp rõ ràng; đồng thời, phải xây dựng được những tiêu chí đánh giá việc thực hiện kế hoạch phối hợp.

- Phải xây dựng được một cơ chế điều tiết việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình nhằm xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của giáo viên cũng như các bậc cha mẹ trong quá trình phối hợp.

- Biên soạn những tài liệu hướng dẫn giáo viên và cha mẹ HS trong quá trình phối hợp thực hiện những mục tiêu và nội dung cụ thể; biên soạn tài liệu phát tay cho các bậc cha mẹ để hướng dẫn họ cách thức tổ chức HĐTNST đảm bảo tính sư phạm.

- Ngoài những điều kiện trên, giáo viên phải là người có kỹ năng giao tiếp tốt, có hiểu biết sâu sắc về việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS qua HĐTNST, có tâm huyết giáo dục và có kỹ năng phối hợp với gia đình; Các bậc cha mẹ phải có ý thức thường trực về trách nhiệm giáo dục của mình và trách nhiệm phối hợp với nhà trường phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS.

### **3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp**

Các biện pháp trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Mỗi biện pháp là mắt xích quan trọng, biện pháp này là cơ sở, là tiền đề cho biện pháp kia và ngược lại. Sự vận dụng linh hoạt các biện pháp sẽ tạo ra môi trường hoạt động tốt, các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST sẽ đạt hiệu quả cao, góp phần hình thành và rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho học sinh THCS đồng thời tạo ra sự thân thiện trong nhà trường, tăng cường mối quan hệ thân thiện giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

Biện pháp 1 là cơ sở để giáo viên có thể thực hiện các biện pháp tiếp theo. Biện pháp 2,3,4 là trọng tâm ;

Biện pháp 5 có vai trò phát huy tính hiệu quả việc thiết kế các chủ đề cũng như xây dựng quy trình phát triển KNGT nhờ đó mà đáp ứng được mục tiêu phát triển KNGT cho HS; Biện pháp 6, 7 có tính chất tạo điều kiện hỗ trợ để thực hiện có hiệu quả các biện pháp.

Để thực hiện có hiệu quả quá trình phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh THCS cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp trên

### **3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi các biện pháp đã xây dựng**

#### **3.4.1. Mục đích khảo nghiệm**

Nhằm xác định mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp đã xây dựng để phát triển KNGT cho HS THCS thông qua HĐTNST.

#### **3.4.2. Quá trình khảo nghiệm**

##### **3.4.2.1. Nội dung khảo nghiệm**

Mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp đã xây dựng

##### **3.4.2.2. Các bước tiến hành khảo nghiệm**

- Bước 1: Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến dành cho chuyên gia

Xác định tiêu chí đánh giá: Để đánh giá các biện pháp mà đề tài đã đề xuất, tác giả xin ý kiến chuyên gia về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp

Xây dựng mẫu phiếu trưng cầu ý kiến chuyên gia

-Bước 2: Lựa chọn chuyên gia

Để đạt kết quả khảo nghiệm có tính thuyết phục cao, tác giả xin ý kiến những giáo viên có kinh nghiệm về công tác GD ở bậc THCS. Tổng số người xin ý kiến là 45 giáo viên;

Trong phiếu trưng cầu có 02 tiêu chí đánh giá: Mức độ cần thiết và mức độ khả thi

+ Đánh giá về mức độ cần thiết của 07 biện pháp đề xuất có 03 mức độ: Rất cần thiết, ít cần thiết, không cần thiết.

+ Đánh giá về mức độ khả thi của 07 biện pháp đề xuất có 03 mức độ: khả thi, ít khả thi, phân vân.

-Bước 3: Xin ý kiến chuyên gia

- Bước 4: Xử lý kết quả và định lượng kết quả nghiên cứu

### 3.4.3. Kết quả khảo nghiệm

a. Kết quả trưng cầu ý kiến về tính cần thiết của các biện pháp

**Bảng 3.1: Ý kiến của GV về tính cần thiết của các biện pháp**

TT	Biện pháp	Rất cần thiết (SL-%)	Ít cần thiết (SL - %)	Không cần thiết (SL- %)
1	Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS	45 (100%)	0	0
2	Hoàn thiện danh mục các HĐTNST cơ ưu thế phát triển KNGT cho HS	25 (55,6%)	20 (44,4%)	0
3	Xây dựng quy trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HSTHCS	45 (100%)	0	0
4	Thiết kế tài liệu, hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT	27 (60%)	18 (40%)	0
5	Đa dạng hóa, PP, HTTC HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS	45 (100%)	0	0
6	Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh các trường THCS	45 (100%)	0	0
7	Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST	45 (100%)	0	0

Qua bảng số liệu 3.1 cho thấy giáo viên đánh giá rất cao về tính cần thiết của các biện pháp với tỷ lệ là 100% ý kiến đối với Biện pháp (1) (3) (5) (6) và (7). Đối với Biện pháp *Thiết kế tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động mẫu của hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục kỹ năng giao tiếp* có 27 GV (60%) đánh giá ở mức độ rất cần thiết, 18 GV (40%) đánh giá mức độ ít cần thiết. Biện pháp *Hoàn thiện danh mục các hoạt động trải nghiệm sáng tạo có ưu thế giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh* có 25 GV (55,6%) đánh giá mức độ rất cần thiết, 20 GV (44,4%) đánh giá mức độ ít cần thiết tức là vẫn có băn khoăn và đánh giá chưa thực sự cao về mức độ phù hợp. Tìm hiểu điều này, chúng tôi được biết: đây là chương trình mới, là một hoạt động mang tính chuyên môn cao đòi hỏi thời gian, công sức, phương tiện, an ninh, nhân lực, vật lực để hỗ trợ, tư vấn, thực hiện. Nhưng các cơ chế điều chỉnh cụ thể còn hạn chế và rất chung chung. Vì thế các trường học khi thực hiện “mò mẫm” làm, “lựa cơm gắp mắm”, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau dựa trên điều kiện thực tế nên thiếu một kế hoạch. như vậy tức là GV bộ môn sẽ là người tham gia soạn thảo lên ý tưởng, kế hoạch, thực hiện, đánh giá kết quả hoạt động. Điều này có chủ quan và có là quá sức cùng năng lực với GV bộ môn. Khi chế độ làm việc GV trung học phổ thông là 17 tiết, trung học cơ sở là 19 tiết/ tuần (dự thảo mới là 17 tiết/ tuần). Hơn nữa để tổ chức một hoạt động trải nghiệm thì còn phải căn cứ vào nhiều yếu tố như: kinh phí, địa điểm, lực lượng tổ chức... chính vì vậy khi xây dựng các HĐTNST có ưu thế để phát triển KNGT cho HS vẫn phải phù hợp với đặc thù điều kiện thực tế ở trường và địa phương và thường chú trọng tổ chức các HĐTNST tại chỗ với mục đích giáo dục được xây dựng.

b. Kết quả trưng cầu ý kiến về tính khả thi của các biện pháp

**Bảng 3.2: Ý kiến của GV về tính khả thi của các biện pháp**

TT	Biện pháp	Khả thi (SL-%)	Ít khả thi (SL - %)	Phân vân (SL- %)
1	Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, HS về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển KNGT cho HS THCS	44 (97,8%)	1 (2,22%)	0
2	Hoàn thiện danh mục các HĐTNST cơ ưu thế phát triển KNGT cho HS	45 (100%)	0	0
3	Xây dựng quy trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HSTHCS	45 (100%)	0	0
4	Thiết kế tài liệu, hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT	45 (100%)	0	0
5	Đa dạng hóa, PP, HTTC HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS	45 (100%)	0	0
6	Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS các trường THCS	45 (100%)	0	0
7	Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST	45 (100%)	0	0

Các biện pháp đề xuất đều được GV đánh giá ở mức khả thi rất cao. Chỉ có 01 ý kiến phân vân ở tính khả thi của biện pháp (1), tìm hiểu vấn đề này tác giả đã tìm hiểu và tác giả được biết việc nâng cao nhận thức cho giáo viên thì dễ, song việc nâng cao nhận thức cho cha mẹ HS là một công việc khó khăn. Tác giả hiểu ý “khó khăn” của giáo viên đó đưa ra cũng có cơ sở, song có công việc nào đơn giản không cần sự cố gắng và ở đây lại là việc giáo dục HS - một công việc đã từng được xem là khó khăn, phức tạp, đòi hỏi một sự kiên trì và tính sáng tạo cao. Nếu làm tốt được biện pháp này thì sẽ là cơ sở và điều kiện để thực hiện các biện pháp tiếp theo đạt hiệu quả cao;

### **Tiểu kết chương 3**

Phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST là một nhiệm vụ quan trọng, song cũng là một nhiệm vụ đòi hỏi tính kiên trì, sự tâm huyết của giáo viên và các bậc cha mẹ của HS. Để việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS đạt hiệu quả cao đòi hỏi phải thực hiện được đồng bộ và linh hoạt các biện pháp đã xây dựng - đó là những biện pháp:

- (1) Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, HS về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển KNGT cho HS THCS
- (2) Hoàn thiện danh mục các HĐTNST cơ ưu thế phát triển KNGT cho HS;
- (3) Xây dựng quy trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HSTHCS; (4) Thiết kế tài liệu, hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT;
- (5) Đa dạng hóa phương pháp, hình thức tổ chức các HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS;
- (6) Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh các trường THCS.
- (7) Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS là một nội dung GD quan trọng. Thông qua HĐTNST sẽ giúp HS nắm bắt được các KNGT thiết thực, giúp học sinh tự tin bước vào cuộc sống tương lai. Tăng cường rèn luyện KNGT thông qua các HĐTNST cho HS vừa góp phần nâng cao chất lượng GD, chất lượng dạy và học hiện nay của nước ta.

### 1. Kết luận

#### 1.1. Về mặt lý luận

Từ các kết quả nghiên cứu thu được phân tích ở trên, về mặt lý luận, có thể rút ra một số nội dung sau:

Hoạt động phát triển KNGT là một bộ phận quan trọng của quá trình GD toàn diện trong nhà trường, là một con đường quan trọng đến quá trình hình thành và phát triển toàn diện nhân cách HS. phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS là phương thức hình thành, rèn luyện hoặc thay đổi các hành vi của các em theo hướng tích cực, phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách HS. Đồng thời, đây cũng là hướng đi tích cực cần được triển khai rộng rãi ở các địa phương trên cả nước.

Việc tổ chức hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS ở trường THCS sẽ giúp cho GV và các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường nhằm tổ chức thực hiện kế hoạch, nội dung hoạt động phát triển KNGT theo hướng để HS tham gia vào các hoạt động trải nghiệm thực tế, có được những năng lực, kỹ năng cần thiết cho tương lai.

Trong quá trình tổ chức hoạt động GV đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho HS qua HĐTNST. Nhìn chung HS đều rất hứng thú đối với các hoạt động phát triển KNGT dưới hình thức trải nghiệm, tích cực chủ động tham gia vào việc tham gia ý kiến, chủ động phối hợp triển khai các nội dung hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT thông qua trải nghiệm được sử dụng đa dạng, phong phú.

#### 1.2. Về mặt thực tiễn

Việc triển khai các biện pháp phát triển KNGT ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn đã có những dấu hiệu tích cực. Tuy nhiên, vẫn chưa có sự đầu tư nhiều về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển KNGT. Đa số các trường vẫn còn lúng túng trong việc tổ chức các HĐTNST, nhận thức của

GV về vấn đề này còn có những hạn chế nhất định: Năng lực triển khai, tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép với phát triển KNGT của GV còn hạn chế, điều kiện phục vụ cho hoạt động còn chưa đáp ứng đầy đủ. Theo đó, muốn nâng cao hiệu quả phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho HS THCS cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Xác định rõ nội dung chương trình phát triển KNGT ở trường THCS. Phát huy vai trò sáng tạo của GV và HS trong việc xây dựng các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển KNGT cho HS. Tổ chức học hỏi kinh nghiệm và tạo điều kiện cho GV tham gia tập huấn, học hỏi kinh nghiệm các nội dung do Phòng, Bộ GD&ĐT tổ chức.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của phát triển KNGT cho HS, đặc biệt tùy từng địa phương, từng đơn vị có cơ chế khuyến khích HS và GV tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong quá trình dạy và học. Cố gắng lồng ghép các KNGT thông qua xây dựng tình huống ở các bộ môn.

- Tăng cường thông tin về lợi ích của HĐTNST trong việc bồi dưỡng, phát triển KNGT cho HS bậc THCS, đặc biệt là đối với cha mẹ HS thông qua các cuộc họp phụ huynh thường kỳ, ban phụ huynh HS hoặc trực tiếp mời cha mẹ HS tham gia các hoạt động trải nghiệm đó cùng HS. Đồng thời hoạt động kiểm tra, đánh giá nên có sự phối hợp cùng cha mẹ HS để theo dõi kết quả GD của HS tại gia đình.

- Nâng cao trình độ và kỹ năng tổ chức phát triển KNGT cho đội ngũ GV thông qua hoạt động đào tạo, tập huấn, trao đổi chuyên môn.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức phát triển KNGT ở trường THCS.

- Chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ việc tổ chức hoạt động phát triển KNGT ở trường THCS.

- Kết hợp với các lực lượng GD trong việc phát triển KNGT cho HS THCS.

- Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện phát triển KNGT.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Đối với Bộ GD & ĐT:**

Cần quan tâm hơn nữa tới chế độ đãi ngộ giáo viên nhằm động viên, khích lệ nhiệt huyết giáo dục và tinh thần thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của họ.

### **2.2. Đối với các trường Sư phạm:**

Trong chương trình đào tạo giáo viên THCS ở các trường phạm cần phải dành một thời lượng thoả đáng hơn cho việc rèn kỹ năng giao tiếp của sinh viên;



nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo kỹ năng mềm - kỹ năng giao tiếp cho sinh viên nói chung, cho sinh viên sư phạm THCS nói riêng để sau khi ra trường những sinh viên này có thể tiến hành một cách có hiệu quả các hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS ở trường THCS; đẩy mạnh công tác nghiên cứu nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên THCS.

### **2.3. Đối với các trường THCS**

Cần xây dựng được một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình gắn với những qui định, những cam kết về trách nhiệm của giáo viên và cha mẹ của HS trong quá trình thực hiện mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của bậc học và của nhà trường; Khi các trường vận dụng các biện pháp đã xây dựng trong đề tài này cần chú ý: Những biện pháp trên mới chỉ là những “*mô hình lý thuyết*” do đó cần phải có những nghiên cứu khác về thực tiễn giáo dục ở trường mình và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo.

### **2.4. Đối với giáo viên**

Là người trực tiếp tiến hành các hoạt động dạy học, GD, trải nghiệm để phát triển KNGT cho HS. GV cần thực hiện các công việc sau:

- Tự học, tự bồi dưỡng để nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động phát triển KNGT cho HS.
- Giúp HS nhận thức được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của phát triển KNGT thông qua HĐTNST. Từ đó giúp các em có được hứng thú và nhu cầu tham gia vào các hoạt động.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện các biện pháp học tập đa dạng, phong phú để phát triển năng lực, tăng cường giao tiếp dưới các hình thức khác nhau phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và tâm lý HS..
- Chủ động cập nhật thông tin thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin để trau dồi kiến thức, tích cực tìm tòi, sáng tạo, chủ động xây dựng, đề xuất các chương trình, các hoạt động trải nghiệm phù hợp với HS do mình phụ trách. Định hướng đến các hoạt động lồng ghép được nhiều KNGT cần thiết cho HS.
- Phối hợp với Ban phụ huynh HS các khối lớp phối hợp trong quá trình triển khai và tổ chức các HĐTNST.
- Phản hồi và báo cáo lại các kết quả thu được của HS thông qua áp dụng phương thức trải nghiệm sáng tạo. Có báo cáo kết quả thu hoạch và báo cáo kinh nghiệm chi tiết đối với các hoạt động trải nghiệm đã tổ chức.

### ***2.5.Đối với phụ huynh học sinh***

- Quan tâm chặt chẽ và tạo điều kiện tốt nhất về thời gian cho HS học tập và tham gia đầy đủ các HĐTNST của nhà trường.
- Tăng cường Tăng cường liên lạc với nhà trường để nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện KNGT của HS và tạo điều kiện cơ sở vật chất, ủng hộ nhà trường tổ chức các HĐ TNST cho HS.
- Dành thời gian tham gia các hoạt động trải nghiệm cùng với con em mình nhằm hỗ trợ nhà trường trong hoạt động theo dõi, đánh giá các kết quả của GD KNGT của HS tại gia đình.
- Khuyến khích, động viên khích lệ con em tích cực tham gia HĐTNST trong và ngoài nhà trường để phát triển KNGT trong mọi môi quan hệ

### ***2.6.Đối với các tổ chức xã hội và cá nhân ở địa phương***

Cần xây dựng đầu tư, tìm kiếm các nguồn lực cho quá trình phát triển của các trường THCS trên địa bàn, cũng như cho các bậc giáo dục khác ở địa phương.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), *Hoạt động giao tiếp nhân cách*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Lê Thị Bùng (2004), *Giao tiếp tuổi tuổi trăng tròn*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Bình (2008), "*Giáo dục kỹ năng sống dựa vào trải nghiệm*", Tạp chí giáo dục, (203),
4. Bộ GD&ĐT (2014), *Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông*, Hà Nội
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT về *Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học*; Tài liệu tập huấn giáo viên, Hà Nội.
7. Vũ Dũng (1996), *Văn hóa giao tiếp*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị - Hành chính.
9. Phùng Thị Hằng (2006), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Đông Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số B2005-03-69. 44.
10. Ngô Công Hoàn (1992), *Một số vấn đề về tâm lý học về giao tiếp sư phạm*, NXB Hà Nội.
11. Lê Văn Hồng (chủ biên, 2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
12. Nguyễn Bá Minh (2008), *Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
13. Bùi Sỹ Tụng, Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Phi Long, Trần Quốc Thành (2006) *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách giáo viên lớp 10*, NXB Giáo dục
14. Bùi Sỹ Tụng, Lê Văn Cầu, Lê Thanh Sử, Đỗ Tường Vi (2007); *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách giáo viên lớp 11*, NXB Giáo dục

15. Bùi Sỹ Tùng, Lê Văn Cầu, Nguyễn Dục Quang(2007). *Tập sách hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách giáo viên lớp 12*, NXB Giáo dục.
16. Trương Thanh Thúy; *Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học phổ thông qua hoạt động ngoại khóa* ; Tạp chí khoa học Giáo dục (Số 116/2015)
17. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành(1995), *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## **II.TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI**

18. A.G. Covaliov (1994), *Tâm lý học cá nhân*, NXB Giáo dục Hà Nội
19. A.S.Macarenco (1984), *Giáo dục người công dân*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
20. David A.Kolb (2015) , *Lý thuyết học qua trải nghiệm*, Tạp chí khoa học, ĐHSP Hà Nội
21. Ilina T.A (1978), *Giáo dục học tập 3*, NXB Giáo dục
22. Manabu Sato & Masaaki Sato (2015), *Cộng đồng học tập - Mô hình đổi mới toàn diện nhà trường*, NXB ĐH Sư phạm

## **III.TÀI LIỆU WEB**

23. Bùi Ngọc Diệp (2017), Một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường phổ thông, <https://123doc.org/document/4464262-mot-so-van-de-chung-ve-hd-tnst.htm>
24. Đinh Thị Kim Thoa (2014), Trải nghiệm sáng tạo - Hoạt động quan trọng trong Chương trình GD phổ thông mới, <http://thcsfpt.edu.vn/traix-nghiem-sang-tao-hoat-dong-quan-trong-trong-chuong-trinh-gd-pho-thong-moi>
25. Phạm Hữu Vang (2016); *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường THCS huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang*; Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục; [http:// www.Irc.tnu.edu.vn](http://www.Irc.tnu.edu.vn)

## Phụ lục 1

# PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ BẮC KẠN

Mẫu 1.1:

## PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

*(Dành cho học sinh)*

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu việc phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST) cho HS THCS em vui lòng cho biết những thông tin dưới đây:

### Phần 1: Thông tin cá nhân

Học sinh lớp .....

Giới tính: .....

Trường: .....

### Phần 2: Nội dung

**Câu 1. Theo em, kỹ năng giao tiếp là gì? (Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)**

- Là khả năng nhận biết những biểu hiện cụ thể (bên trong và bên ngoài) của đối tượng và chủ thể giao tiếp (người giao tiếp)

- Là cách nói chuyện với người khác một cách lời cuốn, hấp dẫn đạt được hiệu quả trong giao tiếp.

- Kỹ năng giao tiếp là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp

**Câu 2. Theo em, kỹ năng giao tiếp có vai trò như thế nào trong đời sống và học tập? (Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)**

- Rất quan trọng

- Quan trọng

- Bình thường

- Không quan trọng

**Câu 3: Theo em, hoạt động trải nghiệm sáng tạo được hiểu là ?**

*(Đánh dấu X vào ô mà em cho là đúng nhất, chỉ chọn 01 đáp án)*

- Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là các hoạt động giáo dục thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường. Hoạt động trải nghiệm sáng

tạo là một bộ phận của quá trình giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học. □

- Hoạt động TNST là hoạt động giáo dục, trong đó từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cho cá nhân mình. □

- Hoạt động TNST là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng. □

**Câu 4: Theo em, có những con đường nào để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS** (Đánh dấu X vào phương án em chọn, có thể chọn nhiều phương án)

TT	Con đường	Ý kiến
1	Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD, các môn học có ưu thế.	
2	Tổ chức hoạt động GDNGLL tích hợp nội dung phát triển KNGT	
3	Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể thông qua đó phát triển KNGT cho HS THCS	
4	Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT	
5	Phát triển KNGT thông qua các hoạt động trải nghiệm	

**Câu 5. Ở trường em có tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh không?** (Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)

Có

Không

**Lưu ý:** Nếu trả lời là “có” thì trả lời các câu tiếp theo; Nếu trả lời là “không” thì dừng, không trả lời các câu hỏi sau.

**Câu 6: Em hãy cho biết tần suất và mức độ hứng thú của em tham gia các hoạt động TNST do trường em tổ chức.**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Tần suất		Hứng thú	
<input type="checkbox"/>	Chưa tham gia	<input type="checkbox"/>	Không hứng thú với các hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/>	Hứng thú với tùy từng hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thường xuyên	<input type="checkbox"/>	Rất hứng thú với các hoạt động

**Câu 7: Khi tham gia vào các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường, em thấy mình được phát triển những kỹ năng giao tiếp nào sau đây.**

*(Đánh dấu X vào phương án chọn, có thể chọn nhiều phương án)*

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến
1	Kỹ năng phản hồi	
2	Kỹ năng chia sẻ	
3	Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm	
4	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp	
5	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	
6	Kỹ năng xử lý tình huống	
7	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	
8	Kỹ năng làm việc theo nhóm	
9	Kỹ năng thuyết phục	
10	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác	
11	Kỹ năng biểu đạt vấn đề	
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề	
13	Kỹ năng nhận thức về bản thân	
14	Kỹ năng chào hỏi	
15	Kỹ năng lắng nghe	
16	Kỹ năng thương lượng	
17	Các Kỹ năng khác	

*Ý kiến khác của em .....*  
 .....

**Câu 8: Trường em tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh bằng các phương pháp nào?**

(Đánh dấu X vào phương án chọn, có thể chọn nhiều phương án)

TT	Phương pháp	Ý kiến
1	Phương pháp sắm vai	
2	Phương pháp giải quyết vấn đề	
3	Phương pháp làm việc nhóm	
4	Phương pháp dự án	
5	Phương pháp trò chơi	
8	Ý kiến khác	

Ý kiến khác của em .....

**Câu 9: Trường em tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh bằng các hình thức nào?**

(Đánh dấu X vào phương án chọn, có thể chọn nhiều phương án)

TT	Hình thức	Ý kiến
1	Câu lạc bộ	
2	Trò chơi	
3	Diễn đàn	
4	Sân khấu tương tác	
5	Tham quan, dã ngoại	
6	Hội thi/cuộc thi	
7	Tổ chức sự kiện	
8	Giao lưu	
9	Hoạt động chiến dịch	
10	Hoạt động nhân đạo	
11	Hoạt động tình nguyện	
12	Lao động công ích	
13	Sinh hoạt tập thể	
14	Hoạt động NCKH	
15	Ý kiến khác	

Ý kiến khác của em .....



**Câu 10: Theo em có những yếu tố nào ảnh hưởng đến giao tiếp và kỹ năng giao tiếp của học sinh qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. (Đánh dấu X vào phương án chọn, có thể chọn nhiều phương án)**

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Ý kiến
1	Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên	
2	Trình độ, năng lực của giáo viên	
3	Nhận thức của học sinh	
4	Các tổ chức đoàn thể và các lực lượng xã hội	
5	Yếu tố khác	

Ý kiến khác của em .....

.....

**Câu 11: Em có mong muốn thay đổi những yếu tố nào đối với các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS của nhà trường.**

STT	Ý kiến	
	Tiêu chí cần thay đổi (Đánh dấu X vào tiêu chí em cho là cần thay đổi)	Xu hướng thay đổi (Viết xu hướng thay đổi theo ý kiến của em)
1	Nội dung các hoạt động TNST	
2	Phương pháp tổ chức HĐTNST	
3	Hình thức tổ chức hoạt động TNST	
4	Yếu tố khác	

*Chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của em!*

Mẫu 1.2:

## PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên)

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu về vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST) cho học sinh THCS. Kính mong quý Thầy (cô) vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

### Phần 1: Thông tin cá nhân

Tuổi.....; Số năm công tác:.....

Chuyên ngành.....

Trình độ chuyên môn.....

Trường:.....

### Phần 2: Nội dung

#### Câu 1: Theo thầy cô, kỹ năng giao tiếp được hiểu là?

(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)

- Là khả năng nhận biết những biểu hiện cụ thể (bên trong và bên ngoài) của đối tượng và chủ thể giao tiếp (người giao tiếp)

- Là cách nói chuyện với người khác một cách lời cuốn, hấp dẫn đạt được hiệu quả trong giao tiếp.

- Kỹ năng giao tiếp là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp.

#### Câu 2. Theo thầy cô, kỹ năng giao tiếp có vai trò như thế nào trong đời sống và học tập? (Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)

- Rất quan trọng

- Quan trọng

- Bình thường

- Không quan trọng

#### Câu 3: Theo thầy cô, hoạt động trải nghiệm sáng tạo được hiểu là ?

(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)

- Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là các hoạt động giáo dục thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một bộ phận của quá trình giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học.

- Hoạt động TNST là hoạt động giáo dục, trong đó từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực. □

- Hoạt động TNST là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng. □

**Câu 4: Thầy, cô sử dụng những con đường nào để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh. (Đánh dấu X vào phương án chọn)**

TT	Mức độ thực hiện	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	Con đường			
1	Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD, các môn học có ưu thế.			
2	Tổ chức hoạt động GDNGLL tích hợp nội dung phát triển KNGT			
3	Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể thông qua đó phát triển KNGT cho HS THCS			
4	Tổ chức các hoạt động xã hội, huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT			
5	Phát triển KNGT thông qua các hoạt động trải nghiệm			

**Câu 5. Ở trường thầy cô có tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh không? (Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)**

Có

Không

**Lưu ý: Nếu trả lời là “có” thì trả lời các câu tiếp theo; Nếu trả lời là “không” thì dừng, không trả lời các câu hỏi sau.**

**Câu 6: Thầy cô hãy cho biết tần suất và mức độ hứng thú của em học sinh khi tham gia các hoạt động TNST do nhà trường tổ chức.**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Tần suất		Hứng thú	
<input type="checkbox"/>	Chưa tham gia	<input type="checkbox"/>	Không hứng thú với các hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/>	Hứng thú với tùy từng hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thường xuyên	<input type="checkbox"/>	Rất hứng thú với các hoạt động

**Câu 7: Thầy, cô thường chú ý phát triển kỹ năng giao tiếp nào cho HS thông qua Hoạt động trải nghiệm sáng tạo. (Đánh dấu X vào phương án lựa chọn)**

TT	Mức độ thực hiện	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	Nội dung GD KNGT			
1	Kỹ năng phản hồi			
2	Kỹ năng chia sẻ			
3	Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm			
4	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp			
5	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị			
6	Kỹ năng xử lý tình huống			
7	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông			
8	Kỹ năng làm việc theo nhóm			
9	Kỹ năng thuyết phục			
10	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu đề nghị của người khác			
11	Kỹ năng biểu đạt vấn đề			
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề			
13	Kỹ năng nhận thức về bản thân			
14	Kỹ năng chào hỏi			
15	Kỹ năng lắng nghe			
16	Kỹ năng thương lượng			
17	Các Kỹ năng khác			

*Ý kiến khác của em .....*

.....

**Câu 8: Thầy cô thường sử dụng các phương pháp nào để phát triển KNGT cho HS khi tổ chức hoạt động TNST (Đánh dấu X vào phương án lựa chọn)**

TT	Mức độ thực hiện	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	Phương pháp			
1	Phương pháp sắm vai			
2	Phương pháp giải quyết vấn đề			
3	Phương pháp làm việc nhóm			
4	Phương pháp dự án			
5	Phương pháp trò chơi			
6	Ý kiến khác			

Ý kiến khác của em .....

**Câu 9: Thầy cô thường sử dụng các hình thức nào để phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNST cho học sinh?(Đánh dấu X vào phương án lựa chọn)**

TT	Mức độ thực hiện	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	Hình thức			
1	Câu lạc bộ			
2	Trò chơi			
3	Diễn đàn			
4	Sân khấu tương tác			
5	Tham quan, dã ngoại			
6	Hội thi/cuộc thi			
7	Tổ chức sự kiện			
8	Giao lưu			
9	Hoạt động chiến dịch			
10	Hoạt động nhân đạo			
11	Hoạt động tình nguyện			
12	Lao động công ích			
13	Sinh hoạt tập thể			
14	Hoạt động NCKH			
15	Ý kiến khác			

Ý kiến khác của em .....

**Câu 10: Theo thầy, cô có những yếu tố nào ảnh hưởng đến giao tiếp và kỹ năng giao tiếp của học sinh qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.**

*(Đánh dấu X vào phương án lựa chọn)*

TT	Mức độ	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
	Yếu tố			
1	Yếu tố quản lý			
2	Năng lực của giáo viên			
3	Năng lực cá nhân học sinh			
4	Các tổ chức đoàn thể và các lực lượng GD			
5	Yếu tố khác			

*Ý kiến khác của em* .....

**Câu 11: Theo thầy, cô trong quá trình tổ chức các HĐTNST cần phải thay đổi tiêu chí nào để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh.**

TT	Ý kiến	
	<i>Tiêu chí cần thay đổi</i> <i>(Đánh dấu X vào tiêu chí thầy/cô cho là cần thay đổi)</i>	<i>Xu hướng thay đổi</i> <i>(Viết xu hướng thay đổi theo ý kiến của thầy/cô)</i>
1	Nội dung các hoạt động TNST	
2	Phương pháp tổ chức HĐTNST	
3	Hình thức tổ chức hoạt động TNST	
4	Yếu tố khác	

*Chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của thầy cô!*

**Phụ lục 2**  
**MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA**

*(Sử dụng để phỏng vấn giáo viên)*

Họ và tên người phỏng vấn:.....

Họ và tên người được phỏng vấn.....

Giới tính.....; Tuổi.....; Trình độ.....

Thâm niên công tác.....

Công tác tại trường.....

Chúng tôi mong muốn các thầy (cô) giáo cung cấp cho chúng tôi một số thông tin về việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS thành phố Bắc Kạn thông qua HĐTNST.

**Câu 1:** Thầy (cô) hiểu như thế nào về khái niệm HĐTNST trong nhà trường.

**Câu 2:** Hoạt động TNST sẽ giúp HS hình thành nên những kỹ năng giao tiếp nào?

**Câu 3:** Thầy (cô) sử dụng phương pháp, hình thức nào để đánh giá kết quả giáo dục KNGT thông qua hoạt động TNST cho học sinh.

**Câu 4:** Trong quá trình thầy (cô) tổ chức các HĐTNST để phát triển KNGT cho HS thầy (cô) gặp những khó khăn nào?

**Câu 5:** Theo thầy (cô), để tổ chức tốt HĐTNST để phát triển KNGT cho HS cần phải thay đổi những tiêu chí nào? Tại sao.

**Câu 6:** Theo thầy (cô) tại sao phải bồi dưỡng cho GV kỹ năng tổ chức HĐTNST để phát triển KNGT cho HS.

**Câu 7:** Theo thầy (cô) bồi dưỡng giáo viên cần được tiến hành bằng những phương pháp và hình thức nào? Và giáo viên cần được bồi dưỡng như thế nào.

*Xin cảm ơn quý thầy (cô) đã cho chúng tôi biết một số thông tin!*

....., ngày..... tháng..... năm 20

**Người phỏng vấn**

### Phụ lục 3

#### PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA HSTHCS

GV Quan sát và đánh giá HS thông qua HĐTNST; Người nghiên cứu quan sát 02 lần, mỗi lần quan sát ngẫu nhiên 5 học sinh

*Mức độ đánh giá: Tốt, Khá, Trung bình và dưới trung bình*

TT	Mức độ phát triển			
	Tên trường	TỐT	KHÁ	TB và dưới TB
1	THCS Bắc Kạn			
2	THCS Đức Xuân			
3	THCS Huyền Tụng			



#### Phụ lục 4

### MẪU PHIẾU KHẢO NGHIỆM TÍNH CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA NHỮNG BIỆN PHÁP ĐÃ XÂY DỰNG

(Dành cho giáo viên)

Những thông tin dưới đây sẽ giúp nhà trường và gia đình làm tốt hơn việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS. Kính mong các thầy, cô giáo hãy suy nghĩ kỹ và trả lời một cách trung thực, khách quan nhất, bằng cách đánh (x) vào ô tương ứng với ý kiến của bản thân.

#### 1. Mức độ cần thiết của các biện pháp

TT	Biện pháp	Rất cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết
1	Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS			
2	Hoàn thiện danh mục các HĐTNST cơ ưu thế phát triển KNGT cho HS			
3	Xây dựng quy trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HSTHCS			
4	Thiết kế tài liệu, hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT			
5	Đa dạng hóa, PP, HTTC HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS			
6	Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh các trường THCS			
7	Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST.			

## 2. Mức độ khả thi của các biện pháp

TT	Biện pháp	Khả thi	Ít khả thi	Phân vân
1	Nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT; tăng cường sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS			
2	Hoàn thiện danh mục các HĐTNST cơ ưu thế phát triển KNGT cho HS			
3	Xây dựng quy trình tổ chức HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HSTHCS			
4	Thiết kế tài liệu, hướng dẫn tổ chức mẫu một số HĐTNST nhằm phát triển KNGT			
5	Đa dạng hóa, PP, HTTC HĐTNST nhằm phát triển KNGT cho HS			
6	Tăng cường huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNST cho học sinh các trường THCS			
7	Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNST			

3. Ý kiến khác: .....

.....

.....